

# Diễn đàn

Số 26 / 1.1.1994

ISSN 1164 – 2378

F O R U M

## Nhịp độ tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị

Hải Vân



Chen giữa hội nghị lần thứ 5 của ban chấp hành trung ương và đại hội nửa nhiệm kỳ của đảng, kỳ họp quốc hội tháng chạp vừa qua đã phản ánh một phần nào cuộc tranh luận hiện nay trong ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam. Theo những nguồn tin từ nội bộ chính quyền, được giới quan sát phương tây đưa ra, cuộc tranh cãi này liên quan đến đường lối xây dựng “kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa” và xoay quanh vấn đề “nhịp độ” tiến hành những cuộc cải cách. Hai bên “tham chiến”: một chủ trương mạnh dạn tăng tốc những cải cách kinh tế và hành chính cần thiết cho sự hình thành nền kinh tế thị trường, bên kia đòi hãm phanh hay ít ra là “thận trọng” trong các bước đi, vì lo ngại cho sự ổn định chính trị thời gian tới, nhất là trong viễn cảnh Hoa Kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận, các doanh nghiệp Mỹ đầy dõa ào vào Việt Nam.

Trong khi thủ tướng Võ Văn Kiệt và chính phủ của ông đề cao các thành quả đạt được – tiêu biểu là nhịp độ tăng trưởng bình quân hơn 7 % suốt ba năm liền –, không ít ý kiến đã nhấn mạnh đến những hệ quả xã hội (phân hoá giàu nghèo và bất công xã hội gay gắt, nạn thất nghiệp hiện lên tới 17 % số lao động cả nước, sự xuống cấp của nền y tế và giáo dục, nạn tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác), và nhất là những hệ quả về hệ tư tưởng! Như báo Quân đội nhân dân, ngày 9.12.1993, thừa nhận: “(chế độ) chưa có chiến lược tư tưởng đáp ứng tính phức tạp của tình hình quốc tế và những đổi thay kinh tế ở trong nước”. Việc lập lại các “ban cán sự đảng” và “đảng đoàn” ở các cơ quan nhà nước và đoàn thể quần chúng có tính hình thức hơn là thực chất.

Trong điều kiện đó, bộ máy đảng cứ phải liên tục báo động về nguy cơ “diễn biến hoà bình”, tức là nguy cơ lật đổ chế độ qua con đường dân chủ hoá đảng và xã hội. Gần đây nhất là vụ Stephen Young – Nguyễn Đình Huy mà cơ quan an ninh đã tạo nên như con ngáo ộp dọa dẫm dư luận và đảng viên trước hội nghị nửa nhiệm kỳ của đảng. Nhân vật số hai trong bộ chính trị, phụ trách khối an ninh và đối ngoại, đại tướng Lê Đức Anh, đại biểu cho quan điểm đặt yêu cầu “ổn định chính trị” lên hàng đầu. Ngoài giới tướng lĩnh, người ta còn chú ý theo dõi thái độ của đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh mà cựu tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đang ít nhiều sử dụng trong cuộc vận động đòi thủ tướng Võ Văn Kiệt về hưu.

(xem tiếp trang 8)---

Chúc Mừng  
Năm Mới

### mục lục

2. Bạn đọc và Diễn Đàn

#### Thời sự, những vấn đề

- |   |           |
|---|-----------|
| 1. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị | Hải Vân   |
| 4. Tin tức Việt Nam                                 |           |
| 8. Hội thảo hay là cạm bẫy?                         | P. Q.     |
| 14. Sự kiện Siem Reap                               | Thành Tín |
| 16. Tư cách người đảng viên và giường máy đảng      | Đơn Hành  |



#### Hồ sơ đại học

- |   |                |
|---|----------------|
| 9. Về vai trò của nhà nước trong giáo dục đại học | Bùi Trọng Liễu |
| 10. Về hiện trạng đại học Việt Nam                | Vụ đại học     |
| 13. Chính sách công nghệ thông tin tại Việt Nam   | Hàn Thủy       |

#### Thảo luận : dân chủ và chủ nghĩa xã hội

- |   |                  |
|---|------------------|
| 17. Những ngộ nhận về dân chủ và chủ nghĩa xã hội | Lê Quang Vịnh    |
| 21. Vài điều trả lời anh Lê Quang Vịnh            | Phan Đình Diệu   |
| 23. Thư ngỏ gửi Lê Quang Vịnh                     | Nguyễn Ngọc Giao |

#### Văn hoá, nghệ thuật

- |                                     |                       |
|-------------------------------------|-----------------------|
| 25. Văn Cao – Thơ Người đi dọc biển | Thanh Thảo<br>Văn Cao |
| 26. Hãy tha thứ cho em / Khởi điểm  | Kiến Văn              |
| 28. “Hồn Đại Việt Giọng Hàn Thuyên” | Vĩnh Sinh             |
| 31. Thiếu nữ và con mắt             | Trần Thị Diệu Tâm     |

Xuất bản tác phẩm của học giả  
**CAO XUÂN HUY**

Cụ Cao Xuân Huy (1900-1983) là một trong số học giả uyên thâm thế hệ Đào Duy Anh, Đặng Thai Mai, trong nhiều năm đã giảng dạy về triết học phương Đông, đặc biệt về Lão Trang. Cụ là nhà Đạo học sâu sắc nhất của nước ta trong giai đoạn vừa qua.

Bình sinh cụ ít viết, nay học trò của cụ ở trong nước đã sưu tập một số bài giảng và trước tác của cụ về triết học, so sánh triết lý Đông Tây, về tư tưởng Lê Quý Đôn về tư tưởng Việt Nam thời Tự Đức...

Cuốn sách (khoảng 300 trang) sắp xuất bản, sẽ mang tựa đề của bài đầu :

**CHỦ TOÀN và CHỦ BIỆT**  
*hai ngã rẽ trong triết học Đông Tây*

Bạn đọc ở Pháp có thể ghi mua trước (hạn chót : 30.1.1994) với giá 100 FF (các nước khác : thêm 20 %), ngân phiếu và thư từ gửi về :

Bùi Quang Nghĩa  
14, Promenée Marat  
94200 IVRY-sur-SEINE

**centre culturel franco-vietnamien**

24, RUE DES ÉCOLES, PARIS 5, ☎ 43 29 60 89

ouvert tous les jours [sauf le lundi]

**calendrier de JANVIER-FÉVRIER 1994 :**

EXPOSITIONS DE PEINTURES :

11 janvier : *Sơn Lâm*, peinture et laque

8 février : *Trần Trọng Vũ*

EXPOSITIONS DE PHOTOGRAPHIES :

du 4 au 23 janvier : *L'expérience des regards, Vietnam 1991*,  
de Sabine DELCOUR

du 25 jan. au 10 février : *Dessins et photos*

de FRANCE - VIETNAM CULTURE

RÉCITALS :

22 jan. à 20h30 : Récital de musique traditionnelle par Nguyễn  
Thị Hải Phượng, présenté par Trần Văn Khê

28 & 29 jan. (20h30), 30 jan (15h) : *Au fil de l'eau*, contes viet-  
namiens adaptés et mis en scènes par Nguyễn Thị Mỹ Châu

CONFÉRENCES :

6 janvier à 20 h : *Blancs et Jaunes en Indochine française*,  
1858-1954, par Alain RUSCIO, historien.

10 fév. à 20 h : *Bouddhisme tibétain et bouddhisme vietnamien*  
par M. MCAFEE (théologien)

et Mme LANGLET Thanh Tâm (E.P.H.E.)

*Bạn đọc*  
& **Diễn đàn**

**Đồng thanh hay đồng khí ?**

Tôi sang Anh làm việc một năm, nên xin ghi tên mua báo. Tôi được đọc *Diễn Đàn* (một bộ *Diễn Đàn* nhàu nát vì qua nhiều người đọc) khi ghé qua Nga trên đường sang đây. Những anh em tôi quen ở Mat-xcơ-va đều là những trí thức đang sống trong tâm trạng bị gạt ra bên lề cuộc đời. Họ chăm chú theo dõi và rất tâm đắc với *Diễn Đàn*.

Nguyễn T. H. (London, Anh)

**Thiện tai ! Thiện tai !**

*Diễn Đàn* số 25 (12.93) " vượt chỉ tiêu " : có đến hai trang thơ ! Cảm ơn người chọn thơ, và cả người gõ máy.

Về thơ, bài *Trừ đi* — ngoài việc " nó " là chúng từ cần lưu trữ / phổ biến — có lẽ là loại thơ khó nhớ, khó gây cảm khoái cho số đông bạn yêu thơ (tác giả, khi viết, hẳn không có chủ tâm làm vui, làm duyên...) Còn nói rằng khi đọc lên mà linh cảm " dễ nhận ra phong cách Chế Lan Viên " có lẽ chỉ là chuyện nói cho vui.

*Trừ đi*, và nói rộng ra, những trái khoáy khác, dù không nói lên, không trình làng, bá tánh vẫn biết, vẫn nghe thấy bình nhạt ; cho nên chẳng có gì thành chuyện. Nhưng nghe đâu nó " bỗng thành chuyện ". Điều này nữ sĩ Vũ Thị Thường rất ư có lý. Biết sao !

Còn về bài *Trái tim buốt nhúc* — với điệp ý (chủ tâm) và lối cấu tứ tương phản — rất dung dị, rất thực nữ : thật đáng yêu (hay đáng thương ?).

*Khoảng trống ngoài sân khấu* : ò ! câu kết, câu thơ-văn - xuôi nghe rất ngây thơ, bình dị nhưng có cái sức nặng của một quả tạ. Thiện tai ! Thiện tai !

H.M.T. (Paris, Pháp)

⊗ Bỏ công chọn thơ, đánh máy và làm " mi " mất công đấy, nhưng đọc thơ anh, thấy cũng bỏ công. Còn nói nhận ra phong cách Chế Lan Viên trong bài *Trừ đi*, là nói phong cách luồng thơ " trí tuệ " từ cuối những năm 1960, và lối nói hơi cường điệu, bao giờ cũng cần... trừ đi một phần.

**DIỄN ĐÀN FORUM**

*Chủ nhiệm:* Hà Dương Tường

*Tổng biên tập:* Trần Hải Hạc

*Ban chủ biên:* Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,  
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:*

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Văn

## Giá đặc biệt

Tôi không may, vừa gia nhập quân đội 3 triệu người thất nghiệp. Thư nhắc trả tiền báo năm mới của *Diễn Đàn* đến nhà giữa lúc tài chính gay go. Đọc báo *Diễn Đàn* cũng chẳng vui gì, mà ngừng đọc *Diễn Đàn* lại càng buồn hơn. Nên tôi bàn với bà xã, xin đề nghị một giải pháp nửa vời như sau : tôi xin gửi kèm đây ngân phiếu 125 F để mua nửa năm báo. 6 tháng nữa, hy vọng tình hình sáng sủa hơn, sẽ xin trả nốt. Còn nếu như... thì hạ hồi phân giải. Mong quý anh chị thông cảm.

P. B. (Paris, Pháp)

❖ *Đọc thư anh, cả bọn lặng người. Xin anh chị, cũng như tất cả các bạn đồng cảnh, coi 125 F là giá báo một năm dành cho các bạn đang mất việc. Chúc anh chị nhiều nghị lực và may mắn.*

## Diễn Đàn chuyển hướng ?

Tôi thấy gần đây, *Diễn Đàn* đã quan tâm tới các hoạt động xã hội, y tế... giúp đồng bào trong nước. Chuyển hướng như vậy tôi rất hoan hô. Ý kiến của *Diễn Đàn* về chính trị rất hay, cho dù không phù hợp mặt này mặt kia với tình hình thực tế, thì cũng toát ra nhiệt tâm và tinh thần dân chủ (tuy lời vẫn đôi khi cũng hơi ác đấy). Nhưng bây giờ người ta về nước ngày càng đông, thăm nhà, du lịch, làm ăn buôn bán, làm việc thiện, hợp tác... , nếu *Diễn Đàn* cứ toàn nói chính trị, không phải đọc giả không thấy đúng, nhưng không khỏi sinh ra một khoảng cách giữa tờ báo và người đọc. Nếu *Diễn Đàn* rơi vào cảnh thuyết pháp giữa sa mạc, thì rất đáng tiếc !

B. Tâm (Montrouge, Pháp)

❖ *Cám ơn các nhận xét tinh tế và ý kiến sâu sắc của chị (anh ?). Đúng là nhìn bề ngoài, Diễn Đàn có chuyển hướng như chị quan sát. Nhưng cũng xin nói thật :*

1) Chúng tôi, từ trước đến nay, ủng hộ mọi hoạt động hợp tác về các mặt kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội... ở Việt Nam. Bản thân mỗi người chúng tôi ít nhiều đều tham gia những phương án như vậy, bằng cách này hay các khác (tài chính, về nước, môi giới, tư vấn...).

2) Trong hai năm đầu, quan hệ giữa *Diễn Đàn* với bộ máy nhà nước rất căng. Ngày nay, tuy tình hình chẳng tốt đẹp gì, báo gửi về vẫn không đến đúng địa chỉ, nhưng một bộ phận chính quyền cũng đã tỏ thái độ thức thời. Cho nên trước đây, chúng tôi tránh nói tới các hoạt động của các hội đoàn, vì không muốn các hội đoàn ấy bị chụp mũ và gặp khó khăn trong công việc, biên tập viên *Diễn Đàn* tham gia vào các phương án đều tham gia một cách kín đáo. Chúng tôi vẫn hay đùa với các hội đoàn bằng cách dọa họ là... *Diễn Đàn* sẽ nói tốt về họ. Bây giờ, một vài mặt đã được bình thường hoá, chúng tôi từng bước làm một công việc thông tin bình thường, tất nhiên với sự đồng ý của các cá nhân và hội đoàn ấy.

*Im lặng nhiều khi là vàng, lời nói cũng thế, phải không chị !*

## AIDE AUX ETUDES

cours de soutien ou d'approfondissement pour lycéens en MATHS, PHYSIQUE, FRANÇAIS, BIOLOGIE, ECONOMIE, ANGLAIS

Tous les samedis de 14 h à 18 h à l'Ecole municipale, 7 rue Paul Signac, 94110 ARCUEIL [RER Arcueil-Cachan, sortie Dr Gosselin]  
Donnés par des élèves de Grandes Ecoles et des étudiants, ces cours sont organisés par l'UJVF. Renseignements : Mr. Ho (43 73 29 41).

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt :** từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo :**  
1/8 trang : 180 F  
1/4 trang : 300 F  
1/2 trang : 550 F  
1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 18,6 %)

**Đăng liên tiếp nhiều số báo**

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

**Chứng từ đăng tải :** sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

**mua kèm :** bạn đọc sử dụng tiếng Pháp có thể mua dài hạn 1 năm báo **Diễn Đàn** và bản tin **Forum** 300 F (thay vì 325 F) (giá tại Pháp)

## Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

Địa chỉ .....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là .....FF, gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF).

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (ngân hàng hay bưu điện) đề tên DIENDAN (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)  
Nếu trả bằng bưu phiếu (mandat-poste), xin đừng gửi mandat-carte thẳng đến toà soạn (tốn tiền hơn) mà nên chuyển trực tiếp vào CCP *Diễn Đàn* (Paris 04 416 14 W) bằng mandat de versement à un compte de chèques postaux.

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (uberweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị gửi báo tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

# Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

## Kinh tế 1993 : tiếp tục tăng trưởng trên 7 %

Các thông tin về kinh tế do chính phủ Việt Nam trình bày tại kỳ họp quốc hội tháng 12 vừa qua cho biết tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 1993 đã tăng 7,5 % so với năm 1992. Tính chung ba năm 1991 - 92 - 93, nhịp độ tăng trưởng bình quân là 7,2 %. Trong năm 93, sản lượng lương thực quy thóc đạt 24,5 triệu tấn (tăng 1,2 % so với 1992, trong đó riêng thóc đạt khoảng 21,8 triệu tấn), sản xuất nông nghiệp nói chung tăng 3 %. Sản lượng dầu thô đạt 6,5 triệu tấn, tăng 18 % so với 1992. Sản xuất công nghiệp nói chung tăng 11 %. Kim ngạch xuất khẩu ước tính gần 3 tỉ đôla (tăng 20 %), cán cân thanh toán thiếu hụt khoảng 400 triệu đôla do nhập khẩu tăng nhanh. {Xem tin thương mại, dưới đây}

Tổng vốn đầu tư đạt 30 800 tỉ đồng (2,8 tỉ đôla), tăng 45 % so với năm trước. Tỷ lệ đầu tư từ nguồn vốn trong nước so với GDP là 12,7 % (năm 1992 : 6,9 %). Theo ước tính của chính phủ, nguồn vốn trong dân lên đến 20 ngàn tỉ đồng trong năm 1993, nhưng mức huy động mới đạt khoảng 8 ngàn tỉ, phần lớn được dùng vào xây dựng nhà ở. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài tiếp tục tăng nhanh, phần vốn đã đưa vào thực hiện trong năm lên tới 850 triệu đôla (gấp gần 2 lần năm 1992).

Tỷ lệ lạm phát đã giảm từ 17 % năm 1992 xuống còn 4 % tính tới cuối tháng 11. Tổng thu ngân sách ước khoảng 27 000 tỉ đồng, tổng chi 36 000 tỉ. Mức thiếu hụt (tương đương 6,7 % GDP) được bù đắp hoàn toàn bằng nguồn vay, lần đầu tiên nhà nước không phải in thêm tiền.

Trên cơ sở những thành quả ấy, thủ tướng Võ Văn Kiệt chủ trương đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong những năm tới, đạt không dưới 8 % mỗi năm, “ vượt mục tiêu đến năm 2000 tăng gấp đôi GDP so với năm 1990 ” {Đây là mục tiêu đã được tính lại. Theo đúng “ Chiến lược phát triển kinh tế đến năm 2000 ” do đảng cộng sản đề ra ở đại hội 7 của đảng, mục tiêu đề ra là đến năm 2000 “ tăng gấp đôi thu nhập quốc dân tính theo đầu người so với năm 1990 ”, chú không chỉ là “ tăng gấp đôi GDP ”. Sự tính lại cho sát thực tế hơn này không có gì đáng xấu hổ, song điều đáng tiếc là nó không được nói lên một cách minh bạch. DD}.

Để đạt nhịp độ tăng trưởng nói trên, chính phủ Võ Văn Kiệt đề ra 4 biện pháp lớn :

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển, và định hướng đầu tư theo các yêu cầu “ tạo chuyển biến rõ nét trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, từng bước công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn ”, “ xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là mạng lưới điện, các trục đường bộ, đường sắt, cảng, sân bay hệ thống thuỷ lợi và nước sinh hoạt, hệ thống thông tin liên lạc nội địa và viễn thông... ”.

- Phát huy tiềm năng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành phần kinh tế, đặc biệt là việc “ chấn chỉnh khu vực doanh nghiệp nhà nước ” và “ xoá bỏ các qui định ngăn cản, cấm đoán phi pháp, gây khó khăn cho kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân ”, “ quản lý kinh doanh theo pháp luật ”.

- Mở rộng nhanh quan hệ kinh tế với bên ngoài.

- Đổi mới và cải thiện tình hình tài chính - tiền tệ - tín dụng, trong đó có việc cải cách hệ thống thuế và hệ thống ngân hàng.

Để “ nâng cao hiệu lực điều hành của chính phủ ”, một chương trình cải cách hành chính được đề ra, với 4 điểm chính :

- Tạo khuôn khổ pháp lý cho mọi hoạt động kinh tế trong cơ chế thị trường, hình thành các bộ luật cơ bản, đặc biệt là luật dân sự, luật kinh doanh, và nâng cao hiệu lực thi hành luật pháp. {Cũng trong kỳ họp quốc hội lần này, theo báo cáo của chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh, trong năm qua quốc hội đã thông qua 11 luật và 4 quy chế, đạt 72 % chương trình xây dựng các dự án luật và quy chế}.

- Xoá bỏ trong năm 1994 chức năng chủ quản của các cơ quan hành chính đối với các doanh nghiệp nhà nước và sự phân biệt giữa doanh nghiệp trung ương và địa phương. (Trong một đoạn khác của bản báo cáo, ông Kiệt nêu rõ “ các chức năng về chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước cần được tập trung vào một cơ quan chịu trách nhiệm quản lý vốn và tài sản công, đại diện cho chủ sở hữu đối với những cổ phần của nhà nước tại các công ty ”). Phân định thẩm quyền hành chính của các cấp chính quyền, khắc phục tình trạng ngành hoặc địa phương ban hành văn bản trái với quyết định của chính phủ.

- Cải cách thủ tục hành chính trước hết ở những lĩnh vực đang cản trở hoạt động kinh doanh và gây phiền hà cho nhiều người. Ban hành luật hành chính và thành lập toà án hành chính để giải quyết các khiếu nại của dân đối với cơ quan và viên chức hành chính.

- Xây dựng chế độ công vụ, quy chế công chức, đào tạo lại đội ngũ công chức, sửa đổi quy chế tuyển dụng và bổ nhiệm công chức...

Ngoài ra, báo cáo dành một phần nói về việc “ giải quyết tốt hơn các vấn đề văn hoá, xã hội ”, trong đó ông Kiệt nhấn mạnh “ nhiệm vụ nâng cao dân trí ”, “ thu xếp việc làm của thanh niên mới ra trường ”, “ tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức có thể cống hiến trí tuệ và tài năng cho đất nước sống tốt bằng nghề của mình ”, và “ tạo điều kiện để các bạn trí thức người Việt định cư ở nước ngoài tham gia vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của nước nhà trong nhiều lĩnh vực bằng nhiều hình thức phù hợp ”.

Một điều đáng chú ý là ông Kiệt đã hoàn toàn dành bản báo cáo trước quốc hội của mình cho vấn đề tăng trưởng kinh tế. Báo cáo về kế hoạch và ngân sách nhà nước đã được gửi trước tới các đại biểu quốc hội, các chủ đề khác như quốc phòng và an ninh, công tác đối ngoại, và đặc biệt là chủ đề thời sự nóng hổi về chống tham nhũng và buôn lậu v.v... được chia cho các bộ trưởng “ báo cáo bổ sung ”...

## **Cán cân thương mại : nhập siêu**

Theo những con số được công bố giữa tháng 12, cán cân thương mại Việt Nam trong năm 1993 sẽ thâm thủng khoảng 200 triệu đôla, với 3,2 tỉ đôla trị giá hàng nhập và 3 tỉ đôla hàng xuất. Sắt thép đứng đầu hàng nhập, tăng 150 000 tấn so với năm 1992. Ngoài ra, vật tư nặng cho một vài công trình lớn như máy tuyền-bin chạy bằng khí đốt, công trình đường dây siêu áp nam - bắc v.v... cũng là những hàng nhập đáng kể. Tuy nhiên, phần tăng chính thuộc về những mặt hàng tiêu thụ như xe máy (180 000 chiếc), ô tô con (4 000 chiếc), tivi, vải v.v... (Theo báo Tuổi Trẻ 21.10, tính tới cuối tháng 9, kim ngạch nhập khẩu đã lên tới 2,2 tỉ đôla, trong đó chỉ mới có 180 triệu là nhập thiết bị, vật tư sản xuất).

Trong những hàng xuất, đứng đầu vẫn là dầu mỏ (khoảng 1 triệu tấn), gạo (1,7 triệu tấn, ít hơn năm ngoái 250 000 tấn dù sản lượng tăng lên), cà phê (20 000 tấn), trà (4 000 tấn), hải sản (370 triệu đôla) v.v... Nhịp độ tăng xuất khẩu bị chững lại có phần do những khó khăn của hai ngành sản xuất lớn là than và thiếc. Giá thiếc trên thị trường thế giới giảm mạnh trong năm qua (từ 6 400 đôla một tấn xuống còn 4 000 đôla) đang làm cho các mỏ thiếc Việt Nam điêu đứng, hàng ngàn công nhân bị đe dọa mất việc.

Những con số thống kê xuất nhập khẩu nói trên không tính tới hàng xuất nhập lậu (chủ yếu là nhập), có thể lên trên 20 % những trao đổi thương mại của cả nước. (AFP 18, 22.12 và 27.11.1993)

## **Thủy điện Yali**

Ngày 4.11.1993, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phát lệnh khởi công xây dựng công trình thủy điện Yali, trên sông Sê San, tỉnh Gia Lai, cách thị xã Kon Tum 40 km. Theo thiết kế, Yali sẽ gồm 4 tổ máy, với tổng công suất 720 MW, là công trình thủy điện lớn thứ nhì của Việt Nam, sau thủy điện Hoà Bình (Sông Đà, công suất toàn bộ 1 920 MW, sẽ hoàn thành trong năm tới). Tổ máy số 1 của Yali dự trù sẽ phát điện vào năm 1998, góp phần giải quyết nạn thiếu điện ở các tỉnh miền Trung. Sau 1999, sản lượng điện Yali (3,685 tỉ kwh/năm) chủ yếu sẽ được đưa vào nam theo đường dây siêu áp 500 kv, đáp ứng khoảng 1/3 nhu cầu điện của phía nam, còn miền Trung sẽ dùng điện từ bắc đưa vào và thủy điện nhỏ tại chỗ. Tổng số vốn xây dựng được dự toán là 5 713 tỉ đồng (550 triệu đôla). Hai công ty điện lớn của Nga và Ukraina sẽ cung cấp các thiết bị công nghệ như tuyềnbin, máy phát điện, máy biến thế, thiết bị cơ khí thủy công ở đập tràn... Tổng công ty thủy điện Sông Đà sẽ là lực lượng xây lắp chính. Ngoài Yali, sông Sê San còn 5 bậc thang khác đã được khảo sát để xây dựng thủy điện trong tương lai. Theo bộ trưởng Năng lượng Thái Phụng Nê, chính phủ đầu tư gấp 4 lần so với Hoà Bình để thực hiện chính sách tái định cư cho khoảng 3 200 dân trong vùng sẽ phải dời đi trước khi hồ Yali (6 450 hecta) ngập nước. (Tuổi Trẻ 2 và 4.11, Lao Động 7.11.1993)

## **Học phí đại học (tiếp theo).**

Sau những báo động về học phí đầu năm học (xem Diễn Đàn số 24), liên bộ Giáo dục - đào tạo và Tài chính đã ra thông tư ngày 28.10.1993 cho phép các trường đại học, cao

đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề được thu học phí từ 20 000 đồng tới 60 000 đồng mỗi tháng, và đặt nguyên tắc thu hàng tháng, trên 10 tháng trong năm. Thông tư cũng đề ra mức học phí tối đa cho các trường bán công và tư thục : học phí không được quá mức chi ngân sách mà nhà nước đầu tư hàng năm cho một sinh viên trường công. Báo Tuổi Trẻ ngày 4.11 đưa tin trên đây không nói rõ liên bộ xử lý ra sao về những trường đã định mức học phí cao hơn và nhất là đã thu toàn bộ học phí cả năm từ trong tháng 9 và tháng 10. Riêng thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định miễn học phí cho tất cả các giáo sinh sư phạm trực thuộc thành phố (Tuổi Trẻ 16.11). Một quyết định tương tự đang được bộ Tài chính nghiên cứu để áp dụng cho cả nước (Lao Động 7.11).

Ngoài ra, theo Tuổi Trẻ ngày 25.11.93, một " Quỹ tín dụng sinh viên " đã được Hội sinh viên Việt Nam công bố thành lập nhân dịp hội này chính thức khôi phục lại sau nhiều năm im hơi lặng tiếng. Trong tháng 10.93, quỹ đã bắt đầu cho 20 sinh viên vay tiền học tập, mỗi suất vay 1 triệu đồng, với lãi suất 1,5 % / tháng, tính từng tháng và không cộng lãi vào gốc.

Cũng trong đầu tháng 11, hai trường đại học tư Đại học ngoại ngữ và tin học Sài Gòn (do ông Huỳnh Thế Cuộc làm chủ tịch hội đồng sáng lập) và Đại học ngoại ngữ Sài Gòn (do ông Nguyễn Mạnh Hùng làm chủ tịch) đã được bộ trưởng Trần Hồng Quân ký giấy cho phép hoạt động.

## **Việt - Mỹ : MIA và giảm cấm vận**

Trợ tá bộ trưởng ngoại giao Mỹ Winston Lord, phụ trách vụ Đông Á - Thái Bình Dương, đã tới Hà Nội lần thứ hai (lần đầu vào tháng 7.93) ngày 13.12 vừa qua, để tiếp tục làm việc với phía Việt Nam về các vấn đề quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh (MIA). Tại sân bay Nội Bài, ông đã dự lễ đưa hài cốt của 8 quân nhân Mỹ về nước. Những hài cốt này được tìm thấy ở vùng biên giới Việt - Lào mới đây, trong chuyến khảo sát thứ 26 kể từ tháng 9.1988 của nhóm chuyên môn Việt - Mỹ, và sẽ được đưa về một phòng thí nghiệm quân sự Mỹ ở Hawaii để xác minh.

Dù không chịu tuyên bố gì về vấn đề bãi bỏ cấm vận, chuyến đi của Winston Lord được chính giới Việt Nam và các doanh nhân Mỹ đang có mặt ở Việt Nam coi như một bước tiến trong việc lập lại quan hệ bình thường giữa hai nước. Trợ tá ngoại trưởng Mỹ đã hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt và nhiều quan chức Việt Nam khác, đã trao cho phía Việt Nam ba ngàn trang tư liệu và vi phim liên quan tới khoảng 300 000 quân nhân Việt Nam mất tích trong chiến tranh. Ông cũng đã công bố một viện trợ nhân đạo 2 triệu đô la cho Việt Nam, và một viện trợ đặc biệt 25 000 đôla cho nạn nhân trận bão Kyle tháng 10 vừa qua.

Mười ngày sau chuyến đi của Winston Lord, bộ Ngân khố Hoa Kỳ đã công bố việc thực hiện một quyết định của tổng thống Clinton tháng 9.93, cho phép các xí nghiệp Mỹ tham gia những " dự án phát triển ở Việt Nam đã được các tổ chức tài chính quốc tế đề nghị hoặc chính thức thông qua ". Quyết định này, theo người phát ngôn bộ Ngân khố, là một bước tiến " mới và quan trọng " trong việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước, và mở ra khả năng (cho các xí nghiệp Mỹ) đạt

những hợp đồng trị giá tổng cộng hàng trăm triệu đôla. (AFP 12 tới 15.12, 23 và 24.12.1993)

### **Câu lạc bộ Paris : giảm và hoãn nợ cho Việt Nam**

Sau phiên họp ngày 13 và 14.12.1993 của một số nước chủ nợ của Việt Nam (thường gọi là “ câu lạc bộ Paris ”), nhiều nước phương Tây, kể cả Mỹ, đã ra thông cáo chung chấp nhận giảm tới 50 % nợ công cộng của Việt Nam, “ để giúp đỡ nước này cải thiện nền kinh tế ”. Bản thông cáo cho biết, biện pháp ưu đãi này được thông qua vì Việt Nam đã tiến hành cải cách kinh tế dưới sự hỗ trợ của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), và cũng vì thu nhập của người dân Việt Nam hiện nay quá thấp.

Cụ thể, các nước chủ nợ tuyên bố sẵn sàng xoá 50 % nợ đã tới hạn (549 triệu đôla), và cho trả phần còn lại trong 23 năm tới, tính cả một thời gian 6 năm không phải trả. Một khả năng khác có thể được một số nước chọn lựa là cho Việt Nam trả nợ cũng trong 23 năm tới, nhưng với lãi suất thấp để cộng lại trị giá nợ trả cũng được giảm 50 % so với bình thường. Mặt khác, mỗi nước chủ nợ có thể dùng từng phần nợ vào các dự án viện trợ bảo vệ môi trường. Theo ước tính của Quỹ tiền tệ quốc tế, Việt Nam nợ các nước ngoài khối xã hội chủ nghĩa cũ 3,8 tỉ đôla (trong đó, phần của “ câu lạc bộ Paris ” là 1,730 tỉ), và nợ riêng Liên Xô và Cộng hoà dân chủ Đức 4 tỉ đôla. Số nợ này, ngày nay Liên bang Nga và Cộng hoà liên bang Đức lãnh. Tại hội nghị, Việt Nam cũng đã chính thức tuyên bố chấp nhận trách nhiệm trả những nợ cũ của Việt Nam cộng hoà trước ngày 30.4.1975. Biên bản hội nghị không nói rõ số nợ này là bao nhiêu.

Ngoài Pháp (nước chủ nhà) và Mỹ, bản thông cáo còn được các nước Đức, Úc, Áo, Bỉ, Đan Mạch, Ý, Na Uy, Anh và Hà Lan ký. Nhật, Thụy Điển và Tây Ban Nha chỉ tham dự phiên họp với tư cách quan sát viên. Đoàn Việt Nam dự phiên họp do bộ trưởng tài chính Hồ Tế dẫn đầu. (AFP 15.12.1993)

### **Việt - Pháp**

Ngày 8.12, quốc hội Pháp đã thông qua hiệp định quan thuế giữa Pháp và Việt Nam. Hiệp định này được ký kết tháng 2 năm nay, nhằm tránh việc đánh thuế hai lần, đồng thời chống lậu thuế trong quan hệ thương mại giữa hai nước. Các nghị sĩ quốc hội cũng kêu gọi chính phủ Pháp làm áp lực để Việt Nam cải thiện các quyền con người, tôn trọng tự do tín ngưỡng và “ chấm dứt việc đàn áp các nhà lãnh đạo Phật giáo ”. Nghị sĩ Etienne Pinte, thuộc đảng cầm quyền RPR cũng kêu gọi chính phủ Pháp thương lượng một hiệp định với Việt Nam để bảo vệ những “ quyền hợp pháp (cho công dân Pháp) khi bị bắt ”.

Cuối tháng 11, Quỹ phát triển Pháp (Caisse française de développement – CFD –) đã khánh thành trụ sở cơ quan đại diện tại Hà Nội, trong khi chờ đợi có quy chế hoạt động chính thức – trong những ngày tới, theo ông Jurgensen, tổng giám đốc CFD, có mặt trong buổi lễ. CFD là một cơ quan tài chính của nhà nước Pháp, có nhiệm vụ tài trợ và viện trợ dài hạn cho những dự án phát triển trực tiếp dính tới sản xuất. Quỹ đã làm việc với Ủy ban kế hoạch nhà nước Việt Nam, và đã chọn 10 trên số 109 dự án do Ủy ban đề xuất.

Đô trưởng Paris Jacques Chirac, lãnh tụ đảng cầm quyền Pháp RPR, sẽ đi thăm chính thức ba nước Đông Dương vào trung tuần tháng 1.94. Bắt đầu ở Phnom Penh ngày 10.1, ông Chirac sẽ tới thăm Hà Nội trong hai ngày 11 và 12.1, sẽ hội đàm với nhiều nhân vật trong chính phủ Việt Nam, và dự lễ khai mạc một phòng phẫu thuật tim do Pháp giúp Việt Nam, sau đó sẽ đi thành phố Hồ Chí Minh ngày 13.1 trước khi rời Việt Nam sang Lào. (AFP 27.11, 8.và 23.12.1993)

### **Ca ôm ô kê ?**

Từ Nhật Bản trở về tới sân bay Nội Bài ngày 3.9.1993, cả đoàn 13 nghệ sĩ ca múa Việt Nam đều không cầm nổi nước mắt. Họ khóc vì đắng cay, ê chề, tủi nhục. Sau hơn một tháng im lặng, sự việc đã được báo Lao Động phanh phui ngày 12.10 và trở lại lần nữa ngày 16.11 sau một phiên họp “ làm việc ” với Cục Âm nhạc và Múa, Bộ Văn hoá, ngày 28.10.

Đoàn tới Nhật ngày 31.7 theo một chương trình biểu diễn và tham dự liên hoan dự trừ là 3 tháng. Nhưng sau vài ngày tham dự một liên hoan ca múa ở Osaka, đoàn được đưa về một thành phố nhỏ cách Tokyo 50 km để “ phục vụ ” trong một nhà hàng, với yêu cầu ngồi với khách tại bàn từ 7 giờ tối đến 2 giờ sáng. Đoàn múa “ dân tộc ” biểu diễn trước đoàn Việt Nam là những vũ nữ thoát y Philippin ! Sau khi ép buộc không được, chủ nhà hàng hành hạ cả đoàn về kinh tế : tổng 6 người vào một buồng khách, phần ăn cả tháng mỗi người được 20 000 yen (20 đôla !) cứ ba ngày trưởng đoàn tới đòi mới lấy được... Sau một tháng ba ngày, phối hợp với đại sứ quán, đoàn mới xé bỏ được hợp đồng, lên máy bay về nước.

Bài báo ngày 16.11 cho biết thêm chi tiết, thủ trưởng Văn hoá kiêm cục trưởng cục Âm nhạc và Múa Nguyễn Trung Kiên đã đi Nhật khảo sát trước khi ký hợp đồng (mà một điều khoản ghi rõ bên Việt Nam “ không có quyền chỉ dẫn trực tiếp những nghệ sĩ biểu diễn ”). Trong buổi làm việc ngày 28.10, ông Nguyễn Trung Kiên đã “ răn dạy ” phóng viên báo Lao Động là “ sao nữ vội vàng ” tung tin, “ suy diễn một cách nguy hiểm ”...

Hẳn rằng, được bia ôm gợi ý, cục Âm nhạc và Múa bộ Văn hoá Việt Nam đã sáng tạo nên tiết mục ca ôm ô kê (một cách đọc karaoke !) để xuất khẩu ?

### **Hà Nội mời Việt kiều vào các ban tư vấn**

Ngày 18.11, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký quyết định cho phép các bộ, các cơ quan chính phủ trung ương và địa phương được mời chuyên gia, trí thức Việt kiều làm tư vấn. Quyết định nêu rõ quyền hạn của các chuyên gia tư vấn là nghiên cứu, đề xuất ý kiến, thẩm định dự án theo yêu cầu của cơ quan trong nước ; giới thiệu với cơ quan trong nước những chuyên gia và tổ chức ở nước ngoài ; kiến nghị về những chủ trương, chính sách có liên quan đến cộng đồng người Việt định cư tại nước ngoài. Các chuyên gia tư vấn được cung cấp những thông tin cần thiết, được cấp thị thực xuất nhập cảnh nhiều lần và được đài thọ chi phí cần thiết trong thời gian làm việc tư vấn.

Các ông Vũ Quang Việt, chuyên viên kinh tế của Liên Hiệp Quốc ở New York (Hoa Kỳ), Trần Quốc Hùng, giám đốc quản lý ngân hàng Deutsch Bank tại Frankfurt (Đức), Trần

Văn Thọ, giáo sư kinh tế trường đại học Obirin ở Tokyo (Nhật) là những Việt kiều đầu tiên được mời tham gia ban tư vấn về kinh tế của chính phủ. (Lao Động 28.11.1993)

## Tin ngắn

✓ Các chuyên viên của Hiệp hội những doanh nghiệp được của Pháp đã làm việc với các quan chức Việt Nam cuối tháng 11 vừa qua về các biện pháp chống làm thuốc giả ở Việt Nam. Pháp xuất sang Việt Nam mỗi năm hơn 200 triệu quan Pháp được phẩm.

✓ Trong tháng 1.1994, một đoàn đại biểu nhiều xí nghiệp châu Âu chuyên về giao thông vận tải sẽ tới làm việc với chính phủ Việt Nam về việc xây dựng lại hệ thống đường sá, đặc biệt là công trình xây dựng xa lộ Hà Nội - Hải Phòng. Nhiều chuyên viên các nước châu Á và Hoa Kỳ cũng sẽ tham dự các buổi làm việc được dự trù trong hai ngày 25 và 26.1.1994.

✓ Số du khách tới Hà Nội đã tăng từ 47 000 năm 1990 tới khoảng 300 000 trong năm 1993. Doanh số ngành du lịch thủ đô đạt khoảng 40 triệu đôla năm 93. Hà Nội hiện có 25 khách sạn nhà nước, khoảng 50 khách sạn "mi-ni" tư, và 30 nhà trọ gia đình, tổng cộng 2 850 phòng ngủ, khá xa với yêu cầu phát triển của ngành du lịch.

✓ Hà Nội đã bắt đầu có những phòng điện thoại công cộng sử dụng thẻ điện thoại có băng từ (cartes magnétiques). Hai công ty ngoại quốc Schlumberger (Pháp) và Sapura (Malaixia) hiện chia nhau thị trường đang phát triển mạnh này. Hai loại thẻ điện thoại sẽ được bán ở bưu điện và các khách sạn: một để gọi trong nước và một đi nước ngoài.

✓ Phòng luật sư Singapore Drew and Napier đã mở cơ quan đại diện tại Hà Nội, sau một chuyến đi khảo sát thực địa tháng 11.93. Drew and Napier dự tính sẽ chuyên về các lĩnh vực luật nhân hiệu, bằng sáng chế và luật tài chính quốc tế, và sẽ tặng học bổng để đào tạo luật gia Việt Nam. Một cơ sở luật gia Mỹ Paul & Weiss cũng đang thương lượng với một nhóm luật gia Việt Nam để mở phòng đại diện tại Hà Nội và thành phố HCM.

✓ Theo một cuộc điều tra trong năm 1993 của Viện Dinh dưỡng Việt Nam, khoảng 40 % phụ nữ trong tuổi sinh nở bị thiếu dinh dưỡng. Cân nặng trung bình của phụ nữ từ 15 tới 49 tuổi không vượt quá 45 kg, trong đó 11,5 % cân nặng dưới 38 kg và 10 % cao dưới 1,45 m. Theo kết quả điều tra, 16 % phụ nữ nông thôn không được nghỉ ngơi khi sinh nở, và sinh con nặng dưới 2,5 kg.

✓ Việt Nam đã yêu cầu công ty dầu mỏ Mỹ Crestone từ bỏ hợp đồng thăm dò và khai thác dầu mà công ty này ký với Trung Quốc, vì vùng thăm dò của hợp đồng nằm hoàn toàn trên thềm lục địa Việt Nam. Chủ tịch công ty, ông Randall Thompson, trong hai ngày làm việc với PetroVietnam ở Hà Nội vào giữa tháng 12, đã nhận được khuyến cáo nói trên.

✓ Một cuộc "gặp mặt về vật lý hạt và vật lý thiên văn" đã được tổ chức ở Hà Nội giữa tháng 12.1993, với sự có mặt của hai nhà vật lý đã được giải Nobel, các ông Samuel C.C. Ting (giải năm 1976) và Jack Steinberger (1988), cả hai làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân châu Âu (CERN) ở

Genève. Cuộc "gặp mặt" do giáo sư Jean Trần Thanh Vân, giám đốc nghiên cứu Trung tâm nghiên cứu khoa học Pháp (CNRS) tổ chức.

✓ Theo con số thống kê sơ bộ của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, trung bình mỗi năm Việt Nam mất từ 160 đến 200 ngàn hecta rừng. Hiện nay, diện tích rừng chỉ còn vào khoảng 7 đến 9 triệu hecta, tỉ lệ che phủ 20 đến 28 % diện tích cả nước. Ngoài nạn lũ lụt tăng thêm do đất xói mòn, nạn săn bắt chim thú bừa bãi trong 40 năm qua đã làm cho 200 loài chim, 120 loài thú bị tuyệt chủng.

✓ Tổng công ty vật tư nông nghiệp Việt Nam (Vigecam) và tập đoàn Infocenter (Liên bang Nga) vừa ký kết một hợp đồng xuất nhập khẩu trị giá 500 triệu đô la, được ghi vào chương trình tài trợ các nước Liên Xô cũ của các tổ chức quốc tế. Theo hợp đồng, Vigecam sẽ bán sang Nga 260 000 tấn gạo, 10 000 tấn cà phê, nhiều nghìn tấn rau quả, thịt v.v..., và nhập về 500 000 tấn phân urê, 100 000 tấn phân SA, 200 000 tấn sắt thép xây dựng.

✓ Theo báo Lao Động, bức tranh sơn dầu *Thiếu nữ bên hoa huệ*, một tác phẩm hội họa quý vào bậc nhất của lịch sử hội họa Việt Nam, do nhà danh họa Tô Ngọc Vân vẽ năm 1940, đã được một Việt kiều mua mang ra khỏi nước. Bức tranh nằm trong bộ sưu tập của một người Hà Nội, ông Đức Minh. Theo nhiều nguồn tin đáng tin cậy, ông Đức Minh khi sắp mất đã ngỏ ý tặng toàn bộ những tác phẩm nghệ thuật ông sưu tập được cho nhà nước Việt Nam, với điều kiện chúng được trưng bày trong một nhà bảo tàng mang tên ông. Đề nghị này không được chấp nhận, và nay gia đình ông đang bán đi nhiều tài sản văn hoá đó.

✓ Một hợp đồng hợp doanh đầu tiên đã được ký kết giữa Việt Nam và các hãng dầu Total (Pháp), PTT (Thái) để vô chai và thương mại hoá khí dầu hoá lỏng. Kỹ thuật do Total cung cấp. Một nhà máy công suất 800 000 chai/năm sẽ được xây dựng ở Vũng Tàu, ban đầu sẽ dùng khí và chai của Thái trước khi chuyển sang chuyên trị khí đốt có được khi khai thác các mỏ dầu ngoài khơi Vũng Tàu.

✓ Các công ty Mỹ Unisys và Nhật Mitsui đã ký kết với bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường Việt Nam (MOSTE) một thoả ước hợp tác về lĩnh vực tin học. Hai công ty IBM và Digital Equipment (Mỹ) cũng đã ký kết với MOSTE một thoả ước tương tự hồi tháng 9. Tất cả còn chờ đợi lệnh bãi bỏ cấm vận của Nhà Trắng để đi vào hoạt động.

✓ Ngoại trưởng Úc Gareth Evans, sau hơn một giờ hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt ngày 29.11 tại Hà Nội, đã tuyên bố ông "tin rằng phái đoàn tham vấn Úc về quyền con người sẽ được phép đi Việt Nam, như phía Úc đã đề nghị", có lẽ là vào khoảng tháng tư tới. Một cuộc hội kiến giữa ông Evans và tổng bí thư Đỗ Mười đã bị phía Việt Nam huỷ bỏ.

✓ Hai cơn bão lớn đã đánh vào các tỉnh nam Trung bộ. Cuối tháng 11, cơn bão số 10 (Kyle) đổ bộ vào các tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Định, Đắc Lắc, làm cho 106 người thiệt mạng, 29 người mất tích và gây thiệt hại lên đến 20 triệu đôla. Đầu tháng 12, đến lượt cơn bão Lola (số 11) gieo tang tóc ở các tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, Lâm Đồng, làm 78 người chết, mấy chục người mất tích.

## Hội thảo hay là cạm bẫy ?

Dư luận thán qua xôn xao về một cuộc “ hội thảo quốc tế về phát triển Việt Nam ” dự định tổ chức vào ngày 27.11.93 tại khách sạn Métropole Sài Gòn.

Hai nhân vật trung tâm của vụ này là một người Việt, ông Nguyễn Đình Huy, và một người Mỹ, ông Stephen Young. Ông Young đã bị trục xuất ngày 13.11 khỏi Việt Nam sau khi ký vào một “ biên bản vi phạm ”. Còn ông Huy bị công an tạm giữ. Danh nghĩa của họ : ông Huy là chủ tịch một tổ chức gọi là *Phong trào thống nhất dân tộc và xây dựng dân chủ Việt Nam*, thực chất là một nửa của Đảng Tân Đại Việt do ông Nguyễn Ngọc Huy (đã tù trần) thành lập (nửa kia chống lại) ; còn ông Young nhân danh *Ủy ban quốc tế vì Việt Nam Tự do* bao gồm một vài chính khách cựu hữu Âu-Mỹ.

Ông Huy bị giam trong trại cải tạo 17 năm, cho đến đầu 1992 mới được trả tự do, chắc vẫn còn bị công an theo dõi chặt chẽ. Song người ta thấy ông thoải mái ra tổ chức, trả lời phỏng vấn qua đường điện thoại viễn thông hàng giờ đồng hồ và đóng cọc.. 100 đôla để giữ phòng ở khách sạn Métropole. Còn ông Young, cựu nhân viên USAID, nói sõi tiếng Việt, luật sư, con rể một quan chức Đại Việt, thì đã công bố một lịch trình dân chủ hoá Việt Nam theo đó đảng cộng sản được độc quyền trong 5 năm, nhưng chấp nhận có thêm một đảng đối lập là... *Phong trào thống nhất dân tộc và xây dựng dân chủ Việt Nam* của ông Huy.

Cuộc “ hội thảo ” được quảng cáo miệng khá hấp dẫn : hai chính phủ Việt-Mỹ đã thoả thuận, ngân sách 10 triệu đô, tham dự sẽ có ông Phạm Chánh Trực, phó chủ tịch thành phố và hai người *bạn quý* là tướng Westmoreland và ông Colby, nguyên giám đốc CIA, với thành tích để đời là đã thủ tiêu 70 000 cán bộ và cơ sở Việt cộng.

Chỉ cần nghe quảng cáo, người bình thường tất nhận ra tính chất tiêu lâm khá lộ liễu. Cần tìm hiểu thêm chẳng, là : ai lừa ? với mục đích gì ?

Điều đáng ngạc nhiên là phản ứng nhiệt tình của chính giới Việt Nam hải ngoại. Một bên thì kịch liệt lên án sự ăn chia giữa đảng cộng sản và nhóm hai ông Huy và Young. Một bên có quan niệm thoáng hơn về quyền lợi thì mong rằng cuộc hội thảo sẽ mở ra triển vọng dân chủ hoá ở Việt Nam. Tóm lại, cả hai xu hướng đều... tưởng thật.

Như vậy, kế hoạch của ông Young tuy không ăn nhằm gì tới dân chủ và tới Việt Nam, nhưng cũng giúp cho chúng ta hiểu thêm nhiệt tình của nhiều người. Còn bộ máy công an ở Việt Nam, nếu có tính đến chuyện thả lưới, thì tuy không được mẻ cá nào đáng kể, song với cuộc hội thảo quốc tế cuội này, cũng có thể triển lãm bằng chứng về âm mưu để quốc phản động muốn *diễn biến hoà bình* ở ngay giữa khách sạn Métropole !

Chỉ còn ông Young, người viết bài này xin chịu thua, không hiểu ông muốn gì khi bày ra câu chuyện khiêu khích *trẻ con* như vậy.

P.Q.

## Nhịp độ... (tiếp theo trang 1)

Luận điểm đáp lại của đương kim thủ tướng đã được ông trình bày trong bản báo cáo trước quốc hội. Ông Võ Văn Kiệt cho rằng “ *thách thức lớn nhất* ” đối với chế độ là nền kinh tế phát triển chậm : chính nguy cơ thụt hậu sẽ dẫn đến mất ổn định chính trị. Do đó, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế – không dưới 8 % /năm từ đây đến năm 2000 – mới là “ *điều kiện quyết định* ” sự tồn tại của chế độ. Để bảo đảm “ *định hướng xã hội chủ nghĩa* ”, “ *con đường duy nhất* ”, theo ông Kiệt, là tiếp tục đẩy mạnh cuộc cải cách kinh tế - hành chính mà ông đã khởi động. Người ta cũng chú ý, phần báo cáo trước quốc hội về tệ nạn tham nhũng, buôn lậu, với sự thú nhận bất lực hoàn toàn của chính phủ sau một “ *năm chống tham nhũng* ”, đã được ông Kiệt phân công cho bộ trưởng nội vụ Bùi Thiện Ngộ làm ! Nhưng rồi, chính ông vẫn phải đương đầu với những chất vấn rất mạnh của các đại biểu quốc hội, và phải cam kết sẽ “ *thay đổi chính phủ* ” nếu tham nhũng còn tiếp tục trong năm 1994. (Phân tích thể của ông Kiệt, không thể không tính tới điều này.)

Dấu sao, dưới con mắt của người dân, cuộc tranh chấp trong giới lãnh đạo đảng – giữa một phe “ *bảo thủ* ” và một phe “ *cải cách* ”, theo cách phân loại của các nhà quan sát phương tây –, ít nhiều có vẻ đóng kịch. Hai nhận xét có thể được nêu lên :

– Quyền lợi của cả hai phe gắn liền với hoạt động kinh tế thị trường, hay đúng hơn là với cơ chế buôn bán quyền lực đã hình thành trong quá trình tiến tới nền kinh tế đó. Những lời phê bình nhân danh yêu cầu “ *ổn định chính trị* ” thực chất không thể hiện một sự đối lập về hệ tư tưởng, mà chỉ che dấu sự tranh chấp quyền lực.

– Bản thân phe “ *cải cách* ” cũng có xu hướng thổi phồng sự chống đối của phe “ *bảo thủ* ”, với ý đồ ngăn chặn các chỉ trích của những người tiến bộ, kể cả trong đảng. Mọi thái độ phê phán bị họ đánh giá là làm lợi cho phe “ *bảo thủ* ”.

Nêu vấn đề nhịp độ phát triển kinh tế trong mối tương quan với ổn định chính trị cũng là cách để ban lãnh đạo đảng gạt bỏ những cách đặt vấn đề khác, như vấn đề thực thi những cải tổ chính trị cần thiết cho sự phát triển kinh tế thị trường. Hay nói cách khác, vấn đề dân chủ hoá đời sống chính trị trong xã hội, và ngay trong đảng. Theo một số trí thức đã tìm cách lên tiếng trước hội nghị đại biểu của đảng, đây mới là “ *điều kiện quyết định* ” sự phát triển trong ổn định của đất nước.

“ *Tiếp nhận* ” những tiếng nói đó, tổng bí thư Đỗ Mười đã thẳng thừng cảnh cáo : “ *Không một đảng viên nào được phép phổ biến những ý kiến trái với đường lối của đảng* ”.

Câu hỏi có thể đặt ra : “ *đường lối đó là gì ?* ”.

Hải Vân



# Về vai trò của nhà nước trong giáo dục đại học

Bùi Trọng Liễu  
Giáo sư đại học Paris

Lúc này, vấn đề cải tổ giáo dục đại học ở Việt Nam đang được đặt ra. Các trường đại học công lập đang được dự tính sắp xếp lại. Chính quyền Việt Nam cũng đã ra qui chế cho phép mở đại học tư thục. Tôi nghĩ rằng có lẽ là lúc đáng nói vài lời về vai trò của nhà nước trong giáo dục đại học. (Tôi xin chưa đề cập đến vấn đề trong giáo dục nói chung, bởi vì, theo tôi hiểu, chưa được mở trường tư thục ở cấp phổ thông trung học).

Cách đây không lâu, giáo dục đào tạo còn hoàn toàn là công lập. Trải qua mấy chục năm, do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, vai trò của nhà nước đã bị sử dụng một cách quá đáng, gây ra tình trạng rất “ngột ngạt”, nhất là cách quan niệm, quản lý bao cấp chi li phiền hà đã không mang lại kết quả mong đợi. (Vì vậy mà năm 1988, khi tôi khởi ý thành lập đại học “dân lập” Thăng Long, chính là muốn qua thí điểm đó, chứng tỏ rằng có thể tổ chức và quản lý khác trước). Có thể là sự “ngột ngạt” đó làm cho ngày nay, khi được chút cởi mở, một số người lại có khuynh hướng ngả quá đáng về phía ngược lại : cho rằng chỉ những gì mà nhà nước dùng dính vào thì mới có kết quả, và do đó, “mê” rằng trường đại học tư có thể thay thế được cho đại học công. Cũng không loại trừ khả năng, ở một vài người, có một tinh thần “tù nhiệm nhà nước”, theo nghĩa nếu bộ máy tiếp tục lè mề và tình hình tiếp tục khó khăn, chi bằng thả nổi, đẩy gánh trách nhiệm cho tư nhân.

Tôi nghĩ khác :

Theo tôi, giáo dục đào tạo là vấn đề mà cả xã hội quan tâm, trong đó có ý thức của quần chúng, có lợi ích của tập thể, có vai trò của gia đình, có nguyện vọng của cá nhân,... Do đó, sự tham gia của mọi thành phần của xã hội vào giáo dục đào tạo là sự cần thiết và hợp lý. Cũng vì vậy mà tôi đã và tiếp tục bảo vệ ý kiến cho sự tồn tại của một hệ dân lập tư lập (bên cạnh hệ quốc lập) trong giáo dục đào tạo ở Việt Nam. Nhưng vai trò của nhà nước phải là *chủ chốt*, với điều kiện là vai trò đó được quan niệm một cách hợp lý và rành rọt trong khung cảnh của sự tồn tại đồng thời của hệ quốc lập và một hệ dân lập tư lập bổ sung cho nhau.

Có thể nêu 5 lý do sau đây về “vai trò chủ chốt” của nhà nước :

1/ Giáo dục là một trong những công cụ bảo đảm cho sự bình đẳng và sự công bằng cho mọi công dân trong một xã hội. Trong một xã hội lành mạnh bình thường, ai có thể bảo đảm quyền tự do học hỏi cho mọi người, nếu không phải là nhà nước ? (tôi nói nhà nước theo nghĩa chung, chứ không nói thể chế). Nhất là sự tự do học hỏi còn kéo theo sự bình đẳng

trong việc chọn nghề, việc tiến thân, v.v... của từng cá nhân trong xã hội.

2/ Trên mặt vật chất, giáo dục đòi hỏi những đầu tư lớn và dài hạn, mà kết quả gặt hái được phải tính hằng chục năm, cho nên chỉ nhà nước mới có thể đảm nhận, dù không đảm nhận nổi một mình : nó cũng như vấn đề xây dựng hạ tầng cơ sở (cầu, đường, cảng,...), đầu tư thì lớn, lâu dài mới thu được lợi nhuận.

3/ Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một khối *thống nhất* (không phải như một nước liên bang). Cho nên, dù sự tham gia của mọi thành phần xã hội, của địa phương là cần thiết, vai trò chủ chốt của nhà nước trong việc dự báo kế hoạch, điều tiết, “cầm trịch”, kiểm tra, hiệu chỉnh v.v... là một về chính của sự thống nhất nói trên. (Sự *độc quyền* của nhà nước về *bằng cấp* có ý nghĩa trong khung cảnh đó, chứ không có ý nghĩa trong một mục đích cấm cản hay loại trừ). Cũng có thể nói rằng giáo dục đào tạo, với trình độ tương đương ở mọi địa bàn, là một trong những chất keo gắn liền mọi vùng ; nếu không, đất nước có thể trở thành một thứ “ghép mảnh” (mosaïque), với những hậu quả đang thấy ở nhiều nơi trên thế giới trong việc chung sống hoà bình.

4/ Về giáo dục đào tạo, lò nung đúc trí tuệ của dân tộc, chỉ có nhà nước mới đảm nhiệm được sự *liên tục* và *thừa kế*, điều mà cá nhân hay một tập thể cá nhân, dù đầy thiện chí cũng không thể gánh vác được.

5/ Giáo dục đào tạo là một trong những về chính của nền *độc lập tự chủ*. Cho nên đó là một trong những sứ mạng của nhà nước : bảo đảm được hướng đi lên, bảo đảm chất lượng cũng như số lượng người có trình độ hiểu biết, bảo đảm được mục tiêu “kiến thức” của việc học, (1) v.v...

Cũng cần nói thêm là, trước đây, vì nền kinh tế Việt Nam là *kinh tế kế hoạch*, cho nên cũng có thể viện một thứ “lý do lý thuyết” nào đó để tổ chức giáo dục đại học theo kiểu các đại học đào tạo nghề nghiệp là chính (kiểu đại học sư phạm, đại học ngoại ngữ, đại học xây dựng, v.v...). Kiểu tổ chức đó đã không mang lại kết quả mong đợi. Ngày nay, Việt Nam đã đi vào *kinh tế thị trường*, không thể duy trì sự lỗi thời của hình thức “tổ chức đại học đi vào chuyên ngành quá sớm, và hình thức tuyển học sinh (từ trung học vào đại học ở tuổi 17, 18) để sắp xếp họ đi vào chuyên môn nghề nghiệp quá non” đó nữa, mà cần quan niệm lại sứ mạng của nền đại học (nó bao gồm việc truyền bá sự hiểu biết, kể cả những hiểu biết chưa áp dụng cho một nghề, thông tin khoa học và kỹ thuật, mở rộng văn hoá, nâng cao trí tuệ và tính độc lập suy nghĩ, hoà nhập vào sự tiến triển chung của thế giới,... chứ không chỉ chuyên lo việc đào tạo nghề nghiệp, dù là nghề nghiệp cao cấp) ; có như vậy thì mới góp phần làm cho người Việt Nam đủ sức tự tạo nên sự tiến bộ cho xã hội mình.

Và để tránh sự hiểu lầm có thể xảy ra khi nói tới vai trò “chủ chốt” của nhà nước, tôi xin mượn câu chuyện cổ Trung Hoa (đại khái như sau) để minh hoạ :

Hán Văn đế (thế kỷ 2 trước Tây lịch) lên ngôi được ít lâu, một hôm hỏi hữu thừa tướng Chu Bột :

– Một năm xét xử ngục hình bao nhiêu người ?

Bột tạ lối, không trả lời được. Văn đế lại hỏi :

– Một năm tiền và thóc xuất nhập bao nhiêu ?

Bột xấu hổ, lại tạ lỗi không trả lời được. Văn đế bèn hỏi tả thừa tướng Trần Bình cũng hai câu hỏi đó. Trần Bình trả lời :

– Đã có người lo việc ấy. Nếu hỏi về xử ngục hình, thì hỏi quan đình úy ; nếu hỏi về tiền và thóc, thì hỏi quan trị túc nội sử.

Văn đế lại hỏi :

– Nếu việc gì cũng có người lo rồi, thì ông lo việc gì ?

Bình trả lời :

– Chúc vụ của thừa tướng là giúp vua chính lý âm dương, làm cho 4 mùa thuận, để vạn vật đều sống thoải thích, vỗ về thân ái nhân dân, và làm cho các quan ai cũng đảm nhiệm tốt chức vụ của mình.

Văn đế khen là phải (2).

Tất nhiên, câu trả lời của Trần Bình có phần quá đáng, nhưng rất hay : nó tả được một cách điển hình thế nào là vai trò chủ chốt, đâu có phải là vai trò “ chi li ”, “ kèn kẹt ”...

16/12/1993

(1) Tôi đã có dịp phát biểu ý kiến về giáo dục đại học qua một số bài báo, như :

1. “ Góp ý về việc học ”, trong **Tổ Quốc** tháng 11/1987, **Nhân Dân** 27/12/1987, **Tuổi Trẻ** 29/12/1987.

2. “ Vài suy nghĩ về công học và tư học ”, trong **Diễn Đàn** 1/5/1992, **Tuần Tin Tức** 10/4/1993, **Quê Hương** tháng 7/1993.

3. “ Hỏi đáp về Trung tâm đại học dân lập Thăng Long ”, trong **Diễn Đàn** 1/1/1993.

4. “ Kiểm lại một số ý kiến góp về việc học ”, trong **Diễn Đàn** 1/10/1993, **Nhân Dân Chủ nhật** 24/10/1993, và **Tuổi Trẻ Chủ nhật** 11/1993 trích đăng phần IV trên 5 phần.

5. “ Vài ý kiến về đại học ”, trong **Quê Hương** số Xuân 1994.

Nhân đây, tôi cũng xin được nói rõ “ vị trí ” của tôi khi phát biểu ý kiến. Đáp câu hỏi của một nhà báo trong nước (ngụ ý tới những điều trần thế kỷ 19), tôi có trả lời :

“ Trong lịch sử Việt Nam, có một số nhân vật trí thức được ghi tên tuổi làm gương cho hậu thế : Chu Văn An giữ tiết tháo, không màng danh lợi của đương thời ; Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm thấu hiểu việc đời nên vua chúa đương thời vẫn kể ; La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp có học hạnh nên Quang Trung mấy lần mời giúp ; Nguyễn Trường Tộ thức thời đã thiết tha điều trần để cho xã hội trong đó ông đang sống được đổi mới và phồn thịnh. Nhưng những gương này là để cho những người ở trong nước noi theo. Còn những người gốc Việt Nam sống ở nước ngoài như chúng tôi, nếu có tìm danh lợi thì cũng chỉ ở địa bàn nước định cư ; nếu có chút chuyên môn mà được sự “ cầu hiền ” từ Việt Nam thì tiếng thơm cũng thuộc về người trong nước biết khéo xử ; nếu nhiệt tình góp ý thì chỉ vì thiết tha mong mỏi ở quê hương cũ chúng có được một cuộc sống vui tươi xứng đáng. Nói như vậy để nhấn mạnh tính chất vô tư và tình cảm của sự góp ý, nghĩa là vừa thanh thản vừa thiết tha ”.

(2) Tôi không ngại nêu câu chuyện Tàu này, là vì Việt Nam và Trung Quốc xưa là nước đồng văn ; vả lại, ai đọc sử Việt Nam hẳn còn nhớ việc Triệu Vũ đế (Triệu Đà) tiếp sứ giả của Hán Văn đế là Lục Giả... Trở lại vài chi tiết vụn vặt trong câu chuyện kể trong bài : Sau khi Hán Cao tổ Lưu Bang chết, Lữ hậu chuyên quyền, triều thần rất sợ. Khi Lữ hậu chết, con cháu họ Lữ định cướp ngôi nhà Hán. Chu Bột là tướng có công cầm quân dẹp loạn, Trần Bình là mưu sĩ, rất khôn khéo, nên mới nhường chức thứ nhất cho Chu Bột. Hán Văn đế lên ngôi, muốn tỏ ra mình chú ý đến việc nước, nên mới hỏi 2 câu kể trên. Sau vụ đó, Chu Bột biết mình không bằng Trần Bình, nên lui về, để Trần Bình một mình lo công việc thừa tướng.

**Lời nói đầu :** Ngày 9/12/1993, tôi nhận được tài liệu dưới đây của **Vụ Đại học, Bộ giáo dục và Đào tạo**, do Ban Việt kiều trung ương gửi qua Hội NVNTP bằng FAX. **Diễn Đàn** có nhã ý đề nghị tôi giới thiệu tài liệu này với bạn đọc.

Đây là một tài liệu sửa soạn cho “ Hội nghị tư vấn chuyên đề và cải tổ giáo dục đại học Việt Nam ” do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Việt kiều Trung ương cùng tổ chức, sẽ tiến hành từ 17 đến 19 tháng 2 năm 1994. Đối với ai quan tâm tới nền Đại học Việt Nam, tài liệu này (gồm 4 phần chính) là một tài liệu đáng chú ý, bởi vì không những nó tóm tắt được một cách tổng quát hiện trạng của nền đại học này, mà còn nêu lên được những nét chính của những chủ trương biện pháp, và nói lên những khó khăn nảy sinh trong việc tiến tới thực hiện. Đặt được những câu hỏi đúng, là đã nhích được một bước về hướng giải quyết.

Phần V của tài liệu dành riêng cho Việt kiều : “ Huy động khả năng đóng góp của Việt kiều cho giáo dục đại học ”. Vì phần này rất tóm tắt, tôi đề nghị thay nó bằng nội dung văn bản kèm theo của Ban Việt kiều Trung ương, nêu một số vấn đề đề nghị (Việt kiều) góp ý kiến (\*). Đây là một dịp để những ai có khả năng, có thể đóng góp cụ thể, khỏi phải phê bình chung chung.

**Bùi Trọng Liễu**

Giáo sư đại học Paris

(\*) Địa chỉ liên lạc là :

Bộ Giáo dục và Đào tạo : 49 Đại Cồ Việt, Hà Nội, Đ T : 84 4 263252, FAX : 84 4 264085

Ban Việt kiều Trung ương : 32 Bà Triệu, Hà Nội, Đ T : 84 4 257354, FAX : 84 4 259211.

## I. Mạng lưới đại học

### I.1. Hiện trạng

– Hiện có hơn 100 trường đại học và cao đẳng, các trường quá nhỏ, tổ chức theo ngành chuyên môn hẹp, do đó khó thiết kế các chương trình đào tạo phù hợp với thị trường lao động đa dạng và khó sử dụng được nguồn lực một cách hữu hiệu.

– Tồn tại trên 300 viện nghiên cứu quốc gia tách rời các trường đại học làm cho nghiên cứu khoa học không gắn với đào tạo đại học.

– Hệ thống các trường đại học và cao đẳng sư phạm đào tạo giáo viên phổ thông tách biệt với các đại học và cao đẳng khác... đang gặp khó khăn về chất lượng thấp và thiếu nguồn sinh viên.

### I.2. Chủ trương, biện pháp :

– Xây dựng các viện đại học đa ngành lớn, bao trùm cả các viện nghiên cứu khoa học.

– Thành lập hệ thống đại học cộng đồng ở địa phương đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế địa phương và giảng dạy một số chương trình giai đoạn 1 đại học để tạo cơ hội cho các sinh viên địa phương có thể chuyển tiếp về các đại học lớn. Xây dựng các quan hệ liên kết bảo trợ giữa các đại học lớn và đại học cộng đồng.

– Kết hợp với các bộ ngành khác tổ chức tốt việc đào tạo nhân lực chuyên về công nghệ dưới dạng các trường đại học chuyên ngành hoặc các học viện có đào tạo và bồi dưỡng sau đại học.

– Xây dựng các “ đại học mở ” để tăng thêm qui mô đại học và giữ vững chất lượng của các đại học truyền thống.

– Mở các đại học tư thục, bán công.

### I.3. Việc thực hiện và khó khăn nảy sinh :

– Đại học Quốc gia Hà Nội đã được quyết định thành lập, nhưng đầu tiên chỉ bao gồm ba trường đại học có các ngành khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn ; không có các ngành kỹ thuật công nghệ, không bao gồm các viện nghiên cứu quốc gia.

# Về hiện trạng đại học Việt Nam

Những vấn đề gay gắt, những chủ trương đổi mới  
và khó khăn trong thực hiện

Trước mắt có lẽ trường đại học này khó trực tiếp phục vụ phát triển kinh tế. Sở dĩ có quyết định như trên vì nhiều lẽ : khả năng đầu tư có hạn, ở nước ta còn nhiều người chưa thấy rõ cái lợi thật sự của đại học đa ngành và e ngại trình độ quản lý đại học không đáp ứng được với quy mô viện đại học quá lớn ; ngoài ra các đơn vị nghiên cứu cũng chưa muốn sáp nhập với các viện đại học.

– Các đại học khu vực cũng đang được chuẩn bị thành lập bằng cách sáp nhập các trường đại học và cao đẳng trên vùng một địa bàn : Huế, Đà Nẵng, Thái Nguyên. Khó khăn chung trong việc thành lập các đại học này cũng như những khó khăn đã nêu ở trên.

– Đang chuẩn bị thành lập thí điểm một số đại học cộng đồng ở các địa phương. Khó khăn lớn là kinh phí của các địa phương rất hạn hẹp.

– Đã thành lập hai “ đại học mở ” ở Thành phố Hồ Chí Minh và ở Hà Nội. Một gay gắt phải giải quyết ở hai đại học này là mối quan hệ giữa số và chất lượng, chất lượng và thu nhập của đại học. Mặt khác, cũng chưa có biện pháp hữu hiệu để đảm bảo và kiểm định chất lượng đào tạo.

– Nhà nước đã ra quy chế cho phép thành lập các đại học tư thục và cấp giấy phép cho một số Hội đồng sáng lập để chuẩn bị mở trường. Một số băn khoăn nảy sinh : chưa thấy rõ khả năng các đại học tư thục huy động được thêm nguồn lực khác cho giáo dục đại học ; lo lắng các đại học này làm yếu hệ thống đại học công lập, vì những nguồn đầu tư hứa hẹn của đại học tư thục không lớn và những người đứng ra sáng lập trường là giáo chức cơ hữu của đại học công lập. Một khó khăn khác nữa là nhà nước chưa có kinh nghiệm quản lý loại đại học này.

– Về việc tổ chức hệ thống đào tạo giáo viên, hiện tồn tại hai ý kiến khác nhau : a) cần xây dựng hệ trường đào tạo giáo viên thống nhất, tách biệt với hệ các trường đại học khác, đặc biệt là tách biệt với đại học tổng hợp đa ngành, vì cần nhấn mạnh tính chất “ nghề dạy học ” khi đào tạo giáo viên ; b) cần xóa bỏ thế khép kín của các trường đào tạo giáo viên, tạo “ hệ thống mở ” để huy động sức mạnh của toàn bộ nền đại học phục vụ việc đào tạo giáo viên, nên tổ chức hợp lý các khoa đào tạo giáo viên bậc cao trong các trường đại học đa ngành, cần nhấn mạnh tri thức khoa học khi đào tạo giáo viên.

## II. Quy trình đào tạo đại học

### II. 1. Hiện trạng :

Trước đây đại học được thiết kế để đào tạo chuyên gia theo các chuyên ngành hẹp để phân phối cho thành phần nhà nước, đào tạo liền một mạch bốn, năm năm theo chương trình đồng loạt. Mấy năm qua quy trình đào tạo đã được thay đổi : đào tạo theo diện rộng , phân chia giai đoạn, môđun hoá chương trình đào tạo (sử dụng khái niệm học phần, đơn vị học trình, điểm

trung bình chung...) để đảm bảo tính mềm dẻo. Tuy nhiên các chủ trương này chưa được thực hiện triệt để.

### II.2. Chủ trương, biện pháp :

– Chia giai đoạn cho bậc đại học hệ dài hạn : Giai đoạn I, 1,5 - 2 năm chủ yếu dành cho phần kiến thức đại học đại cương, có thể tổ chức khoảng 7 - 10 nhóm chương trình đào tạo khác nhau cho hầu hết các ngành chuyên môn ở bậc đại học (cấp chứng chỉ Đại học Đại cương) ; Giai đoạn II cỡ 2,5 - 4,5 năm tùy theo ngành chuyên môn cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản theo diện rộng (bằng Cử nhân) ; Giai đoạn cao học 2 năm đào tạo chuyên môn sâu hoặc liên ngành cho các đối tượng biết rõ địa chỉ hoạt động nghề nghiệp (cấp bằng cao học - Master) ; sau đó chỉ có một cấp tiến sĩ.

– Thiết kế thêm cấp học cao đẳng hai - ba năm đào tạo theo các chương trình nặng về ứng dụng hoặc các chương trình tiếp nối với Chứng chỉ đại học đại cương để sinh viên có thể hoạt động nghề nghiệp ở mức độ thấp hơn đại học dài hạn.

– Hoàn thiện việc áp dụng hệ thống đơn vị học trình (credit system) ở các trường đại học để tăng tính mềm dẻo của quy trình đào tạo, làm cho mỗi cá nhân sinh viên có thể lựa chọn chương trình và vạch kế hoạch học tập riêng thích hợp với từng người.

### II. 3. Việc thực hiện và khó khăn nảy sinh :

– Đã triển khai quy trình đào tạo theo giai đoạn ở hơn 40 trường đại học nhưng kết quả còn hạn chế. Lý do : mạng lưới đại học vẫn gồm các trường nhỏ theo chuyên ngành như cũ gây khó khăn cho việc đảm bảo sự liên thông và phân luồng sinh viên sau giai đoạn I.

– Việc kết hợp tổ chức đào tạo ở cấp đại học và cấp cao học chưa chặt chẽ, vì tồn tại một số quan niệm khác nhau về cấp cao học và vì việc phối hợp chỉ đạo cấp học này chưa chặt chẽ.

– Hệ thống đơn vị học trình (tín chỉ) chưa được thực hiện triệt để vì : a) quy mô các trường bé không cho phép tổ chức nhiều chương trình và môn học cho sinh viên lựa chọn ; b) điều kiện vật chất chưa đảm bảo (sách giáo khoa, thư viện, phòng thí nghiệm...) để giảm số giờ lên lớp và tăng số giờ tự học của sinh viên ; c) đa số giáo chức chưa quen giảng dạy và điều hành học vụ theo hệ thống tín chỉ.

## III. Nội dung, phương pháp, chất lượng

### III. 1. Hiện trạng :

– Một số chương trình đào tạo về khoa học xã hội và kinh tế không còn thích hợp khi chuyển qua kinh tế thị trường, mấy năm qua có sửa đổi nhưng còn chấp vá.

– Phần lớn chương trình và nội dung đào tạo chậm thay đổi, không còn cập nhật kịp sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ.

– Phương pháp giảng dạy phổ biến là độc thoại, các phương pháp giảng dạy tích cực để tăng vai trò chủ động của sinh viên (thảo luận, khảo cứu, giải quyết vấn đề...) ít được sử dụng.

– Phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng phần lớn là cổ điển, tùy thuộc vào kinh nghiệm bản thân của từng giáo chức, chưa có phương tiện đánh giá chuẩn nên khó so sánh kết quả học tập của sinh viên được đào tạo từ các cơ sở khác nhau ; việc tuyển sinh vào đại học cho kết quả kém chính xác và không kế thừa được kết quả của bậc học dưới.

– Chất lượng đào tạo nói chung là thấp và rất chênh lệch giữa các trường và giữa các phương thức đào tạo – ví dụ đối với cùng một ngành đào tạo xác định trong cùng một trường chất lượng đại học tại chức (part - time) thấp hơn chất lượng đại học tập trung (full - time). Chưa có cơ chế và tổ chức để kiểm định

(accreditation) chất lượng đào tạo của các trường khác nhau.

– Khó khăn bao trùm là đội ngũ giáo chức thiếu điều kiện nâng cao trình độ và cập nhật kiến thức, thiếu lực lượng giáo chức trẻ có trình độ cao, làm cho sự liên tục của đội ngũ bị hẫng hụt ; thêm nữa đời sống giáo chức quá khó khăn và không có động lực lôi cuốn vào nhiệm vụ chính là giảng dạy. Hệ thống phương tiện giảng dạy, thư viện, phòng thí nghiệm quá nghèo nàn thiếu thốn.

### III. 2. Chủ trương, biện pháp :

– Trên cơ sở tổ chức lại mạng lưới các trường cần xây dựng lại toàn bộ hệ thống chương trình đào tạo đại học theo các mục tiêu, định mức và quan niệm mới, phối hợp tốt phần kiến thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục đại cương với kiến thức và kỹ năng về nghề nghiệp ở cấp đại học, kết hợp hài hoà mục tiêu của cấp đại học với các cấp trên đại học. Có một chuẩn chất lượng thống nhất và các điều kiện vật chất đảm bảo để đạt chuẩn chất lượng đó ; hoà nhập với khu vực và thế giới về những nét chung của cơ cấu hệ thống và chuẩn chất lượng đào tạo đại học. Chỉ có một mức ở đâu ra đối với một chương trình đào tạo theo các phương thức khác nhau và tiến tới chỉ cấp một loại văn bằng.

– Tập trung đổi mới trước hết các chương trình đào tạo về kinh tế, quản trị kinh doanh.

– Tập trung xây dựng hệ thống sách giáo khoa cho đại học theo phương châm : kết hợp viết và dịch những bộ sách có chất lượng cao được sử dụng phổ biến ở nước ngoài, cố gắng để trong vòng vài ba năm tới mọi môn học ở đại học đều có ít nhất một - hai sách giáo khoa. Xây dựng các thư viện trung tâm cho các viện đại học đủ sách và các dịch vụ thông tin hiện đại để phục vụ sinh viên trong và ngoài viện đại học.

– Cải tiến phương pháp giảng dạy, dùng các phương pháp sư phạm tích cực để tăng tính chủ động của sinh viên và các phương tiện hiện đại để tiết kiệm thời gian giảng dạy : máy chiếu, máy vi tính, video, multimedia...

– Cải cách phương thức tuyển sinh đại học, có thể theo hướng tổ chức thành dịch vụ đánh giá ở Trung tâm đánh giá kết hợp với kết quả học tập ở trường phổ thông trung học. Dùng các công nghệ hiện đại trong thi cử ở đại học, đặc biệt cho các đại học mở : công nghệ test, chấm thi tự động...

– Tăng cường các phòng thí nghiệm đại cương và chuyên đề. Hiện đại hoá dần các trường đại học nhờ đầu tư lớn của nhà nước và vay vốn quốc tế.

– Thành lập các tổ chức và xây dựng các quy trình kiểm định chất lượng (accreditation) đào tạo đại học để công nhận chất lượng quốc gia cho các văn bằng của các trường tư và xếp hạng các trường.

### III. 3. Việc thực hiện và khó khăn nảy sinh :

– Phần lớn giáo chức chưa quen với những quan niệm và tiêu chuẩn về chương trình đào tạo đại học trong nền kinh tế thị trường, chưa quen với phương pháp sư phạm tích cực và các phương pháp công nghệ đánh giá mới.

– Thiếu cán bộ quản lý giáo dục đại học được đào tạo nghiêm chỉnh, do đó rất khó đổi mới quản lý đào tạo ở đại học.

– Hầu hết giáo chức trong lĩnh vực kinh tế được đào tạo từ các nước xã hội chủ nghĩa cũ, khó thay đổi và cập nhật với lý luận và thực tiễn mới.

– Rất thiếu sách giáo khoa và các tư liệu mới phục vụ giảng dạy và nghiên cứu. Hệ thống thư viện và thông tin ở các trường đại học quá lạc hậu.

– Nhu cầu bồi dưỡng đào tạo lại giáo chức rất lớn mà cơ hội và nguồn lực thì rất hạn chế. Nhà nước cũng chưa có phương

thức tuyển chọn lại giáo chức vì lo tình hình mất ổn định.

– Nhu cầu trang bị giảng dạy và thí nghiệm rất lớn mà nguồn kinh phí lại hạn hẹp.

## IV Huy động tài chính cho giáo dục đại học

### IV. 1. Hiện trạng :

– Ngân sách nhà nước cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng rất hạn hẹp (năm 1993 cho giáo dục đại học chỉ 85 triệu US\$, 2,3% ngân sách quốc gia). Đối với các trường kinh phí nhà nước chỉ đủ để trả lương, học bổng và một vài chi phí tối thiểu.

– Các nguồn viện trợ và vay từ nước ngoài chỉ tập trung ở một số ít đơn vị. Ngân hàng thế giới hứa cho vay chỉ 50 triệu US\$ nhưng từ tài khóa 1997.

– Các trường cố gắng huy động thêm từ nhiều nguồn : học phí, sản xuất và dịch vụ, nghiên cứu và triển khai thêm, thu thêm cổ ... kinh phí được cấp.

– Học phí sinh viên cỡ bằng 30% kinh phí đào tạo nhưng đã là gánh nặng đối với gia đình nông dân và viên chức nhà nước.

– Lương giáo chức thấp không đủ sống, phần lớn phải làm thêm việc khác, nhiều trường hợp không liên quan đến chuyên môn.

– Tỷ lệ sinh viên được học bổng thấp, định suất học bổng của nhà nước cũng thấp. Các loại học bổng ngoài nhà nước còn rất ít, chưa phổ biến. Chưa có chế độ cho sinh viên vay để học.

### IV. 2. Chủ trương, biện pháp :

– Khuyến khích các trường liên kết hợp đồng đào tạo, sản xuất, dịch vụ, nghiên cứu triển khai.

– Cho phép các trường ký kết hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước để tranh thủ thêm kinh phí.

– Đang nghiên cứu để xây dựng cơ chế tách riêng Quỹ học bổng, cơ chế cho sinh viên vay để học đại học...

### IV. 3. Việc thực hiện và khó khăn nảy sinh :

– Kinh phí cho đào tạo hạn hẹp, kinh phí cho nghiên cứu khoa học được phân phối về các trường đại học rất ít do tình trạng tồn tại hệ thống viện nghiên cứu tách rời đại học.

– Các nhà quản lý đại học chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tìm kiếm kinh phí từ các nguồn khác.

– Chưa có cơ chế buộc những người sử dụng sản phẩm đào tạo phải trả một phần chi phí cho các cơ sở đào tạo, cơ chế buộc các cơ sở sản xuất kinh doanh phải đóng góp cho việc đào tạo.

– Chưa có kinh nghiệm trong việc tổ chức các Quỹ học bổng, Quỹ cho vay để học đại học.

– Chưa có kinh nghiệm xây dựng và quản lý các dự án đầu tư của nước ngoài.

## V. Một số vấn đề đề nghị Việt kiều góp ý kiến

### V. 1. Chức năng chủ yếu của giáo dục đại học :

Giáo dục, đào tạo ; nghiên cứu ; phục vụ xã hội, cộng đồng ; phát triển và bảo tồn văn hoá dân tộc. Ngày nay giáo dục đại học không chỉ đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ cao, mà còn phải đáp ứng nhu cầu xã hội về học tập.

### V. 2. Bốn văn bằng của giáo dục đại học

Cao đẳng (ngắn hạn, ba năm) ; Đại học (dài hạn bốn - sáu năm) ; Cao học (tương tự Master) ; Tiến sĩ. (Theo nghị định của Chính phủ tháng 11 năm 1993).

(xem tiếp trang 14)

# Chính sách Công nghệ Thông tin tại Việt Nam

Theo một nguồn tin của Bruce Stanley, phóng viên Associated Press tại Hà Nội, ở Việt Nam hiện nay có khoảng 50 000 máy tính đủ loại, đa số là máy vi tính (micro-ordinateur), các máy này được dùng trong cả phạm vi nhà nước lẫn tư nhân. Số chuyên gia tin học (informatique) được ước lượng là khoảng 2000 người, mỗi năm các trường đại học trong cả nước đào tạo khoảng 300 người. Chương trình phát triển công nghệ thông tin (CNTT) trở thành một trong những chương trình ưu tiên quốc gia, và ngân sách đầu tư cho tin học từ năm 1985 cho tới năm 2000 là khoảng 1 tỷ đôla, trong đó 2/3 sẽ do đầu tư từ bên ngoài. CNTT được hiểu như tổng hợp các công nghệ Điện tử, Tin học, Viễn thông và Tự động hóa, nhằm ứng dụng trong quản lý, sản xuất, nghiên cứu khoa học... có thể nói mọi hoạt động kinh tế xã hội.

Mặc dù có thể đã được thổi phồng khá nhiều (theo một số liệu chính thức, đầu 92 ở VN mới chỉ có khoảng 6000 máy tính, và số chuyên gia được đào tạo chính quy thì chưa đến 500) những con số này nói lên sự tiến bộ nhanh chóng của ngành CNTT Việt Nam, nhất là khi biết khoảng năm 85, số máy tính có lẽ còn đếm được trên đầu ngón tay. Đây là hậu quả của sự bùng nổ tin học trong những thập kỷ 70, 80, hiệu suất tăng lũy thừa và giá giảm theo, khiến cho dù muốn dù không làn sóng vi tính, tin học cũng xâm nhập vào Việt Nam. Tuy nhiên CNTT không phải chỉ có vấn đề sắm máy vi tính với những chương trình làm sẵn nhập về, ai muốn dùng sao thì dùng. Không cần trở lại tầm quan trọng chiến lược của thông tin nói chung. Vấn đề là triển khai CNTT theo phương hướng nào cho thích hợp với hoàn cảnh riêng của VN. Quốc sách về CNTT là vấn đề nước nào cũng đặt ra, nhất là những nước đang phát triển.

Ngày 04/08/93 thủ tướng Võ văn Kiệt đã ký " *ng nghị quyết của chính phủ về phát triển công nghệ thông tin ở nước ta trong những năm 90* " (trong bài này xin viết gọn thành NQ), nghị quyết này xuất phát từ bản báo cáo " *chính sách quốc gia phát triển công nghệ thông tin ở nước ta đến năm 2000* ", do một tập thể chuyên gia đầu đàn thực hiện từ đầu năm 92, người chủ trì là giáo sư Phan Đình Diệu. Nhiều chuyên gia khác, kể cả Việt kiều nhiều nước, đã được tham khảo ý kiến. Đây là một phác thảo chiến lược, chưa có những bước triển khai cụ thể, dưới đây xin giới thiệu những ý lớn (chữ viết nghiêng là trích NQ), không theo thứ tự và không giới thiệu được hết :

1. " *Phát triển CNTT chủ yếu dựa trên cơ sở tiếp thu công nghệ từ nước ngoài* " (để làm được việc đó) " *cần đào tạo, phát triển lực lượng lao động lành nghề, đẩy mạnh công tác nghiên cứu và triển khai trong nước và hợp tác nghiên cứu với nước ngoài* ". Điều này hiện nay hiển nhiên, nhưng trong quá khứ không phải không có người có ảo tưởng " *tự lực cánh sinh* ".

2. " *Phát triển CNTT ở nước ta chủ yếu là nhằm ứng dụng...* " đây cũng như điểm trên, nhấn mạnh một thực tế hiển nhiên, và cũng nhấn mạnh quan điểm thực dụng cần có ngay hiệu quả, và như vậy là đáng mừng.

3. " *Phát triển CNTT ở nước ta trên cơ sở quan điểm hệ thống mở* ". Điều này có lẽ mới. " *Hệ thống mở* " nói gọn lại là những hệ thống có hai đặc điểm : có thể trao đổi thông tin với những hệ thống khác (bất kỳ do ai sản xuất) và có thể được thêm vào những

chức năng mới, ngày càng giàu hơn (mở ra với tương lai). Quan điểm hệ thống mở khởi đi từ áp lực của những người dùng máy, không muốn bị những hãng bán máy " *cồng tay* " trong hệ thống riêng của họ. Điều này càng trở nên cấp thiết khi việc " *xử lý từ xa* " đã phổ biến trong các công ty, các cơ quan lớn ; ở những nơi này " *xử lý tin* " và " *truyền tin* " liên hệ mật thiết với nhau và có khả năng đem lại những nguồn lợi ích rất lớn, nhưng đồng thời những họ máy, những thế hệ máy khác nhau thường phải hoạt động chung.

Hiện nay chính phủ Liên bang Hoa kỳ và khối thị trường chung Châu Âu đã đều ban hành chính sách " *hệ thống mở* ". Các công ty siêu quốc gia về CNTT dĩ nhiên vâng dạ răm rắp nhưng phải nói rằng trên thực tế còn nhiều vấn đề tồn tại. Những chuẩn mực trở thành quan trọng hàng đầu, không phải chỉ trong các kỹ thuật cơ bản mà còn trong những chức năng cao cấp hơn như thủ tục trao đổi, trình bày thông tin... và những bàn cãi về chuẩn thường kéo dài nhiều năm vì ai cũng muốn " *chuẩn, đồng ý, nhưng nên theo đề nghị của tôi...* " thêm nữa phải có thời gian để cho phép phát minh và thử nghiệm những chức năng mới. Theo thiên ý, VN nên tham dự vào phong trào chung áp đặt " *hệ thống mở* ", có nghĩa là tham gia thực sự vào các tổ chức chuẩn quốc tế, vừa để tìm hiểu các chuẩn mực mới của những chức năng đang hình thành (đây cũng là cơ hội để có thể xác định những sản phẩm CNTT và thị trường vừa tầm tay), vừa bảo vệ những đặc thù của mình. Tuy nhiên cũng không nên cầu toàn, vì có thể tính trước từ đây tới năm 2000 các hệ thống vẫn sẽ vừa mở vừa đóng, vì vậy rất cần có những chuyên gia có trình độ tìm hiểu sâu và làm chủ những hệ thống đó, để làm cho chúng có thể trao đổi với nhau.

Trong bối cảnh đó, việc VN đã ban hành được bộ mã chuẩn chữ Việt thực đáng hoan nghênh và ủng hộ. (xem D. Đ. số 13 / 1.11.92, bài của James Đỗ ; tuy nhiên xin lưu ý bộ mã đã được ban hành ngày 15/3/93 có hơi khác bộ mã dự thảo chúng tôi đã đăng, khi nhận được văn bản chính thức chúng tôi sẽ đính chính lại.) Ngoài ra NQ cũng nhấn mạnh đến sự cần thiết của những chuẩn mực ở cấp cao hơn như những chuẩn về thông tin thống kê, quản lý, điều mà các nhà khoa học trong nước đã yêu cầu từ lâu.

4. Trong các mục tiêu xây dựng và phát triển CNTT, được đặt lên hàng đầu là " *Xây dựng hệ thống các máy tính và các phương tiện truyền thông được liên kết với nhau trong các mạng* ", ... " *khẩn trương xây dựng mạng truyền số liệu quốc gia* ". Điều này cho thấy lưu tâm thích đáng đến kết hợp hài hoà giữa xử lý tin và truyền tin. Một vài số liệu cho thấy nhà nước đã triển khai khá mạnh việc xây dựng hạ tầng cơ sở cho ngành viễn thông, điện thoại : số máy điện thoại hiện có là khoảng 180 000, và dự án cho tới năm 2000 là phải nâng lên đến 3 triệu (như vậy số tiền đầu tư cho riêng khoản này sẽ phải lên tới hàng tỷ đôla). Được biết (theo một tạp chí chuyên ngành tại Pháp) tiền đầu tư năm 82 cho viễn thông ở VN là 70 triệu đôla, ước lượng cho 1993 là 170 triệu. Hiện nay các công ti viễn thông lớn trên thế giới đều có những dự án làm ăn lớn với nước ta, một số đã đang triển khai. Hãng Alcatel đã thành lập chi nhánh tại VN dưới tên Alcatel Network System Vietnam, với dự tính sẽ đặt mỗi năm 150 000 dây/ máy điện thoại.

5. Ngoài những vấn đề cơ bản như giáo dục, phổ cập " *văn hoá thông tin* " trong xã hội, bước đầu xây dựng cơ sở công nghiệp cho CNTT, tăng cường các công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế... NQ cũng nêu tên (không có nhiều chi tiết) một số những dự án cụ thể áp dụng CNTT ở mức nhà nước như " *Hệ thống thông tin quản lý hành chính nhà nước* ", " *tài chính, ngân hàng, thị trường, giá cả và xuất nhập khẩu* " ... đáng chú ý thêm là nhà nước " *khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp trong mọi thành phần kinh tế chủ động tổ chức và thực hiện các dự án tin học hoá hoạt động kinh doanh, dịch vụ của mình* ".

HÀN THUỶ

## VỀ HIỆN TRẠNG ĐẠI HỌC...

(tiếp theo trang 12)

### V.3. Ba loại hình trường chính ở giáo dục đại học

- Viện đại học đa ngành (đang sắp xếp một số trường hiện có thành những viện đại học đa ngành);
- Trường đại học, cao đẳng chuyên ngành (hiện là số đông sẽ tổ chức lại);
- Trường cao đẳng cộng đồng (đang chuẩn bị thí điểm ở một số địa phương)

Mạng lưới trường đại học sẽ sắp xếp lại. Nên theo những nguyên tắc nào?

### V. 4. Mở đại học tư :

Các điều kiện tối thiểu để thành lập một đại học tư ? Cách quản lý chất lượng đào tạo của đại học tư ? Vai trò của nhà nước đối với đại học tư ?

### V. 5. Giáo dục đại học phát triển đa dạng :

Làm thế nào để kiểm tra bảo đảm chất lượng đào tạo của các loại trường, các con đường học tập rất khác nhau ? Kinh nghiệm về tổ chức các trung tâm đánh giá (center of assessment) ? Về kiểm định chất lượng đào tạo ở các trường (accreditation) ?

### V. 6. Tuyển sinh đại học :

Nên tổ chức thế nào ? (đều phải thi tuyển ? hay có bộ phận phải thi tuyển, có bộ phận ghi danh mà không phải thi tuyển ? hay đều là ghi danh ?) Công nghệ đánh giá thi tuyển sinh ?

### V.7. Về chất lượng giảng dạy và nghiên cứu :

Cách lựa chọn và cải tiến chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập, đánh giá. Phương thức kết hợp các cơ sở nghiên cứu với các viện, trường đại học. (Những xu thế của thời đại về cách dạy, cách học, cách quản lý, đánh giá quá trình đào tạo ?)

### V. 8. Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy, quản lý các trường đại học :

- Thực hiện quy trình mới về công nhận chức danh giảng dạy đại học (giáo sư, phó giáo sư) theo nguyên tắc " gắn với nhu cầu giảng dạy tại những trường cụ thể ". Đề nghị góp ý cách làm cụ thể.

- Cần có chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý của các trường đại học. Đề nghị góp ý cách làm cụ thể.

- Hệ thống sư phạm nên tổ chức lại thế nào ?

### V. 9. Về tài chính đại học :

Đa dạng hoá các nguồn thu của trường đại học, không chỉ từ ngân sách nhà nước mà còn huy động các nguồn lực khác nhau trong xã hội đóng góp cho nhà trường, như : học phí, dịch vụ của nhà trường thông qua các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu, triển khai, phục vụ cộng đồng, v. v... sự đóng góp tài trợ của các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân hảo tâm... trong và ngoài nước v.v... ; tranh thủ hợp tác quốc tế.

Thiếu hụt tài chính là một trở ngại lớn hiện nay của các trường đại học. Đề nghị góp ý cách giải quyết.

### V. 10. Về hợp tác quốc tế :

Những khả năng khai thác hợp tác quốc tế. Đề nghị giới thiệu kinh nghiệm làm, cách làm. Đề nghị giới thiệu những địa chỉ (tổ chức, cá nhân) có thể hợp tác, giúp đỡ.

### V. 11. Về tranh thủ sự đóng góp của Việt kiều cho đại học :

- Giúp giáo chức Việt Nam nâng cao trình độ ở nước ngoài ;
- Nhận sinh viên Việt Nam học tập, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu ở nước bạn ;
- Giúp sinh viên du học ;
- Giúp xây dựng hệ thống chương trình, sách giáo khoa ;
- Tham gia giảng dạy các trường đại học Việt Nam.

12. 1993

Sự kiện Siem Reap in dấu ấn rất đậm vào mối quan hệ giữa đảng Công Sản Việt Nam và đảng Nhân Dân Cách Mạng Cam Bốt cũng như trong quan hệ giữa hai nước. Chuyện xảy ra vào hồi 1984, nếu sự nhớ lại của tôi không nhầm. Lúc ấy ông Lê Đức Thọ, người chịu trách nhiệm về tình hình Cam Bốt trong Bộ Chính Trị Đảng Công Sản Việt Nam còn thường xuyên ở Phnom Pênh, trong một biệt thự ở sau điện Chăm Ca Mon, bên bờ sông Mê Kông. Ông Lê Đức Thọ là Tư lệnh của lực lượng Quân Tình nguyện, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của các đơn vị bộ đội Việt Nam ở Cam Bốt. Giúp ông về quân sự là Tham mưu trưởng Hoàng Hoa, từng là cố vấn quân sự cho đoàn đại biểu Việt Nam tham gia thương lượng với phía Hoa Kỳ ở Paris do ông Xuân Thuỷ cầm đầu, ông Lê Đức Thọ làm " cố vấn ", trên thực tế là lãnh đạo, trùm lên hai đoàn của ông Xuân Thuỷ và bà Bình. Chính ông Lê Đức Thọ đã có ý kiến đưa ông Hoàng Hoa (tên thật là Hồ Quang Hoá) vào Ban Chấp Hành Trung Ương trong Đại Hội Đảng 5 hồi cuối năm 1982 và cử ông sang Cam Bốt, với quân hàm Thiếu tướng. Một tương lai thành đạt lớn mở ra cho ông Hoàng Hoa, thì ...sự kiện Siem Reap xảy ra ! Hồi đó quân Khờ Me Đỏ phần lớn đóng ở vùng sát biên giới Thái Lan. Bỗng trong nhân dân Siem Reap có tin đồn Khờ Me Đỏ đã có cơ sở ở nhiều nơi trong tỉnh, nhiều người trong chính quyền Phnom Pênh làm việc cho Khờ Me Đỏ. Họ gọi đó là chính quyền hai mặt, ngày làm cho Phnom Pênh, đêm làm cho Khờ Me Đỏ. Tình hình trở nên căng thẳng, nghi ngờ nhau lan rộng. Một hôm ở đơn vị 479 Quân Tình nguyện, anh Nuôn, một thanh niên Khờ Me đến tự thú rằng anh vốn là cán bộ xã đã trót làm việc cho Khờ Me Đỏ. Cán bộ quân báo cơ quan tham mưu của đơn vị liền hỏi cung thật kỹ, vì chộp được người trong chính quyền hai mặt đây rồi ! Anh ta kể trong chuyến đi buôn ở biên giới, bọn Khờ Me Đỏ bắt giữ anh và ép làm việc cho chúng. Anh đã trót dại, nay xin báo cáo với bộ đội Việt Nam. Những điều anh kể về lính Khờ Me Đỏ là hoàn toàn đáng tin cậy. Cán bộ quân tình báo ở Bộ chỉ huy Quân Tình nguyện ở Phnom Pênh được báo cáo chuyện này liền phóng về Siem Reap bày mưu tính kế khai thác thêm. Thế là anh Nuôn được phóng lên lại vùng biên giới, nhập lại vào hàng ngũ Khờ Me Đỏ để lấy tin tức cho bộ đội Việt Nam.

Ba tuần sau, anh trở lại Siem Reap báo cáo cho cán bộ quân báo Việt Nam : tình hình khẩn cấp ! Khờ Me Đỏ đã đưa về vùng bắc Siem Reap tám trăm khẩu súng có 20 khẩu cối; chúng đã tạo được chính quyền hai mặt ở các huyện và đặc biệt ở cơ quan cấp tỉnh đã có hơn 20 cán bộ nhận làm việc cho chúng. Lúc ấy là tháng 4, chúng định tháng 8 sẽ nổi dậy, cướp chính quyền, ngoài đánh vào, trong khởi nghĩa... Anh kể rằng viên Trung đoàn trưởng của trung đoàn 2, sư đoàn 906 Khờ Me Đỏ đã tin nhiệm cử anh làm Trưởng ban Bảo vệ của trung đoàn, luôn mặc võng bên cạnh Trung đoàn trưởng và Chính uỷ, do đó anh nghe được những điều cơ mật hai người bàn bạc với nhau. Lời cấp báo này ăn khớp với lời đồn lan truyền trong nhân dân rằng Khờ Me Đỏ đang chuẩn bị tiến công lớn, chúng đã " lót ổ " được những kho súng trong nhiều xã, và trong chính quyền ở huyện và tỉnh, Khờ Me Đỏ đã có một số nhân mối. Anh Nuôn lại được phái trở về hàng ngũ địch làm tiếp nhiệm vụ.

Đúng tuần sau, trong một trận đánh ở phía tây thị xã Siem Reap gần hồ Tonlé Sap, bộ đội Việt Nam bắt được 6 tù binh Khờ Me Đỏ, trong đó có một đại đội phó. Sau một số " biện pháp nghiệp vụ " của quân báo Việt Nam, tên này khai rõ

# Sự kiện Siem Reap

Thành Tín

những nội dung gần khớp với báo cáo của anh Nuôn. Cuối cùng cán bộ quân báo của Bộ chỉ huy ở Phnom Pênh trực tiếp khai thác tù binh để thẩm tra lại một lần nữa, và khoái chí thấy đã nắm được chắc phương án hành động của địch. Một kế hoạch phá phủ đầu địch trước khi chúng kịp hành động được vạch ra. Được bộ chỉ huy ở Phnom Pênh duyệt, việc làm đầu tiên là tìm cho ra bọn cán bộ hai mặt ở cấp tỉnh. Hai cán bộ khả nghi ở Ty Nông Nghiệp và Ty Văn Hoá tỉnh bị bắt giữ. Sau mấy ngày khai thác bằng “ biện pháp nghiệp vụ ” họ thú tội, viết ra giấy và ký tên. Họ khai thêm “ đồng bọn ”. Thế là hàng loạt người bị bắt. Cho đến khi Trưởng ty Giáo dục, Trưởng ty Giao thông, Phó chủ tịch Ủy ban Hành chính Tỉnh, Chánh văn phòng Tỉnh uỷ, Thường vụ Tỉnh uỷ... bị bắt. Xe commăng ca của bộ đội Việt Nam đến đâu là các cơ quan tỉnh khiếp sợ.

Một không khí khủng bố bao trùm. Ai cũng có thể là tay sai của Khờ Me Đỏ, ai cũng có thể bị các sỹ quan Việt Nam bắt đưa vào một khu rừng rồi bắt tin... Cho đến khi Bí thư Tỉnh uỷ — người cán bộ được coi là cấp cao nhất trong tỉnh cỡ lớn Siem Reap, nơi có khu đền Ăng-Co Vát và Ăng-Co Thom cổ kính — tự sát. Khi thấy chiếc xe của bộ đội Việt Nam đi vào cổng cơ quan, rồi vị sỹ quan Việt Nam nghiêm trang bước lên thêm theo sau hai chiến sỹ mang súng tiểu liên Nga, ông Bí thư Tỉnh uỷ mất bình tĩnh, giọng run run hỏi lại : “ Các ông bảo tôi đi, nhưng tôi xin hỏi Trung ương đảng tôi có biết chuyện này không ? Sao Phnom Pênh không có ý kiến gì với tôi ? ” Viên sỹ quan Việt Nam thúc giục : “ Có hay không, ông cứ đi theo tôi, rồi tất cả mọi chuyện sẽ rõ. ” Ông Bí thư Tỉnh uỷ liền nói : “ Được, xin chờ chút xíu, cho tôi lên phòng tôi một phút thôi. ” Ông bước lên thang gác, vào phòng, khoá chặt cửa. Chỉ một lát, một tiếng súng nhỏ nổ đanh. Phá cửa vào, người ta thấy ông Bí thư Tỉnh uỷ nằm trên giường, áo quần chỉnh tề, ca vát ở cổ, đầu queo sang một bên, máu từ thái dương đang chảy ra. Chiếc súng ngắn còn ở đầu giường. Trên bàn, một mảnh giấy : “ Các đồng chí bộ đội Việt Nam làm sai. Tôi và các đồng chí của tôi là người cách mạng trung thành. Đảng Nhân Dân Cách Mạng Cam Bốt muôn năm ! ”

Được tin nghiêm trọng này, người của Bộ Nội Vụ chính phủ Hun Xen tới, chuyên gia Việt Nam cấp cao thuộc đủ các ngành : nội vụ, an ninh, tham mưu, quân báo, kiểm sát, thanh tra đến. Kết luận khá nhanh. Tất cả hơn 40 người bị bắt đều không ai có tội gì cả. Khờ Me Đỏ — chắc hẳn được cố vấn Tàu bày vẽ — đã dựng lên một cái bẫy để “ bên ta đánh bên mình ”. Anh chàng Nuôn, vì ngờ nghệch, hay chính là người của Khờ Me Đỏ, thực hiện âm mưu gây rối loạn trong quan hệ

Việt Nam – Khờ Me. Sai lầm lớn thuộc về quân báo bộ đội Việt Nam vì ham thành tích đã mớm cung cho tù binh. Các “ biện pháp nghiệp vụ ” chính là dùng tra tấn, nhục hình tinh vi : không cho ngủ, tra hỏi liên tục làm cho thần kinh cực kỳ căng thẳng ; bắt nhịn đói, nhịn khát rồi dử thú nhận thì cho ăn, cho uống... Cho đứng vào thùng phuy sắt lớn, gõ ở ngoài cho inh tai nhức óc, không sao chịu nổi... Kiểu chúa ngục Côn đảo ? Kiểu KGB ? Kiểu Stasi ở Cộng Hoà Dân Chủ Đức cũ ? Kiểu Việt Nam sáng tạo ? Tổng hợp các kiểu ? Rồi lấy thú nhận “ ép ” người này buộc người kia nhận tội tiếp. Điều rõ nhất là họ đã làm theo kiểu thịnh hành thời Stalin. Điều nghiêm trọng hơn nữa là trong khi tra hỏi, các sỹ quan Việt Nam tha hồ chửi bới, miệt thị cả dân tộc Khờ Me người ta, đồ này đồ nọ... Và quan trọng gấp bội là phía Việt Nam tự ý làm hết cả, không hề báo tin và không mảy may bàn bạc gì với chính phủ và đảng “ bạn ” cả. Chủ quyền của “ bạn ” bị các bạn quý láng giềng “ bỏ túi ” hết trơn !

Chuyện vỡ lở, làm nổ rất mạnh khắp vùng Siem Reap và cả thủ đô Phnom Pênh rồi lan ra cả nước. Bực tức, oán giận và khinh thường. Sao cán bộ cấp cao của bộ đội Việt Nam lại nhe dạ, ấu trĩ, bị Khờ Me Đỏ dễ dàng đưa vào tròng đến vậy ! Vì sao họ lại bộc lộ tinh thần khinh thị dân tộc, xúc phạm danh dự của người Khờ Me đến thế ! Hà Nội lo sợ, phát hoảng lên, tìm cách ếm nhèm việc này, tính đến chuyện xuất Tổng bí thư Lê Duẩn sang “ xin lỗi ”, “ nhận tội ”... Nhưng thấy có vẻ hơi ổn họ phái ông đại tướng Chu Huy Mân, uỷ viên Bộ Chính Trị, Chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị của quân đội sang nhận lỗi, xoa dịu phía Cam Bốt. Hai viên tướng chỉ huy mặt trận 479 ở phía tây Cam Bốt bị kỷ luật, hạ xuống đại tá và trở về Quân Khu 7. Viên đại tá quân báo của Bộ tư lệnh Quân Tỉnh Nguyễn trực tiếp làm vụ này bị đuổi ra khỏi đảng, đuổi ra khỏi quân đội, đuổi về Việt Nam, lãnh tội nặng nhất cùng với 6 sỹ quan quân báo khác. Thiếu tướng Hoàng Hoa, Tham mưu trưởng Quân Tỉnh Nguyễn bị kỷ luật : đưa ra khỏi Ban chấp hành Trung ương đảng, hạ xuống cấp đại tá, về Thủ Đức (Sài gòn) nhận nhiệm vụ Hiệu trưởng Trường Lục Quân 2, chuyên đào tạo sỹ quan cho các đơn vị ở phía Nam.

Hai vị ở chóp bu, lẽ ra là phải chịu trách nhiệm lớn nhất : Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh thì lại yên ổn, không ai đụng đến, chỉ nhận “ thiếu sót ” là để cấp dưới làm sai, viện “ cố ” rằng lúc ấy đang đi vắng, đi chữa bệnh, về nước họp, vân vân và vân vân...Đã thành lệ, có hai thước đo về trách nhiệm và kỷ luật, một cho cấp trên, một cho cấp dưới ; và khi khen thưởng, nhận thành tích thì cũng có hai thước đo khác nhau...

Chế độ độc đoán nào chả vậy !

## **MẶT THẬT, sách mới của THÀNH TÍN**

*Sự kiện Siem Reap* là một chương trong cuốn sách mới của nhà báo Thành Tín (Bùi Tín) : **MẶT THẬT**, nhà xuất bản SAIGON PRESS (Box 4995, IRVINE, CA 92716, USA), 392 trang, giá 16 USD. Chúng tôi xin cảm ơn tác giả đã cho phép trích dẫn và trân trọng giới thiệu sách mới với độc giả.

Tại Pháp, bạn đọc có thể ghi mua với giá 120 FF (kể cả cước phí) bằng cách gửi séc đề tên **Bùi Tín** về hộp thư của **DIỄN ĐÀN**, BP 50, 92340 BOURG-LA-REINE.

# Tư cách người đảng viên và guồng máy đảng

Đơn Hành

**B**an bí thư đảng cộng sản Việt Nam, cách đây mấy tháng, đã có ý đặt ra một chỉ thị theo đó :

- đảng viên không được tiếp khách nước ngoài (Việt kiều cũng như người ngoại quốc) tại nhà riêng, phải tiếp ở ngoài, với sự có mặt của ít nhất một người khác, khi gặp không được dùng ngoại ngữ, mà phải nói tiếng Việt, gặp xong phải báo cáo.

- đảng viên không được nhận điện thoại của người nước ngoài gọi về nhà riêng.

[Thư Hà Nội, Diễn Đàn số 25, 12.93]

Mọi đảng có quyền tự đặt những điều lệ ấy trong nội quy của mình. Không ai cấm con người tự ý giới hạn quyền tự do của chính mình. Cũng không ai bắt người Việt gia nhập đảng cộng sản Việt Nam. Không có gì đáng bàn ? Có, và rất đáng, vì chế độ Việt Nam độc đảng.

Chấp nhận những điều ấy, đảng viên trở thành người *mất tư cách*, không còn cá tính của con người. Đồng thời cũng biến thành một loại ếch đáy giếng. Qua đó đảng mới có thể trở thành một tập thể ngu xuẩn, vô nhân cách, một cái máy. Đó là điều kiện để củng cố một loại quyền lực chỉ dựa vào bạo lực, gian manh, không cần đạo lý, văn học, nghệ thuật, khoa học, tối kỵ những giá trị nhân bản. Quyền lực ấy lại đòi hỏi một nhà nước phi pháp, một dân tộc ngu muội, đói rách, tối tăm. Đảng viên vô tư cách, đảng vô nhân cách, nhà nước vô luật lệ và nhân dân vô văn hoá gắn liền và hỗ trợ nhau. Đó là lôgic nội tại của mọi "chính" quyền toàn trị (*totalitaire*).

Chỉ thị trên có ý nghĩa thời sự. Lúc cường thịnh, ban bí thư không cần ra những chỉ thị loại ấy, càng không muốn nhờ chính phủ biến chúng thành pháp luật. Làm như thế còn gì thể thống, lừa được ai ? Những cấm địa ấy phải tự nhiên, như luật lệ giới giang hồ, bọn *mafia*. Chúng phải thành điều kiện tồn tại của đảng viên, của mọi người. Ban bí thư phải ra một chỉ thị như vậy có nghĩa guồng máy đảng cộng sản đang mất khả năng kiểm soát đảng viên. Và ngày càng đuối sức. Không thể phát triển kinh tế nếu không phát triển những hệ thống liên lạc, giao thông, bưu điện, điện thoại, v.v... Không phát triển kinh tế, chế độ kia sẽ sụp đổ. Đã phát triển kinh tế, sẽ có ngày có hàng triệu cú điện thoại với người Việt Nam từ khắp nơi dồn về. Trừ khi lừa cả nước về cái đáy giếng xã hội

chủ nghĩa hiện thực cũ, không guồng máy nào kiểm soát nổi những cơn lốc ấy. Thượng tầng chính trị sẽ phải "tuân lệnh" hạ tầng kinh tế. Marx có lý.

Đây là điều đáng mừng cho những người cộng sản Việt Nam. Nếu lý tưởng và trí tuệ của họ còn điều gì đóng góp được cho tương lai, họ đã bước đầu có điều kiện để ra tay.

Trong cuộc tranh giành quyền lực giữa phe nắm guồng máy đảng và phe nắm "guồng máy" nhà nước đang hình thành, phe nhà nước, cuối cùng, sẽ thắng, bất kể ai sẽ nắm nhà nước. Ngoài súng đạn, chỉ có hai cách điều khiển con người : bằng tiền hay bằng giá trị (lý tưởng). Muốn dùng súng đạn, cũng phải có tiền mua. Đảng không nuôi nhà nước, nhà nước nuôi đảng. Guồng máy đảng không còn dựa vào giá trị nhân bản nào để điều khiển đảng viên (thí dụ như độc lập dân tộc trong thời chiến), không tùm cổ được nhà nước, guồng máy ấy phần sẽ tan rã, phần sẽ bị mua. "Nhà nước" nắm tiền có ưu thế tạm thời. Nhưng cũng chỉ thắng trận cuối nếu xây dựng được một nền tảng giá trị mới cho mình. Những giá trị ấy chỉ trở thành giá trị thông qua sự ưng thuận của nhân dân, trong đó có đảng viên. Đó là một nội dung cơ bản của quá trình xây dựng luật pháp ở Việt Nam. Quá trình ấy chỉ có ý nghĩa và hiệu lực chính trị nếu nó có nội dung văn hoá. Nó chỉ có nội dung văn hoá nếu nó gắn liền với suy nghĩ, ưu tư, đạo lý của quần chúng, nếu nó được công luận bàn cãi tự do, rộng khắp, công khai. Mục đích cuối cùng của nó là xoá bỏ quyền lãnh đạo vô văn của đảng cộng sản Việt Nam đối với vận mệnh của đất nước, cho phép đảng ấy trở thành một thành viên bình thường của dân tộc, có thể cầm quyền khi được dân tín nhiệm.

Dư luận, xã hội công dân, là đồng minh của những người, kể cả người cộng sản, chủ trương xây dựng một nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, là địch thủ nguy hiểm nhất đối với guồng máy đảng cộng sản. Cuộc tranh chấp cuối cùng sẽ phân thắng bại ở khâu quyết định này. Hiện nay guồng máy đảng còn thất hòng được phần nào dư luận, ngăn cản được sự hình thành của một xã hội công dân. Do đó mà nước ta, mặt ngoài ổn định, mặt trong rối loạn, trì trệ, mục nát.

Đơn Hành

Tìm đọc

## HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT - BIÊN KHẢO

\* Nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

\* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hợp Lưu Magazine, P.O. Box 277,

GARDEN GROVE, CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12



# Những ngộ nhận về DÂN CHỦ và CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Lê Quang Vịnh

Tôi đọc được trên tờ **Diễn Đàn** số 20 (6-93) bản dịch bài phỏng vấn một giáo sư toán học Việt Nam về " Ứng dụng toán học và dân chủ " của nhà sử học Na Uy Stein Tonnesson do tạp chí **Nordic Newsletter of Asian Studies** (số 2-93, Copenhagen, Đan Mạch) công bố.

Bài phỏng vấn chứa đựng nhiều quan điểm tôi nghĩ là cần phải nói lại. Tuy vậy tôi không có điều kiện để xác minh sự thật như thế nào về bài báo và bản dịch, cho nên tôi xin phép chỉ bàn về tư tưởng chứ không đề cập đến con người.

Bài nói lại của tôi sau đây theo rất sát nguyên văn lời phát biểu từng câu chữ trong bản dịch của **Diễn Đàn** :

## Vấn đề I :

### « Từ bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin »

Bài báo ghi nguyên văn lời phát biểu của giáo sư về chủ nghĩa Mác – Lênin như thế này :

« Là người làm khoa học, đã từ lâu tôi phát hiện ra rằng chủ nghĩa Mác – Lênin khó có thể mang lại điều gì hữu ích cho một nước muốn thoát khỏi nghèo nàn. Mô hình xã hội chủ nghĩa như học thuyết Mác – Lênin xác định không phù hợp với một nước nghèo muốn phát triển về xã hội, kinh tế và khoa học. Song Đảng cộng sản ở Việt Nam cũng như ở các nước khác đã ngây thơ tìm cách áp dụng học thuyết của họ vào xã hội hiện đại. Sự thất bại của cuộc cách mạng điện toán thập niên 1980, sự thất bại của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày nay mọi người đều thấy rõ. Vấn đề còn lại là biết rút ra kết luận một cách đầy đủ và từ bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin ».

Tôi xin được bỏ qua những từ ngữ không mấy khiêm tốn của giáo sư. Trong ấn đề này, tôi thấy cần nói lại về chủ nghĩa Mác – Lênin, mô hình xã hội chủ nghĩa, và sự phát triển kinh tế, xã hội và khoa học.

Trước hết tôi nghĩ rằng sự thất bại của hệ thống xã hội chủ nghĩa và sự thất bại trong cách mạng điện toán không đủ để kết luận là phải từ bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin. Tôi không phủ nhận những thất bại ấy nhưng đó là những vận dụng cụ thể chủ nghĩa Mác – Lênin chứ không phải bản thân chủ nghĩa Mác – Lênin. Giải trật một bài

toán, thậm chí hàng loạt bài toán khác nhau, không có nghĩa toán học là sai.

Từ khi có chủ nghĩa xã hội hiện thực, trên thế giới đã xuất hiện không phải chỉ một mô hình xã hội chủ nghĩa. Ngay Liên Xô thời kỳ chính sách cộng sản thời chiến (1917-1921) khác xa với thời kỳ chính sách kinh tế mới NEP (1921-1924) và thời kỳ cố định " mô hình Xô-viết " (1928-1940).

Mô hình Xô-viết đã ảnh hưởng lớn đến nhiều nước xã hội chủ nghĩa và mặc dù các nước Nam Tư, Hung-ga-ri, Ba Lan, Ru-ma-ni... và về sau Trung Quốc, Việt Nam, An-ba-ni... đều cố gắng xây dựng chủ nghĩa xã hội theo kiểu riêng của nước mình, nhưng phải nói mô hình xã hội chủ nghĩa của những nước này vẫn chưa định hình, hơn nữa vẫn mang dấu ấn đậm nét của mô hình Xô-viết.

Sở dĩ ảnh hưởng lớn như thế vì mô hình Xô-viết không phải chỉ dẫn đến toàn sự thất bại. Nó đã làm năng suất lao động xã hội Liên Xô tăng vọt và sự nghiệp công nghiệp hoá Liên Xô tiến những bước dài, mà trước đó nhiều nước phải đi hàng trăm năm vẫn không đạt.

Tôi trích dẫn nhận xét của Brzezinski, nguyên Chủ tịch Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ, một người chống Cộng khét tiếng :

« Theo những thống kê chính thức, tổng thu nhập quốc dân của Liên Xô tăng gấp 4 lần trong những kế hoạch 5 năm đầu tiên. Từ 1928 đến 1940, điện tăng từ 5 tỷ đến 48,3 tỷ KWh ; thép từ 4,3 triệu đến 18,3 triệu tấn, công cụ cơ giới từ 8 000 đến 145 000.

« Khi bắt đầu cuộc chiến tranh (thế giới thứ hai) công nghiệp đã chiếm 84,7 % trong nền kinh tế Xô-viết... cho dù số liệu có được thổi phồng thì đó vẫn là những thành tựu không thể phủ nhận được » (Zbigniew Brzezinski, *The Great Failure*, Nxb. Scribners - Mac Millan, New York 1989).

Thế nhưng tại sao Liên Xô đã khựng lại nhịp độ phát triển, trải qua 18 năm trì trệ rồi sau đó là tiền khủng hoảng và khủng hoảng ?

Thật ra mô hình Xô-viết có những cái đúng rất cơ bản như : công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và khoa học (và nghệ thuật nữa) động viên tinh thần nhân dân Liên Xô đoàn kết với vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Nhưng cái sai cũng bắt nguồn từ những cái đúng ấy khi nó vượt qua những giới hạn quyết định. " Tư tưởng một khi tách rời khỏi lợi ích thì tự nó sẽ làm nhục bản thân nó " (Mác, *Gia đình thần thánh*).

Mô hình Xô-viết đã sử dụng quá đáng các biện pháp tư tưởng và hành chính (giáo dục động viên kết hợp với kỷ luật sắt) cho nên chỉ phù hợp với tình trạng chiến tranh cách mạng mà không phù hợp trong tình trạng hoà bình ổn định kéo dài, con người phải hy sinh lợi ích trước mắt của bản thân cho lợi ích tương lai của quốc gia xã hội. Nói như thế không có nghĩa là mô hình Xô-viết không quan tâm đến lợi ích, ví dụ như công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa cũng là bảo đảm mức tiêu dùng của nhân dân, nhưng bởi vì 3 lợi ích (Nhà nước, tập thể, cá nhân) không được kết hợp hài hoà thì tác dụng của mô hình không thể bền vững được. Thử xét về mặt lịch sử, Liên Xô cũng chỉ có 2 thời kỳ phát triển mạnh, đó là những năm 30 (trước chiến tranh thế giới 2) và những năm 50 (sau khi hàn gắn vết thương chiến tranh Vệ quốc vĩ đại). Còn lại là thời gian chiến tranh chống ngoại xâm, nội loạn và thời kỳ trì trệ kéo dài.

Lần giở lại những trang sử đấu tranh nội bộ Đảng cộng sản Liên Xô về đường lối xây dựng xã hội chủ nghĩa, tôi xin lưu ý đến hai điểm lớn mà xét cho cùng những người kế tục Lê-nin đã làm ngược

Như đã thông báo từ số trước, **Diễn Đàn** đăng kỳ này bài của Lê Quang Vịnh mà một quan chức phụ trách Ban văn hoá tư tưởng trung ương đã gửi sang. Bài này đăng trên **Sài Gòn Giải phóng** và **Nhân Dân**. Gọi là để " nói lại " Phan Đình Diệu (**Diễn Đàn**, tháng 6.93), nhưng hai tờ báo này không hề đăng lại bài phỏng vấn nhà toán học Phan Đình Diệu. Thậm chí, khi Phan Đình Diệu viết trả lời, thì họ làm ngơ. Theo nguồn tin từ Hà Nội, ông Phạm Văn Đồng đã đích thân điện thoại cho ông Hà Đăng, trưởng ban **VH-TT-U**, yêu cầu tôn trọng quyền trả lời của Phan Đình Diệu. Cho đến khi số báo này lên khuôn, lời yêu cầu ấy vẫn gặp sự im lặng, không khác gì trước đây, hồi ông Phạm Văn Đồng còn làm thủ tướng !

Kèm theo bài Lê Quang Vịnh, chúng tôi đăng trả lời của Phan Đình Diệu, và một lá thư ngỏ của Nguyễn Ngọc Giao. Vì bài Lê Quang Vịnh quá dài, chúng tôi buộc dùng chữ nhỏ để có thể đăng toàn văn. Mong bạn đọc và tác giả thông cảm.

lại hoàn toàn với tinh thần biện chứng của Lê-nin, của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Một là, loại bỏ chính sách kinh tế mới NEP (với kinh tế hàng hoá – thị trường, 5 thành phần, coi trọng cả 3 lợi ích) mà Lê-nin xem như là một sự đổi mới cơ bản các quan niệm về chủ nghĩa xã hội và thay thế bằng một số chính sách sai lầm ví dụ như tập thể hoá nông nghiệp (Lê-nin chủ trương hợp tác hoá chứ không phải tập thể hoá) hoặc kế hoạch hoá triệt để nền kinh tế quốc dân làm triệt tiêu động lực sản xuất.

Hai là, cứ duy trì mô hình Xô-viết như là một công thức bất biến từ những năm 30 cho mãi đến những năm 80 khi Liên Xô đã chìm vào tình trạng khủng hoảng thật sự mới đặt vấn đề cải tổ. Đó là một điều hoàn toàn trái ngược với quy luật biện chứng, nhất là khi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ 3 — còn gọi là cách mạng công nghệ học — đã dần dần đưa được lực lượng sản xuất thế giới đến một trình độ vượt bậc về chất — làm trái quy luật thì bị quy luật trả thù, khủng hoảng là tất yếu.

Nếu giáo sư đặt “ vấn đề còn lại là biết rút ra kết luận một cách đầy đủ ” thì tôi rút ra kết luận như thế này : Bởi vì làm sai chủ nghĩa Mác – Lênin nên mới bị thất bại, do đó cần phải sửa lại làm sao cho đúng — thật đúng với chủ nghĩa Mác – Lênin.

Như thế thật sự chủ nghĩa Mác – Lênin là gì ?

Trước hết là không nên quên và không bao giờ được quên lời dặn của những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác – Lênin rằng học thuyết của các ông “ không phải là giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động ”.

Với ba bộ phận cấu thành là triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học (về sau còn thêm một bộ phận nữa là xây dựng Đảng), chủ nghĩa Mác – Lênin là khoa học về nhận thức và cải tạo thế giới, là khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng “ mà không có chủ nghĩa (Mác – Lênin) cũng như người mà không có trí khôn, như tàu mà không có bàn chỉ nam ” (Nguyễn Ái Quốc, *Đường Kách Mệnh*). Chủ nghĩa Mác – Lênin là khoa học bởi nó theo đúng và đủ các qui trình khoa học khi xác lập chân lý. Phần cốt lõi quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin là triết học duy vật biện chứng đã được rút ra thành phương pháp luận về bản chất sự vật (dù sự vật ấy là xã hội, tự nhiên hay tư duy), lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn (thực tiễn ấy có thể là thực tế, thí điểm hay lịch sử) như thế có nghĩa là nhận thức đã kinh qua 3 giai đoạn : “ giả thuyết – thí nghiệm – định luật ”.

Cũng như mọi khoa học khác, các chân lý mà chủ nghĩa Mác – Lênin xác định đều mang tính tương đối nhưng đồng thời cũng mang tính tuyệt đối.

Tôi không muốn lập lại toàn bộ lý luận về vấn đề chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối mà Lê-nin đã giải quyết dứt điểm trong tác phẩm “ Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán ” (Lê-nin, *Toàn tập*, bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ Matxcơva, T18, tr. 142-159). Tuy nhiên tôi cũng xin làm rõ vấn đề bằng một số ví dụ cụ thể.

Mọi chân lý khoa học đều tuyệt đối bởi phù hợp với một khách quan cụ thể nào đó nhưng tương đối thôi vì bất cứ khách quan nào cũng bị hạn chế trong những điều kiện nhất định.

Thiết tưởng không có gì hiển nhiên hơn phép toán cộng 2 với 2 là 4. Thế mà phép toán này chỉ đúng với tập hợp số tự nhiên thôi. Khi bước vào lãnh vực số đại số hay số ảo thì vấn đề đã hoàn toàn khác.

Định đề Euclide chỉ đúng trong không gian 3 chiều và không thể vận dụng được trong những không gian n thứ nguyên (espace à n dimensions).

Trong vật lý học, khoa quang học hình học (optique géométrique) bắt đầu bằng định luật ánh sáng truyền theo đường thẳng của Descartes (1596-1650) nhưng đến hiện tượng giao thoa hay nhiễu xạ ánh sáng thì quang học hình học đành bất lực, không còn khả năng giải thích nữa. Mãi đến khi Broglie (giải Nobel 1929)

phát hiện ra khoa cơ học ba động (mécanique ondulatoire) bắt đầu bằng định luật quang tử chuyển động theo làn sóng hình sin thì vấn đề mới cắt nghĩa được.

Trở lại vấn đề chủ nghĩa Mác – Lênin là khoa học, hãy xét tính “ tuyệt đối mà tương đối ” của các chân lý mà nó xác định. Trước hết phải tách tất cả những dự báo dự kiến của họ để xếp vào các loại giả thuyết khoa học có thể đúng mà cũng có thể sai. Ăngghen từng tiên đoán rất đúng về cuộc chiến tranh thế giới từ năm 1887 trong cuốn sách nhỏ “ *Để kỷ niệm những nhà ái quốc cực đoan Đức thời kỳ 1806-1807* ”. Nhưng Ăngghen cũng đã đoán trật về sự điêu tàn của các thành phố trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản. Đó cũng là một điều bình thường của các giả thuyết.

Nhưng các qui luật mà chủ nghĩa Mác – Lênin xác lập thì không phải là những giả thuyết mà là những chân lý khoa học bởi đã được lịch sử kiểm chứng. Tuy theo phạm vi của lịch sử mà chân lý có mức độ phổ biến đến đâu. Tuy nhiên mỗi khi khoa học có những phát minh phát kiến vạch thời đại thì các qui luật ấy có thể không còn hiệu lực nữa và phải thay thế bằng những qui luật mới. Lý do cũng chỉ vì lúc ấy sẽ xuất hiện những điều kiện mới có thể làm thay đổi cả bản chất xã hội mà lịch sử chưa hề có nên không thể kiểm chứng được.

Ngay từ khi mới ra đời, chủ nghĩa Mác – Lênin đã khẳng định việc sản sinh ra những khái niệm, quan niệm mới thay thế cho những khái niệm, quan niệm cũ đã lỗi thời theo tiến trình của khoa học. “ Vì là một khoa học, nên chủ nghĩa Mác trong quá trình phát triển của nó không thể không giàu thêm về kinh nghiệm mới, tri thức mới, những luận cương và kết luận nào đó của nó không thể không thay đổi trong thời gian, không thể không bị thay thế bằng những kết luận và luận cương mới phù hợp với điều kiện mới của lịch sử ” (*Từ điển triết học*, Hà Nội, 1960, tr 478).

Như thế chắc chắn sẽ nảy sinh vấn đề chủ nghĩa Mác – Lênin có giá trị gì khi nó chẳng có gì bền vững ? Thật ra, chủ nghĩa Mác – Lênin có một bộ phận rất bền vững. “ Linh hồn sống của chủ nghĩa Mác — là phân tích cụ thể mỗi tình hình cụ thể ” (Lê-nin).

Thử nhìn lại sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội hiện thực ngày nay. Tôi thừa nhận sự khủng hoảng ấy là tất yếu bởi mô hình xây dựng có nhiều điểm trái ngược với chủ nghĩa Mác – Lênin. Chính những trái ngược ấy đã làm cho chủ nghĩa xã hội hiện thực mắc nhiều khuyết tật mà từ lúc sinh thời, Lê-nin đã đấu tranh nội bộ để sửa chữa. Những người kế tục Lê-nin lại loại bỏ chính sách NEP được coi như một biện pháp tình thế đã bị vượt qua của Lê-nin khiến bệnh chưa lành đã tái phát. Ban đầu bệnh được lướt qua nhờ công tác tư tưởng tốt và chủ nghĩa xã hội hiện thực phát triển khá mạnh. Nhưng càng về sau bệnh càng lúc càng bạo phát khiến Liên Xô trì trệ kéo dài cho đến tiền khủng hoảng rồi khủng hoảng.

Tuy nhiên khủng hoảng không tất yếu dẫn đến sụp đổ. Một cơ thể bị bệnh không nhất thiết bao giờ cũng chết. Nếu được định bệnh trúng, chữa bệnh kịp thời và đúng thuốc, thì cơ thể lại lành mạnh và phát triển bình thường. Bệnh nhân chỉ chết khi nào phát hiện bệnh quá muộn, chữa bệnh không đúng cách hoặc “ lang băm ” cho uống lầm thuốc.

## Vấn đề II :

### *Mâu thuẫn với thị trường tự do ?*

Giáo sư tin rằng hiện nay trong chế độ đổi mới đang có một mâu thuẫn không thể điều hoà được :

“ *Nét nổi bật trong tình hình hiện nay là sự mâu thuẫn giữa một mặt là ý muốn duy trì sự chuyên chế của Đảng và mặt khác là phát triển thị trường tự do* ”.

Tôi nghĩ rằng từ “ chuyên chế ” không đúng với ý nghĩa xác lập sự lãnh đạo của Đảng.

Tôi không phủ nhận trong suốt 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới, đã có nơi có lúc phạm trừ “ Đảng lãnh đạo ” bị hiểu sai lạc thành “ Đảng thu tóm mọi quyền lực vào tay ”. Nhưng đó là những trường hợp làm trái ngược với chủ nghĩa Mác – Lênin, dẫn tới hậu quả tai hại là Đảng bị suy yếu đi vì xa rời chức năng vạch chiến lược, đường lối chính trị... kéo theo sự suy yếu của Nhà nước và các đoàn thể đã trở thành bị động, thụ động thậm chí ý lại vì Đảng đã làm thay, giải quyết, quyết định cho tất cả.

Nhưng sẽ là thiệt thòi cho một xã hội muốn chuyển từ một hình thái này sang một hình thái khác cao hơn nếu không có Đảng lãnh đạo.

Một dàn nhạc hoà tấu một nhạc khúc bao giờ cũng có một nhạc trưởng và cũng chỉ có một mà thôi. Nếu khác đi tức khắc sẽ phát sinh va vấp lộn xộn ngay. Trong trường hợp để mặc cho xã hội tự phát thì điều chắc chắn là sẽ có xung đột và xung đột thông thường dẫn tới chiến tranh.

Tôi nghĩ rằng cuộc đấu tranh cho chính sách kinh tế mới NEP của Lênin trong nội bộ ĐCS (b) Liên Xô năm 1920 đã soi sáng rất nhiều con đường phát triển kinh tế của nước ta.

Chủ nghĩa xã hội không phải là chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất cộng với chuyên chính vô sản — Về một số mặt nào đó, công thức này là điều kiện cần chứ không đủ được.

Quy luật lớn về phương thức sản xuất là “ quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất ”. Vấn đề “ phải phù hợp ” soi sáng nhiều sai lầm duy ý chí trước đây áp đặt những quan hệ sản xuất cộng sản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa trên những lực lượng sản xuất thấp kém, thô sơ. Cũng đã có nơi có lúc tưởng rằng một quan hệ sản xuất “ tiên tiến ” sẽ kéo lực lượng sản xuất lạc hậu lên ngang tầm. Sự thật thì giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất bao giờ cũng có tác động qua lại, nhưng phép biện chứng duy vật chỉ rõ cái mở đường đi trước phải là lực lượng sản xuất chứ không thể là quan hệ sản xuất.

Theo đúng tinh thần chủ nghĩa Mác – Lênin thì một quan hệ sản xuất là tiên tiến hay phản động khi nào nó phù hợp hay không với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Không phải lúc nào và cái gì của chủ nghĩa tư bản cũng đều xấu cả. Sự phủ định sạch trơn chưa bao giờ được chủ nghĩa duy vật biện chứng thừa nhận. Trong thời kỳ tiền tư bản và thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, cơ chế thị trường hàng hoá đã thúc đẩy mạnh mẽ và tích cực sự phát triển kinh tế xã hội. Và chẳng, nước ta đi tới chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản, thì cũng không có cách gì khác hơn là phải theo đúng qui luật của sự phát triển : tập trung sức để phát triển lực lượng sản xuất mà tính chất và trình độ đang rất phức tạp đòi hỏi phải có những quan hệ sản xuất tương ứng tức là phải nhiều thành phần kinh tế.

Đến đây tôi xin phép được trở lại một từ ngữ mà giáo sư đã dùng là “ phát triển thị trường tự do ”. Tôi nghĩ rằng tinh thần đổi mới không hẳn là như thế. Sự phát triển trong cơ chế thị trường vốn là tự phát, không có hướng nhất định. Cho nên nếu cứ để nền kinh tế thị trường phát triển “ tự do ” thì chắc chắn không tránh khỏi nguy cơ rối loạn. Đây là một bài toán khó, phức tạp mà người giải thường chọn các giải pháp đơn giản (và không đúng) là xoá bỏ nền kinh tế hàng hoá, cơ chế thị trường.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam dần dần nhận thức ra bản chất khoa học của vấn đề và từ thời kỳ bùng nổ (NQ 6 khoá 4) đến Đại hội Đảng 6 (1986) thì đã khẳng định. Đại hội 7 lại cụ thể hoá thêm một bước nữa : “ Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước ”.

Thực tiễn hơn 7 năm qua cho thấy đường lối phát triển kinh tế như thế là phù hợp, chưa thấy có những mâu thuẫn gì đối kháng như giáo sư dự báo.

### Vấn đề III :

## Dân chủ và hệ thống lưỡng đảng của Mỹ

Khác với phương pháp toán học là bắt đầu bằng định nghĩa, lần này giáo sư lại chỉ nêu ra những điều kiện tất yếu của một nền dân chủ chung cho mọi nơi và xác định mô hình lưỡng đảng của Mỹ là tiêu biểu :

“ Một hệ thống dân chủ đòi hỏi trước hết phải tôn trọng các quyền con người và quyền công dân. Điều này đặt ra ở mọi nơi. Và quyền công dân phải được tôn trọng bằng cách tổ chức bầu cử tự do. Nhân tố then chốt của một chế độ dân chủ là cách bầu ra người lãnh đạo. Bầu cử dân chủ nghĩa là bầu cử tự do, bỏ phiếu kín và mọi người đều có quyền ra ứng cử. Không có những điều đó không thể gọi là dân chủ...”.

“ Điều cốt yếu không phải là có nhiều đảng, không phải là có một chế độ đa đảng mà là có sự chọn lựa thật sự. Muốn chọn lựa thật sự, hai đảng cũng có thể đủ với điều kiện là hai đảng ấy thực sự khác nhau. Hệ thống lưỡng đảng ở Hoa Kỳ xem ra ổn định hơn hệ thống nhiều đảng ở Pháp...”.

Tôi xin được trở lại với từ nguyên dân chủ. Theo tự điển Larousse 1992 trang 307, chữ dân chủ (*démocratie*) có gốc Hy Lạp nghĩa là quyền lực (*kratos*) của nhân dân (*demos*). Như thế dân chủ là quyền lực của nhân dân, là chính quyền nhân dân, là “ Nhà nước của dân, do dân và vì dân ” (tư tưởng Hồ Chí Minh).

Nhân dân nắm giữ quyền quản lý Nhà nước bằng nhiều cách, trong đó có “ cách bầu ra người lãnh đạo ” nhưng cách này không thể là “ nhân tố then chốt ” được. Bởi bầu cử dù là theo cách gì đi nữa cũng chỉ phản ánh một phần ý chí chọn lựa của cử tri mà thôi.

Tôi có thể trưng ngay ví dụ về những người lãnh đạo chế độ cũ ở miền Nam trong suốt thời kỳ 1945 – 1975 (30 năm) ai cũng thông qua bầu cử, không trước thì sau, để lên cầm quyền cai trị. Nhưng nhân dân thì lại chọn lựa theo một cách khác hẳn : đó là hy sinh gian khổ lâu dài qua hai cuộc kháng chiến chống đế quốc thực dân để cuối cùng giành thắng lợi hoàn toàn. Sự chọn lựa này chắc chắn phải kiên quyết can trường hơn lá phiếu nhiều, lý do là vì cả hai đế quốc đều có sức mạnh kinh tế, quân sự gấp hàng trăm ngàn lần nước ta.

Có lẽ sẽ là thiếu sót nếu chỉ xem xét chế độ cũ ở miền Nam mà không trực tiếp nghiên cứu chế độ gọi là dân chủ tiêu biểu nhất thế giới là hệ thống lưỡng đảng ở Mỹ. Tôi cũng đồng ý hệ thống này “ ổn định ” nhưng ổn định không phải vì có “ hai đảng thực sự khác nhau ” mà thực chất là “ tuy hai mà một ”.

Cả hai đảng Cộng hoà và Dân chủ Mỹ đều phục vụ cho lợi ích của một giai cấp duy nhất — giai cấp tư sản độc quyền Mỹ. Mặc dầu họ đấu đá nhau kịch liệt nhưng có cùng đường lối chiến lược, cùng mục tiêu bản chất, có khác chăng là về chiến thuật, về cách tổ chức – chỉ đạo – thực hiện.

Quả thật nguồn gốc giai cấp tư bản công nghiệp miền Bắc của đảng Cộng hoà và giai cấp chiếm hữu nô lệ miền Nam của đảng Dân chủ đã dần dần mất đi từ khi cuộc nội chiến 1861–1865 kết thúc và nước Mỹ trở thành quốc gia tư bản chủ nghĩa thống nhất.

Cả hai đảng đều phi hình thức về tổ chức, nghĩa là không có tổ chức cơ sở (chi bộ), không có đảng viên mà chỉ có cán bộ đảng làm công tác vận động bầu cử với mục đích giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử. Đảng viên của đảng được coi như là tất cả cử tri nào bầu cho danh sách ứng cử viên của đảng. Các uỷ ban đảng toàn quốc hay tiểu bang hay địa hạt và cả đại hội đảng nữa thực chất chỉ là những tổ chức lập ra để lo việc bầu cử.

Riêng việc bầu tổng thống thì chế độ đại cử tri và qui định của từng tiểu bang (mỗi tiểu bang lại có một luật bầu cử khác) cho ứng cử viên khiến không thể có một đảng nào, một cá nhân nào có thể xen vào chia sẻ việc luân phiên cầm quyền của hai đảng này. Tuy Tuyên ngôn Độc lập Mỹ (1776) có ghi rõ : “ Mọi người sinh ra đều bình đẳng...” nhưng có phải mọi người Mỹ đều được bầu cử và ứng cử đâu ? Suốt cả một thời kỳ dài, Hiến pháp Mỹ không cho người da

den đi bầu. Mãi đến 1920 mới chấp nhận cho phụ nữ quyền bầu cử và ứng cử.

Mặc dù ngày nay ở Mỹ quyền phổ thông đầu phiếu đã được chính thức công nhận, nhưng tiểu bang nào cũng có một số hạn chế, tập trung vào tuổi tác, cư ngụ, ghi danh, đóng thuế, học vấn... để gạt bỏ người nghèo ra khỏi bầu cử.

Ví dụ ở nhiều tiểu bang qui định sát hạch khả năng biết đọc và biết giải thích một đoạn nào đó trong hiến pháp tiểu bang thì số người được đi bầu bị sụt xuống nhiều bởi tỷ lệ mù chữ trong dân cư Mỹ rất cao.

Về quyền ứng cử lại càng khó hơn. Người ứng cử phải đủ điều kiện về tuổi, bằng cấp, tài sản... và số người giới thiệu nếu không thuộc hai đảng Cộng hoà và Dân chủ.

Bên trên những qui định hạn chế về mặt hình thức và giữ vai trò quyết định là những thủ pháp mà giai cấp tư sản độc quyền Mỹ sử dụng để chọn vào các chức vụ lãnh đạo từ những ứng cử viên hoạt động phù hợp với lợi ích của họ, trong đó tinh vi và hiệu quả nhất là việc vận động bầu cử vô cùng tốn kém, có thể tới nhiều chục triệu USD, bắt buộc những người ứng cử phải gánh vác phần lớn.

Tôi xin trích dẫn những số liệu chính thức của Phòng Thông tin Hoa Kỳ ở Sài Gòn trước đây : " Theo đơn giá năm 1964 (lúc đó một cây vàng ăn 35 USD – tôi ghi thêm, LQV) thì những cuộc vận động tranh cử dân biểu địa hạt thường phí tổn từ 15 000 đến 200 000 USD ; thượng nghị sĩ – trên 1 triệu USD ; tổng thống – nhiều chục triệu USD... Ước lượng tổng kinh phí vận động bầu cử trong năm 1964 là 200 triệu USD... Những chương trình vận động bằng vô tuyến truyền hình phải trả 75 000 USD ; thông điệp một phút trên màn ảnh vô tuyến truyền hình địa phương cũng lên tới 1.750 USD..." (A. Ribicoff và J.O. Newman, *Sinh hoạt chính trị tại Hoa Kỳ*, Nam Chi dịch, NXB Văn Đàn Sài Gòn 1969, trang 246).

Chính khoản phí tổn này khiến cho không cá nhân nào, tổ chức nào ngoài hai đảng Cộng hoà và Dân chủ có đủ sức mạnh về tài chính để tranh cử thắng lợi. Còn hai đảng này thì đối với giai cấp tư sản độc quyền là người chi tiền cho họ vận động tranh cử, đảng nào thắng cũng được cả, họ càng kình chống nhau thì chế độ Mỹ càng được tiếng dân chủ. Nhưng dân chủ ở đây không có ý nghĩa " quyền lực của nhân dân " mà đúng ra là " quyền lực của tư bản ".

Tôi xin nhân đây nói thêm một chút về luận điểm " muốn chọn lựa thật sự phải có hai đảng thực sự khác nhau ".

Ở Mỹ tuy có hai đảng đó nhưng như đã phân tích ở trên " tuy hai mà một " và nhân tố ổn định của hệ thống là ở con số 1 chứ không phải con số 2 .

Bây giờ ở Việt Nam có " hai đảng thực sự khác nhau " thì phải chăng sẽ xuất hiện một đảng tư sản tranh quyền với đảng cộng sản ?

Điều này nhất định sẽ dẫn tới xung đột chính trị tạo ra thế mất ổn định cho chế độ, đó là chưa bàn đến việc cải cách cải tạo với những chương trình dài hạn 20 – 30 năm làm sao thực hiện được khi một đảng theo đường lối này chỉ cầm quyền trong một nhiệm kỳ và ra đi cho đảng kia lại theo một đường lối khác ?

Còn " bầu cử dân chủ là mọi người đều có quyền ra ứng cử " thì ở Việt Nam đổi mới, Luật bầu cử Quốc hội 1992 đã ban hành quyền tự ứng cử, tất nhiên là với một số điều kiện (thì thử hỏi có chế độ nào mà ra ứng cử lại không có điều kiện gì cả ?) chẳng hạn như không phạm pháp, không mắc bệnh tâm thần, hoàn thành một số nghĩa vụ đối với địa phương cư trú và làm việc. Tuy không chấp nhận đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập, nhưng ban hành quyền tự ứng cử là một cố gắng mở rộng nền dân chủ.

Còn một vấn đề nữa cũng liên quan đến quyền công dân là trong một xã hội có giai cấp làm sao có tự do bình đẳng giữa chủ và tớ, tư sản và vô sản, địa chủ và tá điền, mẫu quốc và thuộc địa ?

Nếu chế độ dân chủ có hai đặc trưng : một là, mọi công dân đều có quyền tự do bình đẳng như nhau và hai là, thiểu số phải phục tùng đa số, thì chỉ khi nào không còn giai cấp (tôi có thể nói thẳng

(xem tiếp trang 22)

Tôi vừa được đọc bài " Những ngộ nhận về dân chủ và chủ nghĩa xã hội " đăng trên ba số liền (21, 22, 23.10.1993) của báo *Sài Gòn giải phóng*, và sau đó đăng lại trên báo *Nhân Dân* trong hai số ngày 4 và 5.12.1993. Bài của tác giả Lê Quang Vịnh phê phán các quan điểm của " một giáo sư toán học Việt Nam " trong bài phỏng vấn của nhà sử học Na uy Stein Tonnesson đăng trong tạp chí *Nordic Newsletter of Asian Studies*, theo bản dịch của báo *Diễn Đàn*.

Trước hết, tôi xin cảm ơn nhã ý của anh Vịnh đã không nêu danh nhà toán học nói trên, và thận trọng khi viết " tôi không có điều kiện để xác minh sự thật như thế nào về bài báo và bản dịch, cho nên xin phép chỉ bàn về tư tưởng chứ không đề cập đến con người ". Về phần tôi, tôi xin nói rõ mình là người trả lời nhà sử học S. Tonnesson trong bài phỏng vấn nói trên, và tuy không khỏi có chút ngạc nhiên về loạt bài báo của anh Vịnh, tôi cũng muốn được nói thêm rằng Lê Quang Vịnh vẫn là một cái tên mà tôi kính trọng. Và với sự kính trọng đó, tôi muốn trao đổi bước đầu với anh một vài điều sau đây :

1) Anh viết " không có điều kiện để xác minh sự thật... ", tôi xin nói rõ sự thật về bài phỏng vấn như sau : Tháng 9.1992, anh S. Tonnesson có một buổi trao đổi ý kiến với tôi nhân dịp anh sang làm việc với một số cơ quan khoa học Việt Nam, và sau đó, một số ý kiến trao đổi đã được anh ghi lại dưới dạng một bài phỏng vấn như đã được đăng. Tôi xác nhận bài phỏng vấn phản ánh đúng những ý kiến đã được trao đổi, trừ một vài thuật ngữ mà tôi nhớ là mình đã không sử dụng. Thứ nhất là thuật ngữ " ngây thơ " khi nói " các đảng cộng sản đã ngây thơ tìm cách áp dụng học thuyết Mác – Lênin vào xã hội hiện đại ". Tôi hiểu rõ rằng các đảng cộng sản chẳng bao giờ " ngây thơ " trong các hành động của mình ; ý tôi muốn nói là họ vẫn đơn giản tiếp tục áp dụng học thuyết đó khi học thuyết đã không còn thích hợp với những điều kiện của xã hội hiện đại. Thứ hai là thuật ngữ " giai cấp trí thức ". Tôi nhớ là mình không sử dụng từ " giai cấp ", và đoạn nói về trí thức là nhằm đi đến kết luận rằng hiện nay không có một giới trí hợp thành một lực lượng chính trị đối lập, trong bối cảnh trả lời một mạch các câu hỏi của người phỏng vấn về khả năng có lực lượng " đối lập " ở Việt Nam hay không.

Tôi cũng cần nói thêm rằng, vì là một bài phỏng vấn nên các ý kiến được phát biểu theo chủ đề mà người phỏng vấn yêu cầu, đó chưa phải là một bài trình bày có hệ thống các ý kiến và quan điểm của tôi về những vấn đề của đất nước ta hiện nay.

2) Anh Vịnh có nói từ đầu là bài của anh " theo rất sát nguyên văn lời phát biểu từng câu chữ trong bản dịch... ", nhưng tiếc thay, những đoạn trích của anh, vốn đã mất nhiều ý nghĩa do bị tách rời khỏi văn cảnh chung của toàn bài phỏng vấn, lại còn bị cắt xén, chắp ghép và diễn đạt khá tùy tiện, do đó đã làm sai lệch và xuyên tạc nhiều ý của nguyên bản. Tôi xin đơn cử vài thí dụ :

Ngay trong đoạn đầu, anh " trích " : « Sự thất bại trong cuộc cách mạng điện toán thập niên 1980 », trong khi câu của nguyên bản là « Sự thất bại của họ đã được minh chứng rõ rệt nhất trong cuộc cách mạng điện toán, đặc trưng của thế giới trong thập niên 1980 ». Chắc anh Vịnh cũng hiểu được sự khác nhau của hai câu đó chứ ?

Trong bản dịch bài phỏng vấn có câu “ *Hệ thống lưỡng đảng ở Hoa Kỳ hay ở Vương quốc Anh xem ra ổn định hơn là hệ thống nhiều đảng như ở Pháp dưới thời đệ tứ cộng hoà* ” (trong nguyên bản tiếng Anh là “... ở Pháp sau Chiến tranh Thế giới thứ hai”), ý của câu này là nhằm diễn giải một nguyên lý khoa học liên quan đến tính ổn định của một hệ thống phức tạp có nhiều khác biệt. Anh đã cắt cụt câu này và ghép vào một đoạn thuộc câu hỏi khác nói về sự lựa chọn dân chủ, và sau khi ghép như vậy anh tha hồ đả kích nền dân chủ Hoa Kỳ, điều mà trong suốt bài phỏng vấn, tôi không hề đề cập

## Vài điều trả lời anh LÊ QUANG VINH

PHAN ĐÌNH DIỆU

đến (trừ một lần nói trong câu : “ *Theo tôi nghĩ, không có nơi nào nền dân chủ có thể coi là hoàn thiện, kể cả ở nước ông (Na Uy), hay ở Đức, Pháp, hoặc Hoa Kỳ* ”).

Trong vấn đề trí thức, anh trích khá dài, nhưng buồn thay, anh đã lược bỏ hết những câu mà tôi dành để tỏ lòng trân trọng đối với từng bộ phận trí thức của đất nước. Và thật ngạc nhiên, anh đã giáng một câu kết luận : “ *Nếu cho rằng nhân dân Việt Nam nhiều thập kỷ qua đã tham gia kháng chiến chống đế quốc thực dân cũ và mới, xây dựng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam là không trí thức, phải nhờ Đảng nghĩ hộ cho mọi người, thì thật tình tôi cũng không biết nên nói lại với giáo sư như thế nào nữa* ”. Xin anh đọc kỹ, và trả lời hộ trong bài phỏng vấn có câu nào như câu in nghiêng kể trên không. Câu đó là của anh, chứ không phải của tôi. Và, anh Vinh kính mến, có lẽ ở điểm này tôi có quyền hơn anh để nói câu : (Nếu bịa đặt cho nhau đến thế) thì thật tình tôi cũng không biết nên nói lại với anh như thế nào nữa !

Để khỏi ngộ nhận do kiểu trích với những cắt xén, chấp ghép kể trên, tôi đề nghị báo *Sài gòn giải phóng* và báo *Nhân Dân* cho đăng toàn văn bài phỏng vấn để người đọc có căn cứ suy xét. Đó là cách giải quyết đơn giản và công bằng nhất, một minh chứng cho sự tôn trọng nền dân chủ, và cũng là phù hợp nhất với luật báo chí hiện hành.

3) Bây giờ xin có đôi lời về nội dung bài viết của anh. Anh đã diễn giảng khá dài về chủ nghĩa Mác – Lênin, về dân chủ và về chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở xem chủ nghĩa Mác – Lênin như cách anh hiểu là chân lý khoa học, là căn cứ đúng đắn để từ đó phán xét về tính đúng sai của mọi lý lẽ khác. Chất lượng trí tuệ và sức thuyết phục của bài giảng đó đến đâu, chắc

đa số bạn đọc ngày nay đã có thể tự mình đánh giá được. Tôi chưa muốn, trong bài này, tranh luận với anh về cách hiểu của anh đối với chủ nghĩa Mác – Lênin và về các nội dung được anh diễn giảng, mà muốn được trao đổi với anh về một vấn đề cơ bản hơn, tức là về cơ sở và mục tiêu của những cuộc thảo luận (nếu có và đáng có) giữa những người Việt Nam chúng ta trong giai đoạn hiện nay.

Chắc là mỗi chúng ta, với tư cách là người công dân, đều rất trăn trở trước những vấn đề của đất nước hiện nay, trong một giai đoạn biến chuyển với nhiều thách thức và cơ hội mới. Để tìm lời giải cho các vấn đề đó, chúng ta không thể yên trí dựa vào một học thuyết duy nhất nào, mà cần nghiên cứu và lý giải trên cơ sở học tập mọi nguồn tri thức, đặc biệt là các nguồn tri thức rất phong phú trong chính thời đại của chúng ta. Thế giới trong thế kỷ 20 này đã không diễn biến theo dự kiến của Mác, các chế độ được xây dựng theo học thuyết của Mác và Lênin về đấu tranh giai cấp và cách mạng vô sản, về chuyên chính vô sản và nền kinh tế quản lý tập trung xã hội chủ nghĩa, v.v... đều đã không đáp ứng được đòi hỏi của sự phát triển trong xã hội hiện đại và đã đi đến sụp đổ, lẽ nào ta vẫn phải xem học thuyết đó là những chân lý “ đã được giải quyết dứt điểm ”, và buộc chặt vào nó vận mệnh của cả một dân tộc ?

Vì vậy, điều tôi mong muốn là ta sẽ tiến hành các cuộc thảo luận với mục tiêu góp phần tìm kiếm lời giải đáp cho những vấn đề của đất nước trong sự nghiệp “ dân giàu nước mạnh ” hiện nay, trên cơ sở học tập và vận dụng mọi học thuyết, mọi nguồn tri thức và mọi kinh nghiệm hữu ích đã được tích lũy và phát triển rất phong phú trong thời đại chúng ta. Cuộc thảo luận sẽ phải củng cố thêm sự đồng thuận xã hội giữa những công dân tự do và bình đẳng của đất nước ta vì một Tổ quốc giàu mạnh, chứ không nên đi tới sự chia rẽ vì bảo vệ hay không bảo vệ sự thống trị độc tôn của một hệ tư tưởng ngoại nhập (\*). Và cũng vậy, tôi mong muốn, như đã có dịp được viết trên báo *Sài gòn giải phóng* (số ra ngày 15.8.1989), rằng “ *ta muốn có một xã hội dân chủ không phải để được tự do cãi vã nhau, đả kích nhau, mà là để được hưởng niềm ấm áp xem đất nước này là của mình, được cùng góp phần làm giàu cho đất nước* ”.

Với niềm hy vọng đó, tôi xin gửi đến anh Vinh cùng báo *Sài gòn giải phóng* và báo *Nhân dân* lời chào kính trọng. Tôi xin gửi kèm đây bài *Một cách tiếp cận khoa học về dân chủ và cơ chế thực hiện dân chủ* là bài thuyết trình của tôi tại Viện chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Viện Mác – Lênin để anh Vinh và toà báo hiểu đầy đủ hơn những quan điểm được trình bày có hệ thống của tôi về vấn đề dân chủ. Tôi cũng rất cảm ơn nếu Quý báo cho đăng bài nghiên cứu này như một đóng góp nhỏ vào cuộc thảo luận về những vấn đề hướng tới *dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh* của đất nước ta hiện nay.

(\*) *Bình chú của người đánh máy* : Người đánh máy đồng tình với toàn bộ bài viết của Phan Đình Diệu, ngoại trừ hai chữ *ngoại nhập* đáng tiếc này. Tính ngoại nhập của chủ nghĩa Mác, hay của các đạo Khổng, Phật, Kitô... hay của khoa học, của quan niệm dân chủ không phải là vấn đề. Điều quan trọng là không thể chấp nhận sự độc quyền một hệ tư tưởng nào, dù nó là ngoại nhập hay nội địa.

ra : đó là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội) nền dân chủ mới đúng với ý nghĩa đích thực của nó.

#### Vấn đề IV :

### “ Việt Nam chưa có một giai cấp trí thức ”

Đây là nguyên văn sự đánh giá của giáo sư về trí thức Việt Nam : “ Trước tiên tôi muốn nói tới những nhà trí thức đã được đào tạo dưới thời Pháp thuộc. Thật ra chỉ còn lại một số rất nhỏ.

Lớp thứ hai là số đông những chuyên gia được đào tạo trong giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Trái ngược với nền giáo dục thời Pháp, chế độ xã hội chủ nghĩa đào tạo ra những chuyên viên hơn là những trí thức. Chúng tôi có nhiều nhà toán học, nhà vật lý học, nhà sinh học, kỹ sư... và bây giờ thêm nhiều nhà kinh tế. Nhưng chưa bao giờ họ được học để suy nghĩ về các vấn đề của xã hội. Đảng nghĩ hộ cho mọi người. Ý thức chính trị của các chuyên viên nói chung là yếu.

Thành phần thứ ba là những trí thức được đào tạo trước đây ở miền Nam. Phần đông đã bỏ đi. Cuộc sống kéo dài ở hải ngoại không phải là mảnh đất thuận lợi cho một lực lượng trí thức tích cực.

Cuối cùng là thanh niên, những người vừa được hay còn đang được đào tạo trong những năm gọi là đổi mới. Nhưng còn phải có thời gian thì các xu hướng nói trên mới có thể hình thành một lực lượng xã hội chính trị thực sự. Nói tóm lại, kết luận của tôi là hiện nay Việt Nam chưa có một giai cấp trí thức.”

Trước hết tôi nghĩ rằng gọi tập hợp những người trí thức trong nước là “ giai cấp trí thức ” có lẽ không được chính xác. Cho dù có dịch chữ *intelligentsia* người ta cũng chỉ sử dụng từ “ giới trí thức ” hay “ tầng lớp trí thức ” mà thôi.

Tôi không hiểu giáo sư căn cứ vào đâu để kết luận chế độ xã hội chủ nghĩa không đào tạo trí thức mà chỉ đào tạo ra các chuyên viên và ý thức chính trị của các chuyên viên là yếu ?

Sinh ra từ thời Pháp thuộc và lớn lên ở miền Nam thời đất nước bị chia cách, tôi được đào tạo trong chế độ cũ và đã làm công tác giáo dục nhiều năm trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Phải nói là tôi hiểu rõ cả hai nền giáo dục. Tôi không phủ nhận nền giáo dục của nước ta đang có nhiều khuyết, nhược điểm cần phải trải qua nhiều bước cải cách nữa mới có thể đưa dân ta làm chủ được những tiến bộ khoa học và công nghệ thế giới hiện đại.

Nhưng với phương châm “ học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội ”, nền giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn luôn kiên trì mục tiêu đào tạo toàn diện để người dân ý thức được vai trò người chủ và biết cách làm chủ đất nước đúng theo tinh thần dân chủ nghĩa là “ Dân là chủ và Dân làm chủ ” (tư tưởng Hồ Chí Minh). Tất nhiên họ không coi hệ thống lương đảng của Hoa Kỳ là dân chủ, họ không coi chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản - là dân chủ, họ không chống lại lòng “ ham muốn tột bậc làm sao đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành ” của Hồ Chí Minh, người cộng sản đầu tiên của nước ta...Nếu cho rằng nhân dân Việt Nam nhiều thập kỷ qua đã tham gia kháng chiến chống thực dân cũ và mới, xây dựng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là không trí thức, phải nhờ “ Đảng nghĩ hộ cho mọi người ” thì thật tình tôi cũng không biết nên nói lại với giáo sư như thế nào nữa.

#### Vấn đề V :

### “ Hy vọng Đảng Cộng sản tự nó sẽ thay đổi ”

Tôi nghe những lời sau đây của giáo sư có cái gì đó chân thành đáng trọng thì : “ Tôi vẫn hy vọng là Đảng Cộng sản tự nó sẽ thay đổi. Theo tôi Đảng Cộng sản Việt Nam có hai mặt, mặt cộng sản và mặt yêu nước. Nó nên giữ mặt thứ nhì và bỏ mặt thứ nhất, có thể tự biến đổi thành một lực lượng yêu nước chân chính. Nếu họ thực sự yêu nước thương dân thì họ phải chấp nhận biến đảng thành một đảng dân tộc tôn trọng đầy đủ các quyền tự do cơ bản và tổ chức bầu cử tự do. Trong điều kiện đó, những tổ chức chính trị khác sẽ xuất

hiện từng bước triển khai thành một lực lượng đối lập xây dựng. Nếu Đảng Cộng sản tự cải tạo trong quá trình đó, thì trong suốt thời gian dài, nó có thể thắng cử ”.

Bởi tôi cảm nhận sự chân thành trong phát biểu của giáo sư cho nên tôi cũng xin đáp lại bằng sự chân thành. Vâng, Đảng đang chủ động đổi mới. Nếu ở giáo sư là “ hy vọng ” thì ở tôi là tin tưởng.

Suốt hơn 60 năm phấn đấu hy sinh, Đảng được Hồ Chí Minh rèn luyện cho tinh thần độc lập tự chủ sáng tạo. “ Việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh ”. Không phải Đảng có “ hai mặt ”, cần “ bỏ đi mặt thứ nhất và giữ lại mặt thứ nhì ” như giáo sư suy nghĩ mà thực sự trước sau Đảng vẫn chỉ có một đường lối, một tấm lòng “ yêu nước thương dân ” như Hồ Chí Minh từng trần trụi thao thức : “ Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành ”. “ Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì ”<sup>2</sup>. Đó chính là đường lối “ gương cao hai ngọn cờ Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội ” như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nếu Hồ Chí Minh đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin lời giải đáp cho việc thực hiện đường lối ấy thì Đảng cũng nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin như một “ học thuyết đúng đắn nhất, cách mạng nhất ”, “ đó là cái cần thiết cho chúng ta, là con đường giải phóng chúng ta ”, là “ trí khôn ”, là vũ khí đấu tranh của mình.

Đề cập đến dân chủ, trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao giờ cũng có chuyên chính đi kèm. “ Như cái hòm đựng của cải thì phải có cái khoá. Nhà thì phải có cửa. Khoá và cửa cốt để phòng kẻ gian ăn trộm. Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khoá cài cửa để đề phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khoá, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên có cửa phải có khoá, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân làm chủ ”<sup>3</sup>.

Chủ nghĩa xã hội là điều kiện tất yếu để đạt tới một nền dân chủ đích thực.

Cho đến nay, loài người mới chỉ thấy một mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực đã được định hình thực sự, đó là mô hình Xô-viết với nhiều thiếu sót sai lạc, phản ánh không đầy đủ thậm chí trái ngược chủ nghĩa xã hội đích thực và một số mô hình khác đang trong quá trình phát triển chưa định hình được. Tuy nhiên không vì thế mà quay trở lại với “ chủ nghĩa tư bản mang chiến tranh trong lòng nó như đám mây mang cơn dông ” (Jaurès, 1912) “ đang đè bẹp thế giới thứ ba, thế giới thứ tư ”<sup>4</sup> ...và ở nước Mỹ, “ Cây hái đặng của thế giới tự do ”, sự giàu có tột độ ở bên cạnh sự cùng khổ ghê gớm, những khái niệm tự do và quyền con người được người ta dùng để bào chữa cho một thế giới bị hoại thư vì sự dã man, ma túy và chủ nghĩa chủng tộc ”. (G. Marchais, *Dân chủ*, Bản tiếng Việt, NXBST Hà Nội, 1992, trang 63).



Cuối cùng tôi muốn thưa với giáo sư rằng dân chủ không phải là một vấn đề toán học. Chưa bao giờ và cũng chưa ở đâu có cái thứ dân chủ cho tất cả. Khi dân chủ phải sống chung với bầy sói thì tự do cho tất cả là một tội ác ghê gớm mà những con cừu không thể nào chấp nhận được. Riêng tôi, tôi vẫn có lòng tin sắt đá rằng sẽ có ngày nhân loại bước từ “ thế giới tất yếu ” vào “ vương quốc tự do ”. Có lẽ chỉ đến ngày ấy mới không còn những cuộc tranh luận về dân chủ.

Lê Quang Vịnh

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1984, t. 4, tr. 35

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1989, t. 8, tr. 701

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1989, t. 7, tr. 548

<sup>4</sup> “ Thế giới thứ tư ” là lớp người nghèo khổ trong những nước giàu có

# Thư ngỏ gửi Lê Quang Vinh

Nguyễn Ngọc Giao

Anh Vinh,

Cùng với bài báo của anh, chúng tôi đã nhận được những thông tin về sự tích của nó, và phản ứng của trí thức trong nước đối với việc anh nhận viết bài ấy (họ không mấy quan tâm tới việc chánh quyền muốn có bài trả lời Phan Đình Diệu). Như anh biết, phản ứng chung rất nghiêm khắc đối với anh, không phải vì trình độ lý luận thấp của bài viết (người ta quen với điều đó rồi, có lẽ chỉ có chúng tôi ở xa nên còn sững sốt), mà chính vì anh đã nhận lời làm công việc đó. Nhiều người gán cho anh những động cơ không mấy sáng sủa, điều này chắc anh cũng biết.

Tôi vẫn muốn tin rằng anh thực sự nghĩ những điều anh đã viết trong bài. Tuy tôi không biết anh nhiều — chỉ gặp anh một buổi tối ở Paris, cách đây mười năm, và phải nói thực, vì nản quá, nên hôm đó tôi chỉ nói chuyện xã giao — nhưng tôi có một món nợ tình thần lớn đối với anh. Đối với chúng tôi, thế hệ sinh viên đầu những năm 1960, Lê Quang Vinh là người trí thức trẻ — giáo sư toán, tốt nghiệp Đại học sư phạm Sài Gòn — đã bị chế độ Ngô Đình Diệm kết án tử hình. Đối với riêng tôi, vụ án Lê Quang Vinh là một cái mốc trong đời, có thể nói là cái mốc chính. Lúc đó, ở Pháp, phong trào Việt kiều vận động chữ ký, không phải để xin “ ân xá ” cho anh, mà để đòi huỷ bỏ án tử hình và trả tự do cho anh (cũng như anh Lê Hồng Tú và hai người khác). Tôi còn nhớ mãi ngày hôm ấy, anh C., đồng hương với anh, là người trong phong trào Việt kiều, đi tìm tôi, đề nghị tôi ký tên vào kiến nghị. Hồi đó tôi là sinh viên từ Sài Gòn qua, lại có học bổng “ quốc gia ” của Ngô Tổng thống. Nên một mặt thì muốn, một mặt thì không dám ký, hỏi anh C. tại sao không yêu cầu ân xá mà thôi ? Rốt cuộc, tôi không ký vào bản kiến nghị. Ngoài miệng chắc tôi đã viện lẽ này có nọ, còn trong bụng thì thấy nhục. Nhục vì biết việc phải làm mà không dám.

Mấy tháng sau, trong một dịp khác, tôi quyết định không tiếp tục nhục nữa. Về sau, có người bạn Mỹ đọc cho tôi câu thơ, tôi rất thích vì nó nghiệm với hoàn cảnh mình :

*After a final no, there comes an yes  
And on that yes the future sun depends.  
(Sau lần cuối cùng nói không, rồi anh nói có  
Tiếng có làm ló rạng mặt trời tương lai).*

Thời đó, mỗi người “ từ ấy ” theo cách của mình. Tôi “ từ ấy ” nhờ anh đã cho tôi nói “ không ” lần chót. Tôi nợ anh từ đó. Tất nhiên, tôi đã vay nợ một cách tự nguyện. Ba mươi mấy năm qua, nay nhìn lại, nếu có điều gì tiếc, chắc chắn tôi không tiếc đã mắc nợ anh. Tôi viết thư ngỏ này gửi anh, trước tiên cũng để nói lên ơn nghĩa ấy.

Điều đó cũng giải thích tại sao tôi muốn tin rằng anh thực sự nghĩ những điều anh viết trong bài. Và tại sao, ngay từ đầu thư, tôi đã viết thật, viết thẳng. Tôi sẽ tiếp tục như vậy suốt thư này. Mong anh hiểu đó không phải tôi thiếu khiêm tốn, mà chính vì tôi kính trọng anh.

1. Khác với anh Diệu, tôi không cho rằng việc anh tránh “ nêu tên Phan Đình Diệu là một nhã ý. Vì anh hoàn toàn “ có điều kiện để xác minh sự thật như thế nào về bài báo và bản dịch ”. Thật vậy, những ý kiến phát biểu trong bài phỏng vấn, anh Diệu đã phát biểu nhiều lần, gần nhất tại hội nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc (*Một thời kỳ lịch sử mới : vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh*, tháng 3.93) và tại Viện chủ nghĩa xã hội khoa học (*Một cách tiếp cận khoa học về dân chủ và cơ chế thực hiện dân chủ*). Đó là về ý, còn lời văn cụ thể, thì chẳng lẽ anh không có cách liên lạc với tác giả để hỏi rõ thực hư trước khi “ nói lại ” sao ?

Tôi sợ rằng cách “ nói lại ” trên những tờ báo phổ biến công khai và rộng rãi để trả lời những lời “ nói đi ” mà độc giả không được đọc, là một phương pháp quen thuộc. Nó đã được sử dụng suốt nửa đầu năm 1991 để “ nói lại ” các ý kiến của Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang, Dương Thu Hương, Nguyễn Khắc Viện, Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu... Hồi đó, người ta nói đồng, không cần trích dẫn, tha hồ bóp méo những ý kiến mà người ta muốn phản bác. Cách đó còn có mặt khôn ngoan, vì giả dụ có ai phản đối, người ta có thể trả lời tôi không nói anh mà nói người khác !

Điều mà tôi không hiểu ở nơi anh là điều này : là một người trí thức, lại đứng trên lập trường mácxít, làm sao anh có thể chấp nhận viết trả lời một bài mà bạn đọc của anh không được đọc ? và khi anh trích dẫn thì lại trích dẫn cắt xén mà không hề ghi dấu những chỗ cắt, và có đoạn cắt ngang làm chệch ý nguyên tác (anh Diệu đã nêu rõ mấy thí dụ, tôi xin miễn trở lại) ?

Để tránh sự chụp mũ, nay bài anh đã đăng báo, còn bài anh Diệu không được đăng, thậm chí bài trả lời của anh Diệu cũng không được đăng, anh có đồng ý yêu cầu Sài Gòn Giải phóng và Nhân Dân tôn trọng quyền trả lời của anh Diệu không ? Tất nhiên, Diễn Đàn sẵn sàng đăng ý kiến của anh về điểm này.

2. Vì nhiều lý do — trong đó lý do trực tiếp nhất, tôi sẽ trình bày ở điểm 3 — ở đây và bây giờ, tôi không bàn về những luận điểm của anh về dân chủ và chủ nghĩa xã hội, vả lại bài của anh là một loạt khẳng định niềm tin hơn là một bài lý luận. Song tôi không thể không nêu lên một vài nhận xét có tính chất phương pháp luận.

Nhận xét đầu tiên muốn lưu ý anh : cả ba thí dụ anh nêu ra về chân lý khoa học đều sai cả. Thí dụ thứ nhất : đẳng thức  $2 + 2 = 4$  không phải “ chỉ đúng với tập hợp số tự nhiên thôi ”, mà vẫn đúng cho cả “ lãnh vực số đại số hay số ảo ”. Nó chỉ sai (trở thành  $2 + 2 = 0$  hay  $2 + 2 = 1$ ) trong những tập hợp không có “ số ” 4.

Định đề Euclide không phải chỉ “ đúng ” trong không gian 3 chiều, mà còn đúng trong các không gian n thứ nguyên, miễn đó là những không gian... *oclidien*. Định đề Riemann (hay định đề Lobatchevski), mâu thuẫn với định đề Euclide, tất nhiên là những mệnh đề sai trong không gian *oclidien*, và đúng trong những hình học *phi-oclidien*. Hình học Euclide, hình học

Riemann, hay hình học Lobatchevski là những hệ tiên đề *mâu thuẫn với nhau*, nhưng mỗi cái đều *không chứa đựng mâu thuẫn nội bộ*, và đều đã được dùng làm mô hình trong vật lý học để mô tả từng mảng của thế giới tự nhiên.

Thí dụ thứ ba về vật lý anh nêu ra cũng không hoàn toàn như vậy : đúng là Descartes (1596-1650) đã sáng lập ra quang học hình học với cuốn *Dioptrique* (1637), và đúng rằng mô hình này không lý giải được các hiện tượng nhiễu xạ và giao thoa, nhưng không phải đợi đến thập niên 1920 của de Broglie, mà ngay từ năm 1678, với tác phẩm *Traité de la lumière*, Huygens (1625-1695) đã nêu ra tính ba động của ánh sáng. Công lao của cơ học ba động của de Broglie là đã thống hợp được hai mặt tưởng như mâu thuẫn ấy (ánh sáng truyền theo đường thẳng và truyền sóng).

Tôi nói hơi dài, không phải vì muốn soi mói sự ngộ nhận của anh, nhưng vì tình cờ, mấy thí dụ trên có thể cho ta rút ra mấy bài học về phương pháp luận :

– Một là, cũng may cho Descartes và Huygens, sống vào lúc Galilei bị Giáo hội lên án (1633), nhưng quang học chưa dựa vào những tín hiệu, nên họ được tự do tìm tòi. Và đáng mừng là họ có đủ phẩm chất của người trí thức để không dựa hơi vào ban văn hoá tư tưởng của Vatican để kích bác nhau.

– Hai là, không có lý thuyết toán học nào là chân lý cả, chỉ có những lý thuyết được dùng (hay không) làm mô hình cho thế giới tự nhiên ; chưa có lý thuyết khoa học nào có thể thống hợp được mọi hiện tượng tự nhiên, nói khác đi, mọi học thuyết mang tham vọng *toàn thống (totalitaire)* đều chứa chấp ít nhất một sai lầm hay thiếu sót cơ bản nào đó.

– Ba là, những sai lầm trong ba thí dụ anh nêu ra minh hoạ khá cụ thể những sai lầm khoa học phổ biến trong các giáo trình Mác-Lê. Khi những người mắc sai lầm có quyền sinh sát, thì họ có thể giết cả khoa học (thuyết tương đối của Einstein đã bị Bách khoa toàn thư Liên Xô lên án ngay từ sinh thời Lenin, một phần có lẽ vì Einstein tán thành quan điểm triết học của Mach mà Lenin lên án kịch liệt, còn Stalin tàn sát những nhà khoa học theo học thuyết Mandel, tuyên dương Lyssenko, rồi dẫn sinh học, nông học tới đâu, chắc anh biết, và không đổ hết tội cho... Gorbachev). Ở một mức thấp hơn, người ta chỉ bắt sinh viên trả bài như người ta đã học, không cần hiểu (như người ta cũng không hiểu) và những khoá giảng về cái được mệnh danh là chủ nghĩa Mác đã trở thành trò cười, nhằm chán. Nguy hại hơn, chúng đào tạo ra bao nhiêu thế hệ nghĩ một đảng, nói một nẻo, và làm lung tung.

Trước khi sang điểm chót, tôi cũng xin nói rõ : tôi cho rằng học thuyết Marx về kinh tế tư bản chủ nghĩa ngày nay vẫn còn giá trị (tương đối thôi, nhưng sau một thế kỷ rưỡi, cũng là vĩ đại lắm rồi), cũng như còn giá trị những suy nghĩ của ông về biện chứng pháp duy vật (mặc dù, ngay từ Engels, những khẳng định trong *Chống Dühring* về tính biện chứng của toán vi phân và tích phân là hoàn toàn khiên cưỡng). Nhưng cũng xin nói thật với anh : ngày nào còn có người nhân danh chủ nghĩa Mác để cấm đoán mọi cuộc tranh luận khoa học, thì tôi coi việc “ bảo vệ ” những cái còn giá trị trong chủ nghĩa Mác là vô duyên.

Vấn đề trước mắt, do đó, là làm sao đi tới một cuộc

### 3. Đối thoại dân chủ

Xin anh yên tâm : tôi sẽ không nói chuyện chính trị quốc cấm, không đòi đa đảng trong bài này, và nếu cần, không dùng cả chữ đa nguyên.

Tiếp cận chính trị mà tôi muốn nêu lên ở đây xuất phát từ những căn cứ thực tế này :

a) Lãnh đạo hiện nay của Đảng cộng sản kiên quyết độc chiếm chính quyền, và không chấp nhận bất cứ ai (kể cả đảng viên) đặt lại vấn đề ; song, là một tập đoàn lãnh đạo quốc gia, họ không thể không chuẩn bị tương lai, và thừa nhận sự tự lập của xã hội công dân (*société civile*), nền tảng của mọi thể chế dân chủ. Dù muốn hay không, quá trình đổi mới hiện nay, và tình hình quốc tế đòi hỏi phải có sự tự lập đó, cho dù đảng cộng sản không (hay chưa) chấp nhận có những chính đảng (cộng sản, phái tả hay không) khác.

b) Là một bộ phận của xã hội công dân, giới trí thức có chức năng xói lên và đào sâu những vấn đề của xã hội. Những đề nghị, những dự báo của họ chỉ có tính cách tư vấn, để cho chính quyền và các lực lượng xã hội sử dụng (hay không). Người trí thức, với tư cách công dân, có thể và có quyền tham gia chính đảng, chính quyền để thực hiện ý kiến của mình (và tuân thủ những kỷ cương của mỗi tổ chức). Song chức năng của trí thức đòi hỏi phải có tự do tư tưởng, và nếu có đủ can đảm, họ phải đấu tranh bảo vệ quyền tự do tư tưởng (trước hết là quyền tự do tư tưởng của người khác ý kiến với mình). Khi nói Việt Nam mới chỉ có những người trí thức, chưa có giới trí thức, theo tôi, chính là nói tới những *không gian tự do tư tưởng* mà giới trí thức cần có để làm tròn chức năng của mình đối với xã hội.

Trong điều kiện đó, tôi thiên nghĩ những người thức thời trong ban lãnh đạo và giới trí thức có thể đi tới đồng thuận để thiết lập ra, ngay từ bây giờ, những *không gian tự do*, trong đó có thể tranh luận một cách khoa học, nghiêm chỉnh tất cả các vấn đề liên quan tới đất nước, tới xã hội, *miễn là không hô hào bạo động*. Đó là cách duy nhất để trí thức Việt Nam (trong nước cũng như ngoài nước) thấy mình không bị coi là những nịnh thần hay nghịch tặc tiềm ẩn, và có đủ quyền hạn để làm đúng nhiệm vụ của mình. Đó cũng là cách để đảng cộng sản *mở rộng* cơ chế, tiến thêm một bước trên quá trình dân chủ hoá, mà không nguy hại tới sự ổn định chính trị mà toàn bộ xã hội đều mong muốn (cho dù bộ phận bảo thủ trong đảng vẫn nhân danh ổn định để ngăn chặn mọi thay đổi).

Trở lại các bài của anh Diệu và của anh, tôi nghĩ chính quyền hoàn toàn có bản lĩnh để chọn (hay cho ra đời) một tạp chí để đăng toàn văn cả hai, với số in không rộng rãi như *Nhân Dân*, *Sài Gòn Giải phóng*, nhưng đủ để phát hành trong giới nghiên cứu và học thuật. Như vậy tránh được cảnh mà dù muốn dù không, anh đã mắc vào khi đăng bài trên *Sài Gòn Giải phóng* mà không tôn trọng quyền trả lời của anh Diệu : cái cảnh *múa gậy vườn hoang*, mà nạn nhân đầu tiên là uy tín của chính anh.

Tôi mong những không gian tự do ấy sớm được mở ra để mọi người chúng ta có thể đem cái riêng làm giàu cho cái chung và cho riêng mình.

Lúc đó, chúng ta có thể bàn tới những chuyện nghiêm chỉnh. Hơn là những chuyện tào lao mà tôi buộc phải nói thẳng với anh trong thư này. Nói thẳng vì tôn trọng anh, quyền tự do tư tưởng của anh, vì tin rằng anh vẫn yêu tự do như trong bài thơ anh viết ngày nào. Tôi mong mình không lầm.

Nguyễn Ngọc Giao



thanh thảo

## Văn Cao thơ

Bởi vì trong một Văn Cao có quá nhiều Văn Cao : Văn Cao nhạc, Văn Cao họa, Văn Cao hiệp sĩ, Văn Cao quốc ca, Văn Cao rượu đế... Một Văn Cao đa tài, đa nguyên, đa nạn... Một Văn Cao lặng lẽ như chén rượu mỗi sớm, lặng lẽ như những dòng chữ lít nhít trong sổ tay, lặng lẽ như Thơ. Với Văn Cao, thơ là cái lặng lẽ của con hổ :

" Có lúc  
ban ngày nghe lá rụng sao hoảng hốt "

Ngay con hổ cũng có lúc giật mình vì một tiếng lá rụng. Thơ đi giữa can trường và hoảng hốt, đi giữa cái liêu và nỗi sợ. Thơ là " nước mắt không thể chảy ra ngoài được ". Thơ là con dao găm " tôi ném vào khoảng trống ", nhưng người bị thương lại chính là tôi. Thơ là mạng nhện " cuốn lấy tôi, không cách gì gỡ được ". Và nhà thơ chính là kẻ cắp, hấn ăn cắp cái lưu vô mà người ta lại tưởng hấn xoáy ví tiền, hấn lần mò tới cái tuyệt đối thì người ta ngỡ hấn đục tường khoét vách, bèn hò bắt :

" tôi chạy bạt mạng gần hết đời  
tới chỗ chỉ còn gục xuống "

(Ba biến khúc ở tuổi 65)

Đọc Văn Cao, thấy hiện mồn một cái thân phận của thơ, nó trái ngang, nó tủi cực, nó bật dậy như một cột ánh sáng, nó nghiêng rặng sung sướng :

" em ở đây với anh  
cho bớt lạnh sáng mùa xuân náo nức  
thịt da em cho anh sưởi...  
... chúng ta đi vào bí mật của mùa xuân "

(Năm buổi sáng không có trong sự thật)

Đi vào bí mật của sáng tạo là đi vào con đường hầm với biết bao lối rẽ, mà có thể, cửa thoát là một hồ nước " trên họng một ngọn núi cạn lửa ". Văn Cao – con rái cá bến Bình, không sợ những đường hầm tăm tối của sáng tạo, vì nó, có khi ông từ chối những cửa thoát hiểm, từ chối lời mời gọi của những người bạn có thân hình " dẹt như một con dao ". Cái nhìn của Văn Cao trong thơ, nhiều lúc, là cái nhìn của một họa sĩ, nó bắt được cái thần của đối tượng chỉ qua vài nét phác. Sự giản lược tối đa, những khoảng trống, những dấu lặng, tự làm khô lại như một củ huệ lan chờ lúc bật mầm, thơ Văn Cao gợi nhớ đến thơ Ya. Ritxốt hay thơ N.Hitmét. Đó là thơ của những người chỉ có một không gian hẹp trong đời sống, những người phải dè sẻn lương thực, những cây xanh phải tận dụng đến từng chiếc lá của mình để phát điện.

" Từ trời xanh  
rơi  
vài giọt tháp Chàm "

Vài giọt thôi, nhưng sẽ sống lâu đấy !

" Những con bói cá  
Đậu trên những giây buồm  
Đang đo mực nước  
Những con bạch tuộc  
Bao tay chân cố dìu một con người "  
(Những người trên cửa biển)

Những con bói cá hay bạch tuộc ấy cũng chẳng sống được lâu đâu !

" Chỗ nào cũng có tiếng  
chưa nói lên "  
(Anh có nghe không)

Những tiên báo trong thơ Văn Cao thường mang tính xã hội, nghĩa là con người xã hội trong ông, người công dân trong ông vẫn rất mạnh. Ấng-ten của ông thường là ăng-ten định vị, nó thể hiện cái nhiệt tâm và khí chất của ông. Chất hiệp sĩ còn rất đậm ở Văn Cao. Nhưng Lý Bạch cũng từng là một hiệp sĩ, và nhiều nhà thơ Haiku Nhật Bản là những kiếm sĩ những Samurai. Ta có thể gọi đó là tính chiến đấu của thơ chăng ? Nhưng thơ chiến đấu với ai ? Cuối cùng thơ chiến đấu với chính nó. Thơ là " chiếc lá cháy lặng lẽ " chứ không phải là những " bó hoa mang tới chúc tụng ", là viên sỏi " rơi trong lòng giếng cạn ", là " những giọt mực cạn dần ". Thơ là hột giống, " một nắm hột khuya rắc vào Bến lạ " như Đặng Đình Hưng đã viết. Khi nhắc các hột giống, chính Jê-su đã biết đến sức mạnh của thơ. Bây giờ, Văn Cao ngồi lặng lẽ, nhỏ xíu trên giường : ông là một hột giống. Một hột giống thỉnh thoảng nảy ra thơ. Nói nhiều là lắm nhảm, không nói là lắm nhảm, uống cái gì rồi cũng thấy được, cũng hay hay, trong mỗi chén đắng ngấm nghĩ có vị ngọt, còn trong mỗi cốc đường hoá học thì ngọt trước đắng sau, đắng lộn mửa.

" Nắng chuyển dần  
trên thềm đá cũ  
Mùa thu năm nay  
không mưa ngâu "  
(Mùa thu 1992).

(Văn Nghệ số 47 - 1993)

Văn Cao

Người đi dọc biển

Người đi  
dọc biển  
bình minh dưới chân  
một cái chai lấp lánh  
sóng biển còn hơi rượu

người đi  
dọc biển  
lối cát chưa có dấu chân  
chân trời còn gổ biển

người đi  
dọc biển  
không để lại  
dấu chân.

Đồng Châu 30.6.1970

Điện ảnh Việt Nam trên đe dưới búa

## *Hãy tha thứ cho em*

phim của Lưu Trọng Ninh

tại Liên hoan điện ảnh Nantes 1993

Năm ngoái, khi giới thiệu *Canh bạc* (Diễn Đàn số 17, tháng 3.93), cuốn phim đầu tay của Lưu Trọng Ninh, tôi đã nói tới *Hãy tha thứ cho em*, lúc đó đã hoàn thành, nhưng còn đợi kiểm duyệt. Mấy tháng sau (Diễn Đàn số 22, tháng 9.93), được tin cuốn phim đã “được duyệt”, đem ra chiếu công khai, rồi lại bị ông Trần Hoàn, bộ trưởng văn hoá (ngày nào còn hát *Sơn nữ ca*), đích thân “duyet” và đòi cắt 4 đoạn. Đạo diễn phải đau lòng chịu cắt 4 đoạn để cho cuốn phim tiếp tục được chiếu tại các rạp ở Việt Nam, với hy vọng là những tư nhân đã bỏ ra 300 triệu đồng làm phim có thể thu hồi được vốn; song anh không thể coi bản phim tàn tật ấy là đứa con tinh thần của mình, và đã từ chối không chịu cho nó tham gia Liên hoan điện ảnh Fukuoka (Nhật Bản) đầu thu 1993.

Vì vậy, khi nghe tin *Hãy tha thứ cho em* được Liên hoan điện ảnh 3 lục địa (Festival des 3 continents) của thành phố Nantes (23-30 tháng 11.93) tuyển lựa vào danh sách 10 cuốn phim chính thức dự thi, tôi nóng lòng hỏi thăm ngay hai anh em ông Jalladeau, giám đốc Festival, xem đứa con thứ nhì của Lưu Trọng Ninh là đứa con nguyên vẹn, hay đã bị cắt cụt tứ chi? Thật là mừng khi được biết bản phim chiếu 3 lần ở Nantes — rồi sẽ chiếu tháng 2 tới tại ba liên hoan Fribourg (Thụy Sĩ), Rotterdam (Hà Lan), Göteborg (Thụy Điển) — là bản đã thoát khỏi cái kéo của ông Trần Hoàn. Làm sao thoát được, chắc chỉ có ban tổ chức mấy liên hoan này biết rõ, người viết bài này có điều tra cho ra nhẽ, cũng xin vô phép bạn đọc miễn kể lại ở đây.

Vả lại, xét cho cùng, điều này không mấy quan trọng. Điều quan trọng, là *Hãy tha thứ cho em* đã nguyên vẹn ra mắt công chúng châu Âu, và rõ ràng đã mang tới cho họ, bằng ngôn ngữ nghệ thuật, một mảng hiện thực sống động của Việt Nam; những yếu kém hiển nhiên của cuốn phim vẫn cho người xem nhận ra tài năng của đạo diễn, và quan trọng không kém, giới yêu nghệ càng thương cảm hơn nền điện ảnh Việt Nam đang khốn khổ trong cảnh trên đe (thị trường) dưới búa (chính trị). Điềm qua những mặt thành tựu và thất bại của *Hãy tha thứ cho em*, do đó, cũng cho phép chúng ta hiểu thêm thực trạng và tương lai trước mắt của phim Việt Nam.

*Hãy tha thứ cho em*, theo nghĩa đen, là câu nói của cô Mai (Trịnh Trúc Quỳnh đóng), nhạc sinh vĩ cầm Trường nghệ thuật, nói với đạo diễn điện ảnh (Đào Bá Sơn đóng), sau khi quay trường đoạn cuối cùng một cuốn phim truyện về chiến tranh, trong đó cô thủ vai nữ chính (cũng tên Mai). Mai cảm thấy mình bất lực, không thể hiện được trọn vẹn một nhân vật sống trước cô một phần tư thế kỷ, cũng là người yêu của đạo diễn khi anh còn là bộ đội. Chỉ cần giới thiệu như vậy, bạn đọc quen thuộc với điện ảnh thế giới, cũng tưởng tượng ra chủ

đề cuốn phim trong cuốn phim, chủ đề hiện tại đối diện với quá khứ, quan hệ đối chọi, không thông cảm giữa tuổi trẻ Việt Nam hôm nay và những thế hệ cha anh, trong bối cảnh một xã hội đang chuyển biến, nghèo nàn, tan nát, nhớ nhãng (nói như Trần Tiến: một nền kinh tế Lambada khập khểnh) và cũng tràn đầy sức sống.

Thành công đầu tiên của Lưu Trọng Ninh là anh đã không rơi vào sự dễ dãi, phiến diện: hoặc là cất lên điệp khúc quá khứ vinh quang không được quên đi, hoặc là tôi không muốn biết quá khứ ấy ra sao, chủ cần biết nó đã để ra hiện tại khốn khổ hôm nay. Nhân vật đạo diễn thể hiện ít nhiều sự trăn trở của người nghệ sĩ muốn làm cái cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa hai thế hệ. Anh không bắc cầu thông cảm theo kiểu hoà cả làng, mà chọn nói sự thực, sự thực hào hùng của cuộc kháng chiến, và sự thực hãi hùng của mọi cuộc chiến tranh ở cả hai phía. Dễ hiểu là trong tình trạng Việt Nam hôm nay, người nghệ sĩ phải chịu số phận đơn độc, như anh đạo diễn đứng bên lề đường ở trường đoạn cuối phim, nhìn cảnh sát huýt còi đuổi theo Mai và đám bạn trẻ của cô.

Thành công lớn nữa của *Hãy tha thứ cho em* là khuôn mặt tuổi trẻ. Mai, Châu và bạn bè của hai cô toát ra một sức sống, một vẻ đẹp, mặc dầu họ còn mò mẫm tìm đường, không biết mình phải làm gì, nhưng ham sống, và đảm nhiệm cuộc sống của mình. Ai đã xem *Những đứa con hoang Bắc Kinh* (*Les bâtards de Beijing*) của Trương Nguyên (*Zhang Yuan*), xen kẽ những tiếng gào thét nhạc rock của Thôi Kiện (*Cui Jian*) với những trường cảnh đám thanh niên lê gót vô vọng trong đêm trường Bắc Kinh, sẽ thấy rõ sự khác biệt.

Nói rộng hơn, Lưu Trọng Ninh có tài (và có công) lập bảng phân vai: trong *Canh bạc*, cũng như trong *Hãy tha thứ cho em*, anh đã chọn toàn diễn viên nghiệp dư (Đào Bá Sơn là diễn viên chuyên nghiệp duy nhất trong *Hãy tha thứ cho em*), nên tránh được lối diễn xuất quá cái lương của đa số phim Việt Nam. Ninh cũng mạnh về những tình tiết nhỏ, điểm xuyết trong phim (nhất là cảnh những trẻ em, từ đứa em trai của Mai làm *sốngta* cô chị sau khi tìm ra chiếc bao cao su tránh thai, đến cảnh em bé bị trói cẳng vào chân mẹ, nằm ngủ lê đường), làm cho cuộc sống thực tràn vào màn bạc...

Chủ đề, nhân vật, và những tình tiết ấy cho ta đo được tài năng của Lưu Trọng Ninh, mặc dầu so với *Canh bạc*, *Hãy tha thứ cho em* chưa phải là một bước tiến xa: Ninh đã dựng xong *Hãy tha thứ cho em* trước khi đặt chân tới Nantes cuối năm 1992, nghĩa là trước khi tiếp xúc với điện ảnh châu Á, châu Mỹ La tinh và châu Phi.

Còn những yếu kém của *Hãy tha thứ cho em*? Chỉ xin nêu ra hai khuyết điểm lớn. Một là sai lầm của đạo diễn khi chọn *Bản giao hưởng thứ 5* của Beethoven làm leit-motiv nhạc phim (tôi không nói tới chất lượng quá kém của đĩa nhạc rề, mà nói tới phản tác động trên khán giả phương Tây ngay khi mấy nốt *pom pom pom pòm...* nổi lên). Tất nhiên, đạo diễn, cũng như công chúng Việt Nam khác với công chúng phương Tây, họ còn đang nghe và đọc *5e Symphonie* ở cấp một (*au premier degré*), dễ hiểu là Lưu Trọng Ninh đã chọn vì chủ đề *con người trước định mệnh* của nhạc phẩm, song ngay đối với khán giả Việt Nam, *Hãy tha thứ cho em* cũng

như nhiều phim Việt Nam khác, đã sử dụng âm nhạc một cách phí phạm : nhạc không mang lại một kích thích mới cho điện ảnh, mà thường chỉ phụ họa, nhấn thêm một cách thừa thãi cái thông điệp mà hình ảnh, nét mặt, động tác đã nói nhiều, và nhiều khi nói quá dài rồi. Khuyết điểm thứ hai, cũng là khuyết điểm chung của điện ảnh Việt Nam, của cả văn học Việt Nam nữa : văn nghệ sĩ Việt Nam dường như chưa ý thức rằng trong nghệ thuật, cách nói cũng quan trọng như điều mình muốn nói. Greg Lockhart, nhà nghiên cứu người Úc, trong lời tựa bản dịch *Tương về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp sang tiếng Anh, đã nhận xét rất chính xác : trong các nhà văn Việt Nam đương đại, dường như chỉ có ba tác giả (Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Khải) là quan tâm tới *sự viết* (écriture). Bao giờ trong điện ảnh Việt Nam xuất hiện những tác giả đầu tiên như vậy ?

Câu hỏi này còn quá viễn vông ngày nào điện ảnh Việt Nam còn phải vật lộn để tồn tại như hiện nay.

Thật vậy, ngân sách *Hãy tha thứ cho em* là 30 000 đôla (180 000 FF), nghĩa là đúng một phần trăm ngân quỹ *Mùi đu đủ xanh* của Trần Anh Hùng (18 triệu F Pháp), và so với ngân sách của những *Người tình*, *Indochine*, *Điện Biên Phủ* thì chưa tới một phần nghìn. Vẫn biết ở Việt Nam cái gì dính đến con người đều rẻ mạt, nhưng điện ảnh không đơn thuần là một nghệ thuật, nó còn là công nghệ : dưới một mức tối thiểu nào đó, không thể có điện ảnh. Hãy xin nêu hai thí dụ để bạn đọc ngoài nghề có thể hình dung ra tình trạng làm phim ở Việt Nam :

– Để làm *Hãy tha thứ cho em* dài 2700 mét phim nhựa, Lưu Trọng Ninh chỉ có 3200 mét để quay. Tỷ lệ phim nháp (rush) / phim sử dụng như vậy là 1,2, trong khi tỷ lệ trên thế giới là từ 3 đến 10 !

– Phim đó là phim Orwo của Đông Đức cũ, sản xuất từ năm 1990, tồn kho hai năm trong khí hậu nóng và ẩm Việt Nam, nên độ nhạy 21 DIN giảm xuống, còn 9 DIN. Do đó, không thể quay cảnh đông người trong phòng lớn, chỉ quay được cảnh gần, diễn viên phải diễn dưới ánh đèn chiếu hàng chục ngàn watt cách mặt 1,5 mét : diễn xuất trở thành sự tra tấn đứng đèn.

30 000 đôla là giá thành trung bình của một cuốn phim truyện Việt Nam. *Hãy tha thứ cho em* tuy về danh nghĩa là của Trung tâm điện ảnh trẻ, nhưng thực chất là do tư nhân bỏ vốn. Đó là cuốn phim không thương mại đầu tiên được tư nhân đầu tư, và cho đến nay mới thu hồi được 1/4 vốn. Nếu phim này thất bại, chắc chắn tư nhân sẽ chỉ tiếp tục đầu tư vào những phim điểm tình, đấm đá, chủ yếu là phim video. Nói cách khác, một nền điện ảnh nghệ thuật Việt Nam chỉ có thể tồn tại nếu có một chính sách và ngân sách của nhà nước (ở châu Âu, Pháp là nước duy nhất còn giữ được nền điện ảnh dân tộc, nhờ có chính sách bảo trợ).

Cho đến năm 1992, trung bình các xưởng phim (nhà nước) sản xuất mỗi năm được 20 phim truyện (năm 1992, được 30 phim, nhưng một số lớn là phim thương mại cho tư nhân bỏ vốn, mượn tên xưởng phim quốc doanh). Năm 1993, cho đến ngày chúng tôi viết dòng này (23.12), mới sản xuất được 2 phim, trong đó phim đầu là loại phim SBC (*sản bất*

*cướp*). Phải chăng nhà nước không còn quý cho điện ảnh ? Sự thật không đơn giản như vậy : năm 1990, ngành điện ảnh được cung cấp khoảng 8 tỷ đồng (tương đương với ngân sách của khoảng 20 phim), nhưng 6 tỷ đã biến mất. Hiện nay, người ta đang chuẩn bị một cuốn phim kỷ niệm 20 năm đại thắng 1975 cho năm 1995, với một ngân sách nghe đồn lên tới 24 tỷ đồng.

24 tỷ đồng, tức là khoảng 13 triệu FF, chưa bằng ngân sách *Mùi đu đủ xanh*, nhưng là số tiền khổng lồ so với điều kiện của điện ảnh Việt Nam, có thể bảo đảm khoảng 5 năm sống cho điện ảnh ở mức hiện nay (10 phim, 500 triệu đồng một phim). Chọn tài trợ cho một cuốn phim “ kỷ niệm mít tinh ” và chôn sống nền điện ảnh, nhà cầm quyền sẽ mang một trách nhiệm hết sức nặng nề. Mong rằng bài học về cuốn phim *Hẹn gặp lại Sài Gòn* (2 tỷ đồng năm 1990, nói về tuổi thiếu niên của Nguyễn Tất Thành, một cuốn phim tồi tệ về mọi mặt, nhưng là món bở to lớn cho những người có sáng kiến bày ra vụ đánh quả ranh ma này) sẽ giúp cho chính quyền nhận ra sai lầm và tránh được vết xe đổ.

Kiến Văn

## Khởi điểm (*Starting Place*)

của Robert KRAMER

Phim này đã chiếu trên đài truyền hình ARTE ngày 4.12 vừa qua. Bạn nào không kịp xem có thể đón coi tại các rạp đầu tháng 3 tới. Thực ra, những ai đã coi trên màn ảnh nhỏ cũng nên ra rạp coi, để thấy sự khác biệt giữa truyền hình và điện ảnh. Người ta thường nói mặt mạnh của TV là những cận cảnh tâm tình (*intimiste*), chứ TV làm hại những cảnh hoành tráng. Điều đó tất nhiên là đúng, song cũng không đầy đủ. Phim của Kramer chứng minh điều đó : những cận cảnh khuôn mặt, một phần tư khuôn mặt Linda Evans trong nhà tù, hay chân dung người phiên dịch mà Kramer gặp lại ở Văn Miếu, nhìn trên màn ảnh TV rất rõ, nhưng phải xem trên màn ảnh lớn, ta mới thấy cái *thần* của mỗi người bộc lộ ra hẳn, và mới thấy Kramer là bậc thầy về những cảnh cố định (*plan fixe*), về những phút im lặng đầy ý nghĩa.

Để tránh mọi ngộ nhận có thể gây ra thất vọng, bạn nên đọc lại bài *Trở lại chữ nghĩa* (*Diễn Đàn* số 22, 9.93) của R. Kramer. Đây không phải là một phóng sự về Việt Nam 1992, của một người Mỹ phản chiến trở lại Hà Nội sau 23 năm. *Khởi điểm* là một tùy bút, viết bằng ống kính độc đáo của nghệ sĩ, ghi lại những nhận xét về hôm nay, những suy tư về quá khứ, hiện tại. Xuyên suốt *Khởi điểm* là hai phụ nữ. Một là Linda Evans, người đã cùng Kramer đi thăm miền Bắc năm 1969, rồi tiếp tục cuộc tranh đấu cho nhân quyền ở Mỹ, từ 1985 bị chính quyền Reagan bỏ tù (kết án 40 năm). Các bạn có thể viết thư thăm chị : Linda Evans, 19973.054, UNITA, 5701 8th St., CAMP PARKS, DUBLIN, CA 94568 (USA). Người thứ hai vắng mặt, nhưng tiếng nói của chị vang lên qua những đoạn trích đọc *Tiểu thuyết vô đề* : nhà văn Dương Thu Hương.

Thương thay những đất nước, những dân tộc mà một vài chân lý đơn giản nhưng cơ bản đang đè nặng trên đôi vai của vài ba người phụ nữ.

K.V.

# “ Hồn Đại Việt Giọng Hàn Thuyên ” vị trí lịch sử của Trung Quốc đối với Việt Nam và Nhật Bản

VĨNH SÍNH

*History without political science has no fruit,  
Political science without history has no root.*  
(John Seeley, 1885)

Trước khi làn sóng Tây xâm ào ạt đánh vào bờ các nước ven Thái Bình Dương khoảng giữa thế kỷ XIX, Trung Quốc là trung tâm của thế giới Đông Á. Với tư cách là nước ở giữa, thế hiện cho tinh hoa của một nền văn hoá rực rỡ lâu đời (do đó có danh xưng Trung Hoa), Trung Quốc xem các nước nằm trên ngoại vi của mình là “ *man di mọi rợ*”. Việt Nam, ở giáp biên giới phía Nam của Trung Quốc là “ *Nam man*”; Triều Tiên, Nhật Bản nằm về phía đông là “ *Đông di*”. “ *Bắc địch*” và “ *Tây hung*” là tên gọi các dân tộc ở phương Bắc và phương Tây của Trung quốc.

Nhìn trên bình diện của trật tự thế giới Đông Á truyền thống, Trung Quốc là “ *thiên triều*”, tự cho mình có vai trò “ *mở mang khai hoá*” các “ *phiên quốc*” (*phiên*: phân giậu; các nước nằm bao bọc cho Trung Quốc) xung quanh. Trên thực tế, Trung Quốc đã từng nhân danh “ *khai hoá*” để mưu đồ thôn tính các nước kế cận, như ta đã thấy qua chính sách của nhà Đường đối với Việt Nam. Vì văn minh Trung Hoa là khuôn thước và mẫu mực của thế giới Đông Á nói chung, không mấy khi Trung Quốc bận tâm để ý đến những nét đặc thù trong nền văn hoá của các dân tộc láng giềng. Cái gì khác với phong tục tập quán của Trung Quốc thường được xem là “ *vị khai*” (chưa được khai hoá) hay “ *mọi rợ*”. Bàn về mối giao lưu văn hoá một chiều, có đi không lại giữa Trung Quốc và Nhật Bản trước thập niên 1960 — tức là trước khi Nhật bước đầu trở thành một cường quốc kinh tế — nhà học giả về Trung Quốc học nổi tiếng của Nhật Bản Yoshikawa Kôjirô (*Hỷ-xuyên Hạnh-thứ-lang*) đã có nhận xét: “ *Trung Quốc và Nhật Bản là hai nước có vị trí địa lý nằm gần nhau. Từ thời Nara (710-784) hay trước đó nữa, Nhật Bản luôn luôn ý thức Trung Quốc là người hàng xóm và kính nể nền văn hoá của Trung Quốc. Ngược lại, năm thì mười họa Trung Quốc mới ý thức rằng Nhật Bản là nước láng giềng. Ngay sự tồn tại của nước Nhật cũng còn không được nhắc đến một cách liên tục trong tư liệu lịch sử của Trung Quốc, huống hồ là văn hoá Nhật Bản thì Trung Quốc chẳng mấy may quan tâm đến. Nói một cách khác, đối với người Nhật, trải qua mấy trăm năm trong quá khứ, Trung Quốc luôn luôn là nước láng giềng; còn Trung Quốc thì không nhất thiết nhìn Nhật Bản như vậy*”<sup>1</sup>. Nói rộng ra, không chỉ riêng gì với văn hoá Nhật Bản, mà đối với văn hoá của tất cả các nước xung quanh, thái độ của Trung Quốc nói chung là lúc

nào cũng thờ ơ, hờ hững. Đối với Trung Quốc, văn hoá Trung Hoa — với trọng điểm là Nho giáo và chữ Hán — là tiêu chuẩn duy nhất để đo lường trình độ văn minh của các nước lân bang.

Mặt khác, mặc dầu người Việt Nam và người Nhật Bản đều chịu rất nhiều ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa qua các thời điểm khác nhau, họ luôn luôn ý thức về bản sắc văn hoá cố hữu của nước mình. Có điều cần để ý là trước khi các trào lưu văn hoá Tây phương du nhập vào hai nước này, người Việt Nam hay người Nhật Bản khi nói đến tính chất dân tộc trong văn hoá của họ không thể nào không bàn đến bản chất của văn hoá Trung Hoa. Nói một cách cụ thể hơn, trước khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp vào hậu bán thế kỷ XIX, làm sao có thể định nghĩa được cái gọi là bản sắc hay phong cách “ *thuần túy*” Việt Nam nếu không so sánh hay đối chiếu với những tiêu chuẩn của văn hoá Trung Quốc? Bởi vậy, khi tổ tiên ta nói đến “ *Việt*” có nghĩa là trực tiếp hay gián tiếp so sánh với “ *Ngô*” (hay “ *Hán*”), khi nói đến “ *nước Nam*”, “ *phương Nam*”, hay “ *trời Nam*”, là hàm ý so sánh với “ *Bắc quốc*”. Trường hợp Nhật Bản cũng không khác với Việt Nam cho lắm. Người Nhật dùng các danh từ “ *yamato damashii*” 大和魂 (hồn Đại-hoà, Đại-hoà là tên cũ của Nhật Bản) hay “ *wakon*” 和魂 (Hoà-hồn) để nói lên tinh thần hay tính chất Nhật Bản, hàm ý phân biệt với “ *karagokoro*” 漢心 (Hán tâm: tinh thần hay tính chất Trung Quốc). Mặt khác, muốn định nghĩa thế nào là *yamato damashii* và *wakon* thì không thể không so sánh hay đối chiếu với *karagokoro*.

Nói tóm lại, lối nhìn của Trung Quốc đối với Việt Nam và Nhật Bản trước thời cận đại trên căn bản không có gì khác nhau đáng kể. Tuy nhiên, khi so sánh thái độ của Việt Nam và Nhật Bản đối với Trung Quốc thì chúng ta sẽ phát hiện những điểm khác biệt thú vị và rất có ý nghĩa. Trước hết, chúng ta thử phân tích những điểm khác biệt đó, sau đó sẽ xem những khác biệt này đã có tác dụng như thế nào trên phản ứng của hai nước đối với những thách thức của Tây phương vào thế kỷ XIX và tiến trình của hai nước sau đó.

## Thái độ của Việt Nam đối với Trung Quốc: *đề kháng xâm lăng quân sự và chấp nhận khuôn mẫu văn hoá*

Nằm sát Trung Quốc về phía Nam với một diện tích chỉ vào khoảng chừng một huyện của Trung Quốc, vấn đề then chốt đối với tổ tiên người Việt ngay từ buổi bình minh của lịch sử là làm sao gìn giữ và củng cố được độc lập dân tộc. Phải nói là người Việt Nam đã làm nên được một kỳ tích, bởi lẽ nằm bên cạnh một nước khổng lồ và trải qua bao phen thử thách mà Việt Nam vẫn không bị sáp nhập vào bản đồ Trung Quốc và vẫn giữ được chủ quyền cho đến thời Pháp xâm. Kỳ tích đó đã được tạo nên bằng cách nào?

Hai biện pháp thoát xem có vẻ mâu thuẫn nhưng đã được áp dụng liên tục qua các triều đại trong quá trình giữ nước và dựng nước của Việt Nam là: 1) triệt để chống trả mọi xâm lăng quân sự, nhưng đồng thời 2) chấp nhận và tiếp thu các khuôn mẫu văn hoá của Trung Quốc.

Như chúng ta đã biết, từ khi giành được chủ quyền vào thế kỷ X, Việt Nam lại phải đương đầu với vó ngựa xâm lăng hung hãn của các triều Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Sau mỗi lần cả nước bất chấp mọi gian khổ đứng lên đuổi giặc giữ nước, ý chí tự chủ và quyết tâm xây dựng một quốc gia độc lập và riêng biệt ở phương Nam của người Việt hầu như lại được nung nấu và tôi luyện càng sắt đá hơn. Bởi vậy, mấy câu thơ tuy đơn

giản nhưng tràn đầy lòng tự hào dân tộc mà Lý Thường Kiệt đã viết khi phải đương đầu với Đại quân nhà Tống mà đến ngày nay, gần tám trăm năm sau đó, vẫn chưa với hào khí :

**Nam quốc sơn hà Nam đế cư,  
Tịch nhiên định phận tại thiên thư,  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.**

*Nước Nam là của vua Nam,  
Sách trời đã định lọ bàn làm chi !  
Giặc bay nếu cứ gan lì,  
Cử binh xâm lấn ắt thì bại vong !<sup>2</sup>*

Sự thật là cho đến cuối thế kỷ XVIII, tất cả các anh hùng liệt nữ của Việt Nam đều toàn là những người đã lãnh đạo công cuộc bảo vệ nền độc lập dân tộc chống lại những uy hiếp từ phương Bắc.

Nhưng vì sao, từ Lý Thường Kiệt cho đến Nguyễn Huệ, sau mỗi lần Việt Nam vừa đuổi được quân xâm lăng ra khỏi đất nước, ta lại phải tức thời phái người sang Trung Quốc để xin thiết lập lại quan hệ triều cống ? Và điều có vẻ cắc cớ và nghịch lý hơn cả là tại sao trong khi triệt để chống lại mọi xâm lăng quân sự của Trung Quốc với bất cứ giá nào, Việt Nam lại sẵn sàng chấp nhận một cách khá “ thoả mái ” những khuôn mẫu của văn hoá Trung Hoa ?

Để trả lời hai câu hỏi này, ta cần xem lại điều kiện lịch sử trong thế giới Đông Á ngày xưa. Trước Tây xâm, thế giới Đông Á được quy định bởi thể chế “ triều cống ” 朝貢 (còn gọi là thể chế “ sách phong ” 册封) với Trung Quốc là trung tâm. Trước hết, để tránh việc “ thiên triều ” cử binh xâm lấn, các nước nằm kề cận Trung Hoa như Việt Nam, Triều Tiên, v. v... đều mong muốn có quan hệ triều cống đối với Trung Quốc. Sau đó, nhằm chính thống hoá uy quyền của mình, vua của các nước này xin “ hoàng đế ” của Trung Quốc (trên nguyên tắc chỉ có vua của Trung Quốc mới được xưng là “ hoàng đế ”) sắc phong làm “ quốc vương ” (vua). Đối với “ thiên triều ”, vua của các “ phiên quốc ” có các nghĩa vụ sau đây : 1) triều cống có định kỳ (thông thường ba năm một lần), 2) xuất binh khi Trung Quốc yêu cầu, và 3) giữ thần lễ, tức là lễ nghi của kẻ dưới — giữa vua của một “ tiểu quốc ” đối với hoàng đế của “ thượng quốc ”<sup>3</sup>. Để bù vào đó, nếu các nước này bị giặc ngoài xâm lấn thì Trung Quốc có nhiệm vụ che chở, bao bọc.

Huống nữa, như đã đề cập ở trên, nền văn hiến của những “ phiên quốc ” hoàn toàn được đo lường và đánh giá theo khuôn thước của văn minh Trung Hoa. Nước nào muốn được xem là “ văn minh ” thì phải hấp thụ các khuôn mẫu văn hoá, xã hội, và chính trị của Trung Quốc. Chính vì “ thiên triều ” có thể nhân danh “ khai hoá ” để cử binh thôn tính các lân bang, đối với các nước liên sông liên núi với Trung Quốc như Việt Nam (và Triều Tiên), mô phỏng và chấp nhận những khuôn mẫu văn vật của Trung Hoa không chỉ là một chính sách văn hoá mà còn là một biện pháp tự vệ tối cần thiết. Nói một cách khác, Việt Nam cần chứng tỏ là “ bất tổn Trung Quốc, bất dị Trung Quốc ” 不遜中國 不異中國 (không thua Trung Quốc, không khác Trung Quốc) để nói lên rằng Việt Nam muốn được để yên, “ khỏi cần ” Trung Quốc cai trị<sup>4</sup>. Chính vì thế, chẳng bao lâu sau khi Việt Nam giành được chủ quyền, nhà Lý đã mở khoa thi theo lối khoa cử của Trung Hoa để kén chọn nhân tài, dựng Văn miếu (1070) thờ “ đức ” Khổng Tử (như ta vẫn thường gọi), khuyến khích nền học thuật Nho giáo bằng cách khắc tên vào bia đá để biểu dương những người đỗ tiến sĩ. Từ đó, trải qua gần tám trăm năm liên tục, sĩ tử nước ta ngày đêm

giùi mài kinh truyện của các “ vị ” thánh hiền Trung Quốc và cả Bắc sử để có vốn liếng đi thi.

Chủ trương chấp nhận văn hóa Trung Hoa như một biện pháp tự vệ (self-defense) được biểu lộ qua mấy câu thơ sau đây do Hồ Quý Ly viết khi sứ thần Trung Quốc hỏi về phong tục Việt Nam :

**Dục vấn An Nam sự,  
An Nam phong tục thuần.  
Y quan Đường chế độ,  
Lễ nhạc Hán quân thần...**

*Chuyện An Nam khách xa muốn hỏi :  
Đất An Nam phong tục thuần lương,  
Y quan mũ áo theo Đường  
Quân thần lễ nhạc như đường Hán xưa...<sup>5</sup>*

Về mặt học thuật, chúng ta biết rằng Hồ Quý Ly chính là người chủ trương đề cao tính cách dân tộc, khuyến khích dùng chữ Nôm và văn chương chữ Nôm. Nhưng khi tiếp xúc với Bắc sứ, chính Hồ Quý Ly lại cố thuyết phục đại diện của “ thiên triều ” là “ phong tục nước tôi thuần lương, dựa theo những tiêu chuẩn cao nhất vào thời cực thịnh của quý quốc ”. Xem như vậy, ta lại thấy rõ hơn yếu tố “ tự vệ ” trong thái độ của Hồ Quý Ly đối với Trung Quốc.

Vì nền học thuật ở nước ta chủ yếu dựa trên các cơ chế sẵn có của Trung Quốc nên sau khi những sĩ phu có may mắn đỗ đạt và đứng trong tư thế “ giúp vua trị nước ”, đối với họ những phương sách “ trị quốc bình thiên hạ ” hay ho nhất cũng chỉ là những bài bản hay tiền lệ rút từ Trung Quốc.

Mặt khác, chính vì người Việt chấp nhận những khuôn thước của văn hoá Trung Quốc, nên ngay khi đặt chữ Nôm — một dạng tự vốn dĩ được đặt ra nhằm bảo vệ văn hoá dân tộc và phân biệt với chữ Hán — lại dựa chính trên cách đặt chữ Hán, và điều nghịch lý hơn nữa là muốn viết và đọc được chữ Nôm thì trước hết phải thông chữ Hán !

Nói một cách cụ thể hơn, chữ Nôm, tổng hợp của chữ “ khẩu ” với chữ “ Nam ” 喃, hoặc chữ “ ngôn ” với chữ “ Nam ” 喃, “ là chữ viết để ghi tiếng nói của người Việt, người phương Nam, thường gọi là quốc ngữ hay quốc âm, đối lập với chữ Hán của người phương Bắc, người Trung Quốc ”.<sup>6</sup> Nhưng khi chế tác chữ Nôm, ta đã phỏng theo ba phép hội ý, giả tá, và hình thanh trong “ lục thư ” (sáu phép cấu tạo chữ Hán) của Trung Quốc. Để minh hoạ, ta thử lấy vài thí dụ.

(a) Hội ý : ghép hai chữ Hán và tổng hợp ý của hai chữ đó để gợi lên khái niệm muốn ghi lại. Ví dụ : tổng hợp hai chữ Hán “ thiên ” 天 (trời) “ thượng ” 上 (trên) để viết thành chữ Nôm là “ trời ” 天 .

(b) Giả tá : mượn chữ Hán theo nhiều cách, chẳng hạn mượn âm Hán - Việt của chữ Hán để ghi những từ đồng âm nhưng không đồng nghĩa. Ví dụ : mượn âm Hán - Việt của chữ Hán “ bán ” 半 (một nửa) để ghi chữ Nôm là “ bán ” (bán chác) 半 .

(c) Hình thanh : dùng một bộ thủ hay một chữ Hán làm nghĩa phụ và một chữ Hán làm âm phụ. Ví dụ : dùng nghĩa của bộ “ thực ” 食 (ăn) ghép với âm của chữ “ cam ” 甘 (ngọt) để ghi chữ Nôm là “ cơm ” 食 .

Đúng như Ngô Thời Nhiệm đã viết trong *Tự học toàn yếu* vào thế kỷ XVIII : “ Lục thư tuy tắc tứ hải đồng văn ” (lục thư để lại phép tắc, các nước cùng theo một lối chữ như nhau ; ngụ ý là chữ Nôm cũng được hình thành theo cách cấu tạo của

chữ Hán)<sup>7</sup>; muốn đọc và viết chữ Nôm — một thứ chữ do người Việt đặt ra để phân biệt với chữ Nho hay chữ Hán của Trung Quốc — trước hết phải biết chữ Hán. Nói một cách khác, ngay chính khi tìm cách phân biệt tính cách văn hoá dân tộc với những yếu tố ngoại lai (từ Trung Quốc), Việt Nam cũng không vượt ra khỏi những phạm trù và khuôn mẫu của văn hoá Trung Hoa. Tương tự, khi ta nhấn mạnh truyền thuyết “con Rồng cháu Tiên”, cho rằng tổ tiên của người Việt là Lạc Long Quân và Âu Cơ, truyền thuyết đó vẫn nói rằng Lạc Long Quân là con cháu của Viêm Đế Thần Nông, một trong những vị thủy tổ trong thần thoại lập quốc của Trung Quốc! Trường hợp Nguyễn Thuyên đời nhà Trần cũng đáng chú ý. Như ta đã biết, Nguyễn Thuyên là một nhân vật nổi tiếng giỏi chữ Nôm vào đời Trần. Tục truyền dưới đời Trần Nhân Tông có cá sấu vào sông Lô, nhà vua sai Nguyễn Thuyên làm văn tế cá sấu bằng chữ Nôm, phỏng theo chuyện nhà thơ Hàn Dũ đời Đường. Sau khi đuổi được cá sấu, để khen thưởng tài thơ Nôm của ông, nhà vua cho ông lấy họ Hàn và cải thành Hàn Thuyên. “Hàn” Thuyên là người đầu tiên áp dụng luật thơ Đường vào thơ Nôm, từ đó thơ Nôm (xin nhắc lại chữ Nôm là chữ viết đặt ra để phân biệt với chữ Hán) viết theo Đường luật lại có tên là thơ “Hàn luật”, một cái tên nghe không có vẻ Việt Nam cho lắm. Và cứ thế, cho đến thế kỷ XIX, khi vua Dục Tông khen tài của bốn nhân vật nổi tiếng văn thơ thời đó, tiêu chuẩn mẫu mực của nhà vua sính thơ này cũng vẫn là Hán Đường: “*Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán, Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường*” (Văn như Nguyễn văn Siêu và Cao Bá Quát thì dưới thời Tiền Hán cũng không có. Thơ như Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương thì ngay thời Thịnh Đường kiếm cũng không ra).

Tóm lại, có hai khuynh hướng rõ rệt trong quan hệ lịch sử giữa Việt Nam và Trung Quốc: triệt để đối kháng mọi xâm lăng quân sự, đồng thời chấp nhận những khuôn mẫu và tiền lệ văn hoá của Trung Quốc. Vì: 1) điều kiện địa lý liền sông liền núi của Việt Nam đối với Trung Quốc, 2) trong trật tự của thế giới Đông Á cổ truyền, tình hình bang giao với Trung Quốc thường mang ý nghĩa quyết định đối với sự sống còn của nước ta, và 3) Trung Quốc là trung tâm của văn minh Đông Á; Việt Nam không có cách nào khác hơn là tiếp thu và mô phỏng văn hoá Trung Quốc để vừa tự vệ và vừa nâng cao trình độ văn hoá ở trong nước. Cùng với yếu tố “đối kháng mọi xâm lăng quân sự”, có thể nói sự mô phỏng và chấp nhận, ý thức hay vô ý thức, những khuôn mẫu văn hoá Trung Hoa trên cơ sở của tinh thần Việt Nam chính là một biện pháp đã giúp Việt Nam làm nên kỳ tích là bảo vệ được chủ quyền dân tộc đối với Trung Quốc trong suốt hơn tám trăm năm. Mượn chữ của nhà thơ Đông Hồ, chúng ta có thể gọi mô hình chấp nhận và tiếp thu văn hoá Trung Hoa trên tinh thần Việt Nam là “*Hồn Đại Việt, giọng Hàn Thuyên*” (“Hồn Đại Việt giọng Hàn Thuyên, nền móng văn xưa cổ điển”, hoặc “Cung đàn diu đặt tiếng tơ, Hàn Thuyên Đại Việt hồn xưa bàng hoàng”<sup>8</sup>, tương tự như phương châm *wakon kansai* 和魂漢才 (Hoà-hồn Hán-tài; có nghĩa là “tiếp thu tri thức và kỹ thuật của Trung Quốc trên tinh thần Nhật Bản”) của người Nhật. Điểm khác biệt giữa “Hồn Đại Việt, giọng Hàn Thuyên” và *wakon kansai*, như ta sẽ thấy, là Việt Nam chấp nhận và đứng trong khuôn khổ của văn hoá Trung Hoa, còn Nhật Bản thì ở ngoài trật tự thế giới Trung Hoa.

Cuộc hành trình văn hoá “Hồn Đại Việt, giọng Hàn Thuyên” nói trên đã để lại những di sản gì! Chúng ta thử nêu ra một vài điểm chính như sau: 1) nói chung lại, trước thế kỷ XX, người Việt có hai di sản văn hoá chính: văn chương chữ Hán và văn chương chữ Nôm; sự khác biệt giữa văn chương

chữ Hán và văn chương chữ Nôm tùy theo thời và tùy theo người, có lúc được ý thức và định nghĩa khá rõ ràng (ví dụ dưới thời Hồ Quý Ly và Nguyễn Huệ vai trò chữ Nôm được đánh giá cao; nói về người, trong suốt lịch sử nước ta có lẽ Nguyễn Trãi là một trong những nhân vật có ý thức cao nhất về sự khác biệt giữa Việt Nam và văn hoá Việt Nam so với Trung Quốc<sup>9</sup>; Nguyễn Trãi rất coi trọng văn chương quốc âm); 2) có vô số hình tượng và giá trị của văn hoá Trung Hoa đã được tiếp thu và “nhập quốc tịch” vào văn hoá Việt Nam (đặc biệt trong văn chương chữ Hán), và trên thực tế đã có đóng góp phong phú vào kho tàng văn hoá của người Việt, 3) không phải ngẫu nhiên mà có nhiều tác phẩm lớn trong văn học Việt Nam (*Truyện Kiều*, *Nhị độ Mai*, *Hoa Tiên*, v.v...) là những tác phẩm điển nôm từ những nguyên tác của Trung Quốc (mặc dù giá trị văn học của những tác phẩm điển nôm này thường trội hơn hẳn nguyên tác bằng Hán văn, điển hình là *Truyện Kiều*), 4) về mặt tiêu cực, thế giới quan của người Việt bị hạn chế bởi thế giới quan Nho giáo và thể chế “triều cống” với Trung Quốc là trung tâm. Chính từ điểm 4) mà trước hoạ Tây xâm (“giặc ngoài”) vào giữa thế kỷ XIX, vua quan và sĩ phu nước ta vẫn trông cậy vào sự giúp đỡ của “thiên triều”, chứ không ý thức được rằng trật tự của thế giới ở Đông Á lúc bấy giờ đang có những chuyển biến sâu sắc, và ngay Trung Quốc cũng không tìm được cách đối ứng để giải nguy cho chính bản thân mình.

Để có cái nhìn khách quan hơn về mối liên hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, ta thử xem qua thái độ truyền thống của một nước Đông Á khác là Nhật Bản đối với Trung Quốc như thế nào.

(còn nữa)

<sup>1</sup> Yoshikawa Kôjirô, “*Chugoku no rinjin toshite no Nihon*” (Nhật bản, người láng giềng của Trung Quốc), Trong *Zuihitsu shu* (Tập tùy bút) (Tokyo, 1957), tr. 62.

<sup>2</sup> Lời dịch của người viết

<sup>3</sup> Ví dụ, sau khi chiến thắng quân xâm lược Nguyên - Mông, trong dịp thù tiếp hai Bắc sứ Mã Hợp và Kiều Nguyên Lăng, ngài bút của vua Trần Nhân Tông vẫn rất mềm mỏng: “*Thượng quốc ân thâm tình dị cảm, Tiểu bang tục bạc lễ đa tàn*” (Thượng quốc ân sâu tình dễ cảm, Tiểu bang lễ bạc thẹn sơ sài). *Thơ văn Lý Trần* (Nxb Khoa học Xã hội, 1988) tập II, quyển thượng, tr. 478 - 479.

<sup>4</sup> Trần Quốc Vương, “*Traditions, Acculturation, Renovation: The Evolution Pattern of Vietnamese Culture*” (Truyền thống, tiếp thu và đổi mới: Mô hình tiến hoá của văn hoá Việt Nam) trong *Southeast Asia in the 9th to the 14th Centuries* (Đông Nam Á từ thế kỷ IX cho đến thế kỷ XIV), David G. Marr và A. C. Milner chủ biên (Institute of Southeast Asian Studies, Singapore and the Research School of Pacific Studies, Australian National University, 1988), tr. 278.

<sup>5</sup> “*Đáp Bắc nhân vấn An Nam phong tục*” (Trả lời người phương Bắc hỏi về phong tục An Nam) *Thơ văn Lý Trần*, tập III, tr. 245 - 246. Lời dịch của người viết.

<sup>6</sup> Nguyễn Khuê, *Những vấn đề căn bản của chữ Nôm* (Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1987-1988), tr. 5.

<sup>7</sup> Đào Duy Anh, *Chữ Nôm - Nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến* (Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội, 1957) tr. 59; Nguyễn Khuê, sách d.d. tr. 29.

<sup>8</sup> Trong các câu thơ trên, Đông Hồ đã dùng chữ “giọng Hàn Thuyên” theo ý nghĩa tổng quát là biểu tượng của tinh thần Quốc văn cổ truyền của Việt Nam. Trong bài “Hồn Đại Việt, giọng Hàn Thuyên” (*Mười câu chuyện văn chương*, Hoa Kỳ: Nxb Văn Nghệ, 1986), khi viết lại những kỷ niệm về thi sĩ Đông Hồ, ông Nguyễn Hiến Lê chỉ nhắc lại những chữ đó chứ không định nghĩa nội dung của “Hồn Đại Việt giọng Hàn Thuyên” là gì.

<sup>9</sup> “Như nước Việt ta từ trước, Vốn xưng văn hiến đã lâu. Cối bờ sông núi đã riêng, Phong tục Bắc Nam cũng khác” (*Bình Ngô đại cáo*).

**Kỳ sau: Thái độ của Nhật Bản đối với Trung Quốc: kính nể hoặc phủ nhận văn hoá Trung Hoa**

# Thiếu nữ

Trần thị Diệu Tâm

## và con mắt trái



Thiếu nữ ấy là bạn tôi. Cô ta có thói quen nhìn cuộc sống bằng con mắt phía trái. Điều này có nghĩa là cô thường nhìn sự việc phía mặt sau của nó.

Cho nên tính tình cô hơi khó chịu, bạn bè không ai ưa vì cái tật nói thẳng, nói như đâm vào tim. Ế chồng là phải. Thiếu nữ và tôi là bạn thân. Quên mất, phải thưa trước với người đọc tôi cũng chưa chồng, có người yêu còn ở trại tù bên Việt Nam. Tôi chờ chàng ra tù, về bên ấy làm đám cưới ngay.

Thiếu nữ và tôi có hai nghề nghiệp khác nhau. Thiếu nữ là y tá trong một bệnh viện lớn ở Paris, phụ trách phòng hồi sinh, nghĩa là người nào sắp được ăn bát cháo lú quên chuyện đời, bước qua cây cầu biên giới giữa sống và chết thì cô này kéo ngược họ trở về, bắt họ đổ mồ hôi lặn nước mắt cuộc trần ai này. Còn tôi, đứng bán hàng ở một trung tâm mỹ phẩm và nước hoa danh tiếng tại Champs - Elysées. Có lẽ vì ảnh hưởng của nghề nghiệp nên tôi ngửi cuộc đời này bằng màu hương hoa, còn tô thêm son thêm phấn cho đời thêm điểm ảo.

Chúng tôi thuê chung một căn nhà. Ban ngày có chuyện gì vui, tối về kể cho nhau nghe.

– Hôm nay có ông người Ý, phát âm chữ R rất rõ, mua một lô nước hoa. Ba lọ Dune của Christian Dior, 3 lọ Coco Chanel, 3 lọ Byzance của nhà Rochas, toàn mùi trứ danh. Thật ít có người đàn ông nào làm quà tặng vợ hách như thế.

Thiếu nữ cho ý kiến :

– Mỗi người đàn bà thường chỉ thích dùng một loại nước hoa. Ông ta mua 3 loại khác nhau tức là ông ta có một vợ và hai cô bồ.

Tôi ngẩn người. Hình ảnh người đàn ông lịch sự ban sáng trở nên xấu xí. Tôi cãi :

– Nhưng trông ông ta đứng đắn, lại lớn tuổi rồi.

– Càng lớn tuổi, họ càng khoái đàn bà.

Tôi làm thình, thở dài.

Thiếu nữ :

– Sáng nay có một bà tự tử vì ghen, đem vào cấp cứu thì đã muộn. Lấy trong túi áo ra một bức thư tuyệt mệnh cho biết vì quá yêu chồng, không muốn thấy chồng chia sẻ tình yêu cho người khác. Bà ta khoảng 60 là ít, ắt chồng cũng xấp xỉ. Kết luận cho thấy bất kỳ ở tuổi nào đàn ông cũng có thể có bồ bịch.

Tôi im lặng.

Suần này chúng tôi nhận được giấy mời dự buổi họp mặt của một hội đoàn văn nghệ, có phần ngâm thơ ca nhạc. Thiếu nữ không thích đám đông, tôi trái lại vì có dịp trang điểm chưng diện.

Thiếu nữ nhìn tôi :

– Coi chừng diện thể là nguy.

– Sao lại nguy ?

– Có người tán tỉnh thêm mệt.

Tôi chính ngay :

– Vui chứ.

Thiếu nữ chậm rãi :

– Nè bạn, bạn hãy nhớ bạn còn có một người yêu đang ở trong trại tù miền bắc đấy nhé.

Tôi cau có :

– Đừng hiểu lầm, tôi luôn luôn chờ đợi.

Thiếu nữ :

– Chúng diện chải chuốt bóng bẩy là ngụ ý muốn quyến rũ.

Tôi bực mình định không đi dự buổi họp mặt. Nhưng Thiếu nữ làm lạnh, xin lỗi đã nói lên một điều cô cho là đúng.

Đến nơi, đám đông gồm những khuôn mặt đã thấy nhiều lần. Có ông đến gần bắt chuyện Thiếu nữ :

– Có ai lọt vào mắt xanh cô chưa ?

Tức thì bạn tôi trả lời :

– Xin lỗi ông, tôi là người Việt, mắt tôi không xanh, mắt tôi đen nên thấy mọi điều đều đen tối cả.

Người đàn ông hoảng sợ bỏ đi, tôi níu cánh tay Thiếu nữ :

– Vừa thôi bạn ơi, ông ta mến bạn lắm, nhiều lần hỏi thăm bạn đấy.

– Ăn nói ngu quá, chịu chi nổi, đuổi thẳng cha đi chơi chỗ khác.

Trên bục diễn, một ông đang phát biểu ý kiến.

Thiếu nữ nói :

– Lão này có bệnh mê mi-crô.

Tôi suýt suýt bảo nói khê chứ.

Một giờ sau cái mi-crô nghe rè rè, bèn giới thiệu đổi qua mục hát, mục hò, mục ngâm thơ.

Thiếu nữ phê bình :

– Bạn ơi, tôi chiều bạn đến đây, chứ tôi ngán quá. Những bài hát ấy, những bài thơ ấy, những lời phát biểu tôi đã nghe chán tai. Thế giới văn học của bạn đầy sáo ngữ và rỗng tuếch. Ôi những trí thức như thế mà không sáng tạo ra điều gì mới mẻ trong chục năm qua.

– Tại đời sống nơi đây không có thì giờ cho họ suy nghĩ sáng tạo.

Thiếu nữ cười :

– Những kẻ sống phè phỡn thế kia thì tâm hồn họ đã mục rữa cả rồi. Họ đi vay mượn nỗi khổ của kẻ khác để làm văn chương. Muốn trở thành nhà văn đích thực, họ phải đòi đoạn trên chính nỗi đau thương của lòng họ.

Mấy ông bà sang trọng đứng cạnh nhìn Thiếu nữ. Có bà bảo nhỏ :

– Con này khùng khùng điên điên.

Tôi ngượng, lôi Thiếu nữ ra về :

– Bạn ơi, điên vừa chứ.

Thiếu nữ nhìn tôi :

– Mỗi lần nói lên sự suy nghĩ hơi khác đám đông là họ cho mình điên. Điên cũng được, có sao đâu.

Tôi làm thình, thở dài.

Nhà hôm nay trời đã sang thu, cái lạnh lạnh làm tôi nhớ nhung. Người tôi yêu biết bao giờ mới mãn hạn tù. Buồn. Tôi đi mua sách báo Việt Nam về đọc mỗi tối. Rồi tập viết một hai truyện ngắn gửi báo đăng xem sao cho đỡ buồn, vì thấy các ông các bà bên đây ra mắt sách đều đều, tên tuổi được in lên báo chí. Hay đỡ không biết miễn sao được nhìn cái tên mình in trên giấy. Thấy ai cũng viết văn cả, tại sao mình lại không viết.

Thế là tối nào tôi cũng cặm cụi ghi ghi chép chép. Thiếu nữ vào phòng tôi hỏi thăm :

– Buồn lắm hả.

– Ủ, buồn.

– Đọc sách viết văn như thế có bớt buồn không ?

Tôi chưa biết trả lời sao, cô ta nói một hơi dài :

– Văn chương tạo ra ảo ảnh. Nhà văn bị ảo ảnh quyến rũ nên vô tình bày ra một thế giới mới nhằm đánh lừa độc giả. Nhưng chính nhà văn bị lừa trước tiên, bị lừa gạt bởi chính mình mà mình không hay.

Nói xong, Thiếu nữ cười lạnh lóét, tiếng cười ghê rợn. Tôi co người sợ hãi nhìn cô bạn mang tính ác quỷ.

Cô ta khuyên :

– Muốn khỏi buồn, đừng mơ tưởng.

Tôi nổi giận, mơ tưởng là điều quý giá nhất khi con người còn lại một mình. Tôi mỉa mai :

– Bạn hãy đi bác sĩ chữa mắt, có lẽ cái võng mô trong mắt bạn bị cấu tạo ngược chiều.

– Chính nhờ con mắt ngược ấy, mới thấy được sự giả hình của con người.

– Để làm gì chứ ? Tôi hỏi.

Thiếu nữ chậm rãi từng tiếng nhẹ :

– Để thương cho họ.

Lòng tôi chùng lại vì câu nói sau này của cô. Thiếu nữ đi tìm lấy cái không đẹp, cái tầm thường để thương người. Tôi trái lại, tìm cái đẹp để yêu mến người. Cô ác quỷ này có tiền thân là một thiên thần.

Rồi một hôm, cô trở về nhà mặt mày thờ thẫn, tôi hỏi tại sao. Thiếu nữ cho biết :

– Vừa mới hồi sinh một ông sắp chết vì tự tử.

– Vậy, nên mừng đã cứu một mạng người.

Thiếu nữ lắc đầu :

– Nếu không vì cái lương tâm vô lý của nhân đạo mà người ta bày đặt ra, tôi để chết luôn cho được việc. Ít ra người đàn ông ấy đã thành công trên đời một lần trong việc chấm dứt cuộc sống của mình.

– Hãy sẵn sóc ông ta.

Thiếu nữ nhún vai :

– Ông ấy la hét om sòm, khi biết mình còn sống. Ông ta đang thù hận tôi. Mỗi lần đến gần để đo nhiệt độ, đều phải nghe những lời mắng nhiếc. Nghĩ cho cùng, tôi đã phạm tội với ông ấy như người khác giết chết một kẻ đang muốn sống. Vì ông cho rằng sau cái chết, ông ta được hạnh phúc.

Lần đầu tiên, tôi thấy nét mặt Thiếu nữ bần khoản. Bần khoản vì đã phạm tội cứu sống một đời người, vì công việc đang làm có thực sự đúng hay sai.

Đời sống của hai chúng tôi trải qua những buổi tối trò chuyện như thế. Tôi chẳng bao giờ giải đáp được điều gì cho cô bạn, chỉ làm thinh và thở dài.

Có lần tôi chợt nói :

– Chúng mình sống, thiếu thiếu một cái gì.

Thiếu nữ cười vang :

– Thiếu đàn ông chú gì.

– Ủ, đúng.

– Hãy sống như chẳng bao giờ có đàn ông trên đời.

Tôi nói :

– Nhưng Thượng đế sinh đàn ông trước khi sinh ra đàn bà.

Vậy là Thiếu nữ được dịp nói một hơi dài :

– Ai bảo thế ? Thánh kinh hả, kẻ hậu sinh giải thích Thánh kinh cho hợp thời, cho hợp với đạo lý xã hội. Trước kia Giáo hội bắt đàn ông đi tu không được lấy vợ, cho rằng Chúa không có vợ. Bây giờ Giáo hội công giáo đang nghiên cứu cho phép hôn nhân có thể có vợ. Để có lý do chính đáng, họ sẽ giải thích rằng xưa Chúa cũng có người yêu. Và người yêu ấy có thể là bà Thánh Madeleine.

Tôi chỉ biết cười trừ, hỏi cô :

– Vậy không tin gì à ?

– Có gì vĩnh cửu để mà tin.

\*

Vào một chiều thứ bảy, tôi đang dọn dẹp áo quần, Thiếu nữ chạy qua :

– Ê bạn ơi, qua đây nhờ chút việc.

– Gì thế ?

– Vào đây chọn giùm tôi bộ áo quần nào thích ý nhất.

– Đi đâu ?

– Để mặc đi ăn tối nay.

Chuyện lạ, lần đầu tiên tôi thấy cô chú ý cách ăn mặc. Mọi ngày cô chỉ jeans, pull, trời lạnh khoác blouson.

– Nhanh một chút, sợ trễ.

Tủ áo của Thiếu nữ toàn màu tối, đen, xám đen, nâu, nâu xám hay vàng úa như lá khô rụng trên đất. Tôi chọn một bộ tailleur màu xanh đen, cho cô mượn cái sơ-mi bằng lụa hồng mới mua mặc bên trong. Tôi đưa cô đôi bông tai vàng óng ả. Thiếu nữ dầy nẩy không chịu đeo vào tai.

Tôi thuyết phục :

– Đàn bà phải có nữ trang, vậy bạn không muốn mình là đàn bà sao, ít nhất là tối hôm nay.

Sau khi mặc áo quần, đeo bông tai, trông Thiếu nữ lạ hẳn đi. Trong gương hiện ra một người con gái mẫn mà duyên dáng. Tôi đề nghị phớt lên đôi gò má một chút phấn hồng.

Thiếu nữ đưa tay sờ vào gương như muốn tìm xem đây có phải thân xác thật của mình hay không.

Tôi vui vui trong lòng nói :

– Đây là hình ảnh phản chiếu con người thật của bạn, không phải là ảo ảnh.

Tôi chải lại mái tóc cho cô, và xúc nhẹ một chút nước hoa hiệu “ 1 000 ” của nhà Jean Patou. Thiếu nữ sợ hãi né tránh mùi hương giả tạo. Cô nói :

– Tôi muốn đến với chàng bằng bộ mặt thật của mình.

Lòng tôi bưng nỏ rung động :

– Có một người đàn ông rồi. Ai ?

Do dự một lát, Thiếu nữ cầm lấy tay tôi :

– Người đàn ông mà tôi đã phạm tội cứu sống.

Im lặng. Tôi tiếp lời :

– Sau cái thất bại không được chết, ông ta thành công trong sự sống, là được yêu thương.

Và những ngày sau, tính tình Thiếu nữ đổi thay, dịu dàng và tươi mát. Môi luôn luôn sẵn sàng cười, nói những câu làm dịu lòng người nghe. Cô nhìn cuộc đời bằng cả hai con mắt, phải và trái với một chiều rộng nhân ái. Cái tâm đạo chìm sâu dưới đáy lòng cô nay thoát hiện, bắt đầu bén rễ trên mảnh đất bụi bặm này.

Bởi vì Thiếu nữ đã yêu.